

LƯƠNG - HỒ

**QUÂN - NHÂN VIỆT
QUA CÁC THỜI ĐẠI**

— 1957 —

LƯƠNG - HỒ

QUÂN - NHÂN VIỆT
QUA CÁC THỜI ĐAI

— 1957 —

Từ nhà kho của Quán Ven Đường

TUYA

Trong non một trăm năm dưới chế độ thực dân bảo hộ của Pháp, chúng ta là những người mất nước, chủ quyền quốc gia đối nội và đối ngoại là hoàn toàn thuộc về tay Pháp, Chúng ta không được cái vinh dự lo giữ nước, chúng ta không có nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc, mặc dùu rằng suốt trong giai đoạn lịch sử mất nước ấy, các thế hệ Việt Nam đã truyền tiếp nhau tranh đấu để hưởng cái vinh dự và để lãnh lấy cái nhiệm vụ ấy.

Trong hoàn cảnh ấy, tất nhiên rằng ý thức quốc-phòng trong dân chúng Việt Nam mai một dần đi: người quân nhân chỉ là một kẻ đi đánh thuê, không hơn không kém, mà người dân đóng góp để nuôi quân đội là chịu một sự cưỡng ép nhục nhã.

Tình thế đã thay đổi: Ngày nay chúng ta đã có nước, đã nắm được chủ-quyền quốc-gia trong tay. Quyền lợi đi liền với bôn phận: có nước là có bôn phận giữ nước, có chủ quyền là có nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền đó. Bôn phận và nhiệm vụ đó đặt để trên một ý thức: ý thức quốc-phòng,

Cái ý thức quốc phòng đó có sâu sắc trong dân chúng nói chung và trong quân đội nói riêng, thì nền tảng tinh thần xây dựng quốc phòng mới vững bền. Quân đội là tiêu biểu và là sự cụ thể hóa cái ý chí quốc phòng của toàn dân trong thực tế xã-hội đấu tranh. Quân đội vì thế phải là hiện thân của ý thức quốc phòng của toàn dân. Tinh thần quốc-phòng đi trước

quốc-phòng tinh thần và quốc-phòng vũ lực đấu tranh là thể. Có sẵn sàng đỗ máu thì lúc cần mới đem máu ra đỗ.

Tinh thần quốc-phòng là do tình yêu, yêu nước và yêu nhà, cùng với những ý thức về nhiệm vụ bảo vệ đất đai và chủ quyền quốc gia kết hợp nên. Rồi theo với thời đại tiến hóa mà tinh-thần đó được trau dồi và phát-triển thêm mãi : trong những ý-thức về nhatem-vụ bảo-vệ đất đai và chủ quyền quốc gia đã ướm sẵn những ý thức của tư-do, dân-chủ vân vân. Bảo vệ đất đai và chủ-quyền quốc-gia chính là để bảo vệ quyền tự-do sống và quyền làm người của mình.

Tinh thần quốc-phòng hiện lên dưới những nét rõ rệt của thời đại : Ý-thức dân-tộc và Quốc-gia, độc-lập tự-do, dân.chủ v.v., hợp lại thành một ý-thức tranh đấu chung cho toàn dân.

Ngày nay trong văn-đề quốc-phòng đặt lên với tất cả sự quan-trọng của nó trước sự thực của quốc-tế đang sống trong đe dọa của một cuộc chiến tranh khủng-khiếp nhất của loài người, trước sự thực của dân-tộc vừa tinh giắc nô.lệ và còn đang sống trong tình trạng như mồi hôi sinh, nếu tổ-chức và võ-trang là một sự cần-thiết thì sự phát-huy được những ý thức trên kia để củng cố tinh thần quốc-phòng cũng là một điều-kiện sinh tử có ảnh hưởng quyết-định đến sự thành bại của quốc-gia trên con đường tiến thủ.

Trong những ý-thức kể trên, có những ý-thức vốn đã sẵn có trong dân-tộc, trưởng thành theo với giòng lịch-sử tiến-hóa của dân-tộc nhưng vì hoàn-cảnh của quốc-dân sống trong thời kỳ nô lệ vừa qua mà bị mai một đi, và những ý-thức phát sinh trên những nền-tảng và điều-kiện của xã-hội do thời đại tiến-hóa chung của loài người mà có.

Tuy nhiên dù là mới hay cũ thì ý-thức nào cũng xuất

phát từ đời sống thực tiễn của quốc-dân, chưa đựng những nguyễn-vọng của quốc-àùn. Quốc-dân chỉ đồ máu để thực-hiện những ý-thức ấy, theo với thời-đại mà mang những mầu sắc mới nhưng cũng không vì thế mà bỏ hẳn những mầu sắc riêng biệt của mình do hoàn-cảnh sinh-hoạt xã-hội đặc-biệt của mình mà có.

Những ý-thức cũ bị mai một đi, tất nhiên là phải khôi-phục lại, cũng như những ý-thức mới của thời-đại là phải thuận theo với lề-tiến-hóa của dân-tộc, trên nền tảng và điều-kiện xã-hội của dân-tộc và thời-đại mà dân-tộc hóa đi, để có thể là những món ăn tinh thần cho dân tộc.

Có những người sẽ nhún vai mà nói rằng : « Thời-đại này là thời-đại khoa-học nguyên-tử, một trái bom có thể tiêu-diệt được cả một dân-tộc, thì khôi-phục lại những ý-thức lịch-sử phải chẳng là một việc làm vô ích ? »

Thưa rằng : « Nói đây là nói tinh thần và ý-thức đấu-tranh vận-dụng vũ-khi đấu-tranh, dù vũ-khi đó là bom nguyên-iết, không có tinh-thần và ý-thức đấu-tranh thì vũ-khi chỉ bằng thừa chưa nói rằng mình lại không có nguyên-tử ».

Tinh-thần đấu-tranh có phong phú rìa rào, ý-thức đấu-tranh có sâu sắc mới có thể có đấu-tranh bền gai quyết-liệt.

Ý thức sâu sắc là ý thức có nguồn.

Vậy làm thế nào để có thể có một tinh thần phong phú, một ý thức sâu sắc nếu những thứ đó không có gốc và không nối tiếp được với nguồn đã phát sinh ra những thứ đó ?

Do đó nên khôi-phục lại những ý-thức đã bị mai một đi là mong có được những ý-thức sâu sắc vĩnh-bất nguồn từ trong lịch sử để làm nền tảng tinh thần cho toàn bộ thế hệ ý thức đấu-tranh ngày nay mà chẳng phải công việc bảo thủ vô ý-thức.

Công sản Việt Nam xuyên-tac lịch sử để tiêu diệt ý-thức

và thực thể dân tộc nhằm thực hiện cuộc giải cấp đấu tranh mà ngày nay còn đặt vấn đề « khai thác vốn cũ của dân tộc », sự kiện đó đủ chứng tỏ rằng vốn liếng tinh thần và vật chất của dân tộc là một yếu tố quan trọng trong cuộc đấu tranh hiện đại mà Cộng Sản Việt vì không bô được nên tìm cách lợi dụng đưa vào một công cuộc chống lại quyền lợi của dân tộc.

Đối với những người chủ trương dân tộc như chúng ta, chẳng những đã phải nắm lấy những vốn liếng ý thức của dân tộc mà còn phải quyết tâm không để cho Cộng Sản Việt khai thác và lợi dụng những vốn liếng ấy để dưới chiêu bài dân tộc, làm công việc phá hoại dân tộc.

Quân đội, như đã nói ở trên, là hiền thân của ý thức quốc phòng của toàn dân trong hiện tại. Trước lịch sử, quân đội chính thức kế thừa sản nghiệp ý thức của dân tộc gìn giữ và phát huy vốn liếng ý thức đó.

Người quân nhân Việt Nam vì thế trong giai đoạn hiện tại phải được giáo dục về những ý thức đó để xứng đáng là một dân tộc quân, chưa nói rằng trên những ý thức đấu tranh của dân tộc còn có thể rút được những kinh nghiệm quý báu của ông cha trong sự thực hiện và bảo vệ những ý thức ấy.

Việt sử đấu tranh là một kho tàng cần được khai quật lên để những chiến sĩ dân tộc ngày nay tìm thấy trong đó hình bóng của những chiến sĩ dân tộc trước những gương tranh đấu ngàn đời của người Việt Nam, những mẫu mực chiến đấu trong một hoàn cảnh địa dư và một hình thế đất đai không thay đổi.

Trong công cuộc bảo vệ giỗng nòi và quyền sống của mình người trước đã ý thức như thế nào, đã làm những gì bằng những phương pháp nào, thành hay bại đều là những bài học của lịch sử mà những kẻ nối tiếp cần phải biết.

Trong cuốn sách nhỏ này chúng tôi không dám làm thay
đồng việc của những sĩ gia mà chỉ mong tìm qua các thời đại
mẫu mực quân nhân Việt-Nam trên ý-thức và tinh-thần tranh-
đấu trong sự thực-hiện cái sứ-mạng mà mỗi thời-đại trao vào
tay quân nhân. Chúng tôi mong rằng đây chỉ là một bước đầu
của một công cuộc lớn lao, công cuộc thành lập một « lịch-sử có
ý-thức » khác với cái công việc « kề lại lịch-sử như kề ~~tối~~ một
quá-khứ xa xăm khong ăn nhập gì đến cuộc sống hiện tại »
và chống lại cái công việc của Cộng-sản Việt uốn nắn và xuyên
tac lịch-sử một cách bạo ngược để chứng minh cái lý-thuyết
giải-cấp đấu-tranh chẳng ăn nhập gì với nền-tảng và điều-kiện
sinh-hoạt của xã-hội Việt nam qua các thời-đại.

Bằng ý-thức của dân-tộc thời-đại hiện-tại mà tìm hiểu
những bước đi của Sử-Việt là đã một phần nào nối liền sợi
giây truyền-thống giữa các thế-hệ Việt trước và nay đã bị lỏng
lẻo bởi non một trăm năm sống mất chủ-quyền nghĩa là sống
« không lịch-sử ».

¶ Đạt được một phần nghìn nào cái nguyễn-vọng ấy là một
phần thường vô giá đối với chúng tôi đã dám làm bàn tới Sử.
Mà dẫu chẳng đạt được đi chăng nữa chúng tôi cũng được một
an ủi rằng việc phải làm tall có người đương, thất bại này cũng
có cái ý-nghĩa của nó trong những thành công nay mai của bao
nhiều cây bút Sử khác.

TÁC GIÀ

Khái-niệm về vân-dề Xây-dựng Tinh-thần quân-đội

Vân-dề xây-dựng tinh-thần một quân-đội thực-rakhông phải là một vân-dề mới-lạ ngày nay mới-có. Trong lịch-sử Việt-nam mỗi thời-đại đều đã làm-tùy theo với những nền-tảng và điều-kiện của xã-hội thời-đại và bằng những phương-tiện thích-nghi với hoàn-cảnh.

Xây-dựng tinh-thần quân-đội là cỗ và phát-huy ý-thức, đấu-tranh của mỗi người quân-nhân. Người quân-nhân ra trận là mang theo những ý-nghĩ : hy-sinh cho một mục-dịch nào, cho ai ? Tùy-theo ở sự giải-dáp những câu hỏi đó mà người quân-nhân quyết-dịnh được một tinh-thần và một thái độ tranh-dấu.

Tất cả những nghi vấn nêu lên trong đầu óc người ra trận và tất cả những giải đáp với những nghi vấn đó hợp lại thành một tối thiểu ý-thức gọi là ý-thức đấu-tranh. Đấu-tranh có ý-thức là đấu-tranh trong sự hiểu biết rõ rệt mục-dich, kế-hoạch và phương-pháp đấu-tranh.

Cho nên nhiệm vụ lãnh đạo đấu tranh trên phương diện tinh-thần là làm cho mỗi chiến-sĩ triết-dề ý-thức được nhiệm vụ sứ-mạng cùng đường lối thực-hiện nhiệm vụ sứ-mạng của mình. Người chiến-sĩ lý-tưởng là người chiến-sĩ được vũ-trang đầy đủ về lý-luận đấu-tranh, trong thấy gian nan nguy-hiểm mà tiến lên đón-lấy, nhìn rõ thấy cái chết mà vẫn đủ lý-tri sáng-suốt để đương đầu và nếu cần thì coi chết là một vinh-dự.

Nhưng nếu tinh-thần quốc-phòng đi trước mọi tổ chức và vũ-trang quốc-phòng thì dân-gian quốc-phòng đi trước quân sự quốc-phòng bởi lẽ trước khi là một quân-nhân người chiến-sĩ đã là một người dân có một tối thiểu về ý-thức quốc-phòng.

Do đó mà xây-dựng tinh-thần quân-đội phải đi đôi với công việc phổ biến ý-thức tranh đấu trong dân-gian.

Một quốc-gia độc-lập với một quân-đội để bảo-vệ chủ quyền chánh trị và đất đai của quốc-gia ấy là một sự kiện dĩ nhiên và thông thường quá đến hầu như không còn phải bàn cãi gì nữa. « giặc đến nhà đàn bà phải đánh », đó là nhiệm vụ chẳng riêng gì của đàn ông, của quân-nhân mà là của toàn dân.

Nếu hiểu một cách đơn giản như vậy và coi cái hiện-tượng « đồ máu lịch-sử » ấy là một quy-luật lịch-sử nhất định sẽ xảy ra khi có những nguyên-nhân và điều-kiện đầy đủ, thì công việc xây dựng tinh-thần quân đội có thể là không thành vấn-dề nữa, hoặc rút lại chỉ còn là công việc huấn-luyện chuyên môn về chiến-lược, chiến-thuật quân sự để tăng thêm

chiến đấu tinh, nhằm tăng cường hiệu-lực của đấu-tranh.

Tuy nhiên nếu chỉ tin cậy vào câu «giặc đến nhà đàn bà cũng phải đánh», nói chí tới đàn ông và quân nhân thì cũng nên tìm hiểu những nguyên-nhân nào đã thúc đẩy «đàn bà ra trận?» Vì lý do gì mà nhảy vào vòng khói lửa? Cho ai? Nếu nhiệm vụ của toàn dân là chống giặc thì ai trao nhiệm-vụ ấy cho toàn dân? Vì thực ra, câu phuơng ngôn đó là phản ảnh cả một ý-niệm về dân gian quốc-phòng của ông cha chúng ta.

Trong những hoàn-cảnh nào, với những điều-kiện tinh-thần và vật-chất nào mà đấu-tranh? Thực-hiện một chiến-lược, chiến-lược ấy ở đâu mà ra? Áp-dụng một chiến-thuật, điều-kiện nào của chiến-tranh quy-dịnh nên chiến-thuật ấy?

Trong đấu-tranh cần phải sáng suốt mới mong vận-dụng được hết năng lực chiến đấu của mình, vận dụng được hết những điều-kiện thiêng thời, địa lợi, nhân hòa có lợi cho mình mà không thể đấu-tranh «mờ» hay bịt mặt mà đánh nhau được.

Đấu-tranh sáng suốt là đấu-tranh có ý-thức.

Ý-thức đấu-tranh có sâu sắc, lý-luận đấu-tranh có sắc bén tinh-thần đấu-tranh mới quyết liệt và quyết thắng.

**Cuộc thắng trận nào thì cũng bắt đầu bằng sự thắng
ở nơi mình trước đã rồi mới thắng người.**

Vấn-dề xây dựng tinh-thần quân đội bắt đầu là tự đó.

Có nồng nỗi đến đâu thì cũng phải nhận rằng một khi có giặc tới nghĩa là có xâm lăng, cái ý-thức về hiềm họa của một sự mất chủ-quyền (ý-thức độc-lập) đã đến một đời sống bị chà đạp nhục nhã bởi ngoại xâm (ý-thức dân-tộc) đã khiến cho mõi

người dân vùng lên tranh đấu, đem máu xương ra để bảo vệ lấy một sống còn danh dự.

Những ý-thức về dân-tộc, độc-lập, về quyền sống và quyền làm người ấy cùng với tình yêu của những người cùng một giống họ, cùng một hoàn cảnh sống, hợp nên một Ý-Thức Đấu-Tranh để bảo vệ dân-tộc độc-lập với những quyền đó. Những ý-thức ấy từ đâu mà nhập vào đầu óc người dân? Tất nhiên là không phải do giặc nhặt cảng hoặc tự trên trời rót xuống, mà cũng chẳng phải do hoàn cảnh xã-hội một lúc đã gày nên được.

Nói tới ý-thức là nói tới một trạng-thái tinh-thần, một trạng thái hiểu biết nông hay sâu đi từ cảm-giác đến lý-trí, kết hợp nên trong một quá trình không gian và thời gian, trước một hiện-tượng nào đó không ngừng vận-motion.

Có dân-tộc mới có ý-thức dân-tộc, có độc-lập mới có ý-thức độc-lập. Cái quá-trình thành lập và trưởng thành dân-tộc với cái quá-trình vận-motion và kiện toàn độc-lập cũng là cái quá-trình thành lập và trưởng thành những ý-thức dân-tộc và độc-lập.

Những ý-thức dân-tộc và độc-lập có sâu sắc hay không, có mãnh liệt hay không, còn phải trông vào sự bồi dưỡng, nuôi nấng những ý-thức đó trong dân gian nói chung, trong quân đội nói riêng, của mỗi thời-đại xã-hội có nhiệm-vụ phát-huy tinh-thần dân-tộc và tinh-thần độc-lập trên nền-tảng của dân-tộc và xã-hội thời-đại.

Những ý-thức dân-tộc và độc-lập ấy có thể bị lùm mờ và mai một dần đi hoặc bị tiêu-diệt trong những trường hợp dân-tộc bị đô hộ dưới những chính-sách đồng hóa hay thực dân. Thời Bắc thuộc trong lịch-sử Việt-nam và thời Pháp thuộc vừa qua, để quốc muôn cỗ nền thống-trị của họ, bao

giờ cũng tìm đủ mọi phương-pháp để tiêu-diệt những ý-thức đó.

Từ hơn mươi năm trở lại đây, chính sách của Cộng sản Việt cũng nhằm những tác-dụng tiêu-diệt đó để thực hiện lý-tưởng xã-hội quá khích và phi nhân loại của họ mặc dầu bề ngoài vẫn hô hào dân-tộc và độc-lập, bề trong đã tiến-hành công cuộc tiêu-diệt ý-thức dân-tộc bằng những phương-pháp giáo-dục và những kỹ-thuật tuyên-truyền khoa-học.

Sự nhận xét trên cho phép chúng ta kết luận rằng nếu những ý-thức dân-tộc và độc-lập có thể bị tiêu-diệt đi để tiêu-diệt quốc-gia dân-tộc thì cũng có thể phát-huy và làm trưởng thành lên được để bảo-vệ quốc-gia dân-tộc.

Và câu «giặc đến nhà dân bà phải đánh» với cái ý-nghĩa toàn dân đấu-tranh đã ngầm yêu-cầu một điều-kiện tất yếu ; tinh-thần dân-tộc và độc-lập trong dân chúng đã tới một mực độ khá cao, ý-thức dân-tộc và độc-lập đã sâu sắc nên tinh-thần và ý-thức đấu-tranh mới phô biến đến mỗi phụ nữ.

Bình thời có nuôi dưỡng ý-thức dân-tộc và độc-lập trong dân gian, có phát-huy những ý-thức đó trong quân đội thì chiến thời mới có dân cầm súng giết giặc, có quân nhân quyết tử để quyết thắng,

Cái hiện tượng «đỗ máu lịch-sử» được coi là một quy-luat tất nhiên phải xảy ra mỗi khi có giặc đến, thực ra là cả một công cuộc vĩ đại trên văn-hóa, chính trị giáo-dục nhằm bồi dưỡng và phát-huy tinh-thần dân-tộc và tinh-thần độc-lập. Nó chỉ «tất nhiên xảy đến» khi nào cái công cuộc vĩ đại ấy thành tựu tới một mực độ nào và sẽ không xảy ra nếu công cuộc đó bị sao lăng hay bị coi nhẹ.

Dân chúng còn cần được trau dồi về những ý-thức dân-tộc và độc-lập huống chi là quân đội ?

Quân đội là lực lượng tổ-chức thường-xuyên tiêu biểu cho sức tranh-dấu lấy sống còn và cho lý-tưởng của dân-tộc.

Mà quân nhân là người dân được nuôι, được dậy, được tổ-chức và trang bị để gánh vác trách-nhiệm thiêng liêng bảo vệ đất đai chủ-quyền và đời sống của quốc-dân.

Làm tròn trách nhiệm ấy là phải sẵn sàng đem xương máu ra thực-hiện một nhiệm-vụ tiền-phong do toàn dân ký thác cho, người quân nhân tất phải có trước và có một cách sâu sắc những ý-thức dân-tộc và độc-lập, về quyền sống danh dự của một quốc-dân.

Sự xây dựng tinh-thần quân đội phải đặt đề trên những ý thức cơ sở ấy.

Cơ sở ý-thức có được củng cố, lý-tưởng mục-dich mới nẩy nở được và phương châm chiến đấu mới vững vàng.

Làm thế nào để củng cố được ở nơi người quân nhân những cơ sở ý-thức ấy, điều-kiện căn bản để có thể tiến tới sự tranh-dấu cho một lý-tưởng?

Làm thế nào mà bối durosing được những ý thức ấy để phát huy được tinh-thần đấu-tranh ? Đề mỗi người quân nhân có thể trở thành một chiến-sĩ dân-tộc, gạt bỏ được những tâm lý đánh thuê hay đánh lầy lè của thời nô lệ đã qua trong đó ý-thức dân-tộc, quốc-gia, độc-lập vàn vàn không có đất phát triển ? Cũng như cần phải gạt bỏ hẳn cái quan niêm cho rằng một quân đội như kiều quân đội Lê-Dương (légion étrangère) Pháp không cần đến một sự giáo-dục gì về ý-thức chính-trị cũng vẫn có thể chiến đấu một cách có hiệu lực. Cái quân đội không lý tưởng đó chỉ là một thứ phụ lực quân trong quân đội Pháp nhưng cũng có một truyền thống binhngū, và đặt trong hệ thống quân sự của Pháp có ý-thức chính-trị, có ý-thức dân-tộc và có binh thống

hắn hoi. Hơn nữa đây chỉ là một thứ quân đội để quốc chuyên đánh thuê trên đất người, và thường là thất bại trước hình thức chiến-tranh nhân-dân như lịch-sử đã chứng tỏ.

Hãy kéo sát vấn-dề lý-thuyết vào thực tiễn xã-hội Việt Nam hiện tại. Hoàn-cảnh xã hội quốc gia Việt Nam ở vào một tình trạng đặc biệt.

Dân tộc Việt vừa thoát khỏi ách nô lệ của thực dân : truyền thống của một quân đội độc lập bị cắt đứt, tinh thần dân tộc một phần đã bị phá sản bởi chính sách thực dân

Tiếp theo đó là cuộc kháng chiến 9 năm dưới sự lãnh đạo của Cộng-Sản lợi dụng sự thèm muốn những ý-thức dân tộc, độc lập để thực hiện chủ trương tiêu-diệt dân tộc: trong cuộc kháng chiến hình thành một thứ quân đội «siêu dân tộc» vô tổ-quốc, xây dựng trên cơ sở ý-thức giai-cấp đấu-tranh, lấy tiêu-diệt giai cấp làm nhiệm-vụ chính.

Cuộc kháng-chiến châm dứt, đất nước Việt Nam bị chia sẻ làm hai bởi hiệp định Gio-Neo, kết-quả của những chính sách Cộng-Sản và thực dân tiêu diệt dân tộc.

Nhân-tâm-quốc-dân Việt lại bị ly tán trong 9 năm trời máu lửa, tinh-thần dân-tộc và độc lập một phần bị lợi dụng bởi những «chính quyền quốc gia», phong kiến và bù nhìn để phục vụ quyền lợi thực-dân, một phần bị Cộng sản Việt lợi dụng để thực hiện một chủ trương vô dân tộc.

Trong nhu-yếu chiến tranh của Pháp chống Cộng-sản Việt để tái lập chủ quyền Pháp trên đất Việt, hình thành một thứ quân đội không lý-tưởng với những thành phần hết sức phức tạp trên mọi phương diện. Quân đội đó, từ là một lực-lượng phụ lực của quân đội Pháp, biến chuyển dần dần, thúc đẩy bên ngoài bởi hoàn cảnh chiến tranh, bên trong bởi sự tham

gia của những phần tử dân-tộc "do chính sách tổng-dòng-viên", đưa vào và bởi sự thức tỉnh ý-thức dân tộc trước những biến chuyển của thời cuộc.

Sự trưởng thành của quân đội đó dâng buộc vào một giai đoạn trở thành một lực lượng tự trị với những sĩ quan Việt chỉ huy riêng, tách khỏi sự chỉ huy trực tiếp của sĩ quan Pháp ở những cấp bậc thấp nhất của các đơn vị chiến đấu, nhưng cũng chưa dứt khỏi trạng thái « đánh thuê » hay cao hơn một chút là « chống Cộng trên quyền lợi của Pháp » thì chiến tranh chấm dứt.

Đó là tất cả cái thực-tiễn xã-hội quốc-gia Việt nam, cái giá tài vật-chất và tinh-thần mà chúng ta đã thừa hưởng.

Vinh và nhục của chúng ta cũng lại là ở chỗ đó.

Chấm dứt được tình trạng xã-hội đau đớn ấy, đưa cái quân đội ấy lên địa vị một quân đội của một quốc gia độc lập, có ý-thức dân-tộc và độc-lập, có chính nghĩa, có lý tưởng, có ý-thức chính-trị để nhận định được những chính sách thủ tiêu dân-tộc của Cộng-sản Việt, đó là vinh dự của chúng ta.

Và đó cũng là những điều kiện tối thiểu để thực hiện những nhiệm vụ của thời đại và của giai đoạn lịch-sử Việt hiện tại.

Trong những nhiệm vụ ấy có thể kể những vấn đề chính như :

- Vấn đề cách mạng quốc-gia để cải tạo xã-hội,
- Vấn đề thống-nhất quốc-gia,
- Vấn đề kiện toàn nền độc-lập,

— Vấn đề củng cố tinh thần quốc gia, dân tộc và phát huy những ý thức ấy để chống lại chính sách của Cộng sản.

— Vấn đề phát huy lý tưởng quốc gia.

Toàn dân nói chung và quân đội nói riêng phải trau dồi khả năng hiểu biết và thực hành để thích ứng với những nhiệm vụ đó.

Trong cuộc đấu tranh ấy, quân đội đóng vai tiền phong và đồng thời là hậu thuẫn của chính sách theo đuổi sự thực hiện những nhiệm vụ của dân tộc và thời đại.

Trách nhiệm của quân đội là lớn lao nhất.

Nhiệm vụ đấu tranh và hình thức đấu tranh yêu cầu ở quân đội một cơ sở tinh thần vững chắc, một lập trường vững chắc, một ý thức chính trị sâu sắc khả dĩ đương đầu được với sức tấn công chính trị và tinh thần của Cộng sản Việt và tiến lên làm lung lạc được tinh thần của đối phương.

Cuộc đấu tranh có tính cách toàn diện và toàn dân, mỗi người dân và mỗi quân nhân phải là một chiến sĩ dân tộc chống Cộng hoạt động trong phạm vi lãnh vực của mình. Do đó nên trong công việc xây dựng tinh thần quân đội, cần phải xác định được tương quan giữa dân và quân, nếu cao được vai trò xã hội của quân nhân trên lý thuyết cũng như trong thực hành mà không phải chỉ là những khẩu hiệu suông không có ảnh hưởng trong quân đội và trong dân chúng.

xxx

Như trên đã nói, sự xây dựng tinh-thần quân đội yêu cầu sự đặt định một cơ sở tinh-thần làm nền-tảng. Chỉ khi nào nền

tảng tinh-thần ấy đã được củng cố mới có thể bắt đầu hướng dẫn quân đội đó tiến tới trình độ có ý-thức về nhiệm-vụ xã-hội về lý-tưởng quốc-gia dân-tộc, trên một lập-trường và đường lối chính-trị thích hợp với toàn quốc-dân.

Nói một cách khác quân nhân là một chiến-sĩ dân-tộc trước khi trở thành một chiến-sĩ cho một lý-tưởng.

Cơ sở tinh-thần của quân đội hiện nay đã là những ý-thức dân-tộc và độc-lập thì bồi dưỡng và phát huy những ý-thức đó là *nguyên tắc cơ sở xây dựng tinh-thần quân-đội*.

Như chúng ta đã biết, những ý-thức dân-tộc và độc-lập là do một quá-trình vận-động lịch-sử của dân tộc độc-lập đã tạo nên.

Cái quá-trình lịch-sử ấy của dân-tộc độc-lập còn đang diễn tiến trong giai-đoạn hiện tại, giữa thời-đại và xã-hội hiện nay. Bồi dưỡng tinh-thần dân-tộc và độc-lập tất nhiên không thể không biết đến cuộc vận-động lịch-sử ấy làm bằng máu xương trí óc và kinh-nghiệm của những thế-hệ ông cha trước tiếp nối thế-hệ chúng ta hiện tại,

Cái quá-trình vận-động lịch-sử ấy đã diễn tiến như thế nào? Trong những hoàn-cảnh và điều-kiện đất đai, văn-hóa chính-trị xã-hội, kinh-tế nào của từng giai-đoạn mà phát sinh và trưởng thành những ý-thức dân-tộc và độc-lập?

Mỗi thời-đại đã bồi dưỡng những ý-thức ấy như thế nào? Bằng phấn đấu? Bằng máu đồ-xương phơi? Bằng kinh-nghiệm tích-lũy? Bằng giáo-dục?

Trong cái giây truyền thống ấy, chúng ta tiếp thu những gì từ trước và có những nhiệm-vụ lịch-sử gì đối với dân-tộc ngày nay?

Đại biều cho tư cách và giá trị tranh-dấu của Sứ Việt là những binh-gia Việt qua các thời-đại, đòi đòi dúc những kinh-nghiệm máu để tạo nên một tri-thức cần yếu cho chiến-tranh và là vốn liếng tinh-thần của người quân nhàn hiện đại.

Vốn liếng ấy người quân nhàn hiện đại phải duy-tri, bắc-vệ và làm sinh sôi nẩy nở thêm lên trên nền-tảng và điều kiện của xã-hội hiện đại cộng với những tri-thức chiến-tranh của nhàn loại thời đại.

Làm được điều trên, người quân nhàn Việt-Nam để bảo-vệ lấy đất dai, văn-hóa và dân-tộc Việt, chẳng những đã không bỏ phi máu xương của ông cha mà còn đem hòa được với máu-xương của loài người trong quá-trình tranh-dấu lấy sống còn,

Tinh-thần và tri-thức chiến-tranh ấy sẽ đưa quân đội lên một địa vị xứng đáng của một quân đội trong một quốc-gia độc-lập.

Do đó, trau dồi và phát-triển tri-thức chiến tranh của người quân nhàn hiện đại là công-tác xây dựng tinh-thần trọng-yếu bằng tinh-cảm giáo-dục và lý-trí giáo-dục.

Để có một cái nhìn tổng-quát về văn-dề xây dựng tinh-thần quân đội, chúng ta có thể viết thành một biều đồ như sau:

Lý - tưởng

Ý-thức chính-trị xã-hội

Nhiệm-vụ dân-tộc thời-đại

Tri-thức chiến-tranh nhân-loại

Tri-thức chiến-tranh dân-tộc

Dân-tộc binh-thống. Binh-phạm.

Dân-tộc chiến-pháp diễn-hình

Dân-tộc quân-sự văn-hiến,

Nền-tảng tinh-thần

Cơ-sở ý-thức : dân-tộc độc-lập, xã-hội ý-thức.

Qua biểu-dồ trên, chúng ta có thể nhận thấy rằng người
quân-nhân Việt qua các thời-đại có những nhiệm-vụ và ý-thức
cùng những tri-thức chiến-tranh của mỗi thời-đại.

Tất cả dựng nên một kiến-trúc ý-thức đi từ nền-tảng tinh-
thần đến lý-tưởng qua những ý-thức chính-trị về xã-hội, kinh-
tế vân vân, trên nền-tảng và điều-kiện thực-tiễn của xã-hội.

Ở đó mà một mâu-mực quân-nhân xuất hiện với những
đức-tính của thời-đại, quyết định đến sự sống còn của dân-tộc,

Những mâu-mực ấy có thể coi như những mộc-cắm trên
con đường tiến-hóa và trưởng thành của người quân-nhân Việt

từ trước cho đến ngày nay trên con đường mà người quân nhân hiện-dai đang tiếp tục tiến bước.

Sự cống cỗ và phát-huy những cơ sở ý thức dân-tộc và độc-lập ở người quân nhân khởi điểm ngay trong sự phát quật những mâu mực quân nhân của mỗi thời-dai phơi ra ánh sáng những nhiệm-vụ cứu-quốc và xã-hội, những ý-thức tranh-dấu của người quân-nhân trong mỗi giai-đoạn lịch-sử qua những thực-tế tinh-chức vũ-lực đấu-tranh, qua những mục-dich chiến-lược và chiến-thuật của từng thời-dai.

Lịch-sử Việt là một giây chuỗi tranh-dấu không ngừng. Những bước tiến-hóa và trưởng thành của người quân-nhân Việt trên ý-thức tranh-dấu trên tri-thức chiến-tranh, trên tinh-chức và võ-trang. Do đó chúng ta có thể theo với những giai-đoạn đấu tranh trong lịch-sử Việt-nam vào những thời kỳ mà tinh-thần đấu-tranh lên cao nhất để ghi nhận những nét diền hình của người quân-nhân. Những giai-đoạn đó là :

- Kháng chiến thời Thục-An-Dương-Vương;
- Cách-mạng thời Trung-Nữ-Vương;
- Thống-nhất thời Đinh.Tiên.Hoàng;
- Phật Tông thời Lý-Thường-Kiệt;
- Trường-kỳ kháng-chiến thời Trần-Hưng-Đạo-Vương;
- Toàn diện cách-mạng thời Lê-Lợi;
- Bình Thành thời Quang-Trung;

Tất cả hợp thành một sợi giây truyền-thống kháng-chiến, cách-mạng và thống-nhất đều là những vấn-dề mà ông cha chúng ta đã giải-quyết và hiện nay chúng ta đang phải giải quyết.

Kháng-chiến và Cách-mạng Quân thời Thục-An-Dương-Vương

I.— Nền tảng và điều-kiện của cuộc kháng-chiến và Cách-mạng.

Chế độ chính trị: Chế-dộ Lạc-tướng và Lạc-hầu từ đời Hồng-bàng vẫn được tiếp-tục thi hành nhưng dưới đời Thục, quốc-gia đã được xây dựng một cách chặt chẽ hơn, chính thể trở thành nền quân chủ phản quyển.

Chế độ sinh hoạt: Lãy lạc-diền làm căn bản nghĩa là ruộng trong làng được chia đều, còn gọi là quân-diền chế.

II. — Cuộc kháng-chiến Cách-mạng của Thục. Phân : Nhà Tần sau khi đã thống-nhất Trung-Hoa và đặt thành

36 quận ở Trung nguyên từ giải Nam-lãnh trở lên phía Bắc thì Tần-thủy-Hoàng phái đại quân 50 vạn di chinh phục đất Bách-Việt ở miền Nam chia làm 5 đạo do Đồ-Thư và Liêu-Lộc thống-súy.

Đạo thứ nhất và đạo thứ nhì xuất phát từ Hồ-Nam, qua đèo Cửu-nghi và Thùy-an mà đánh vào Quảng-Tây ;

Đạo thứ ba xuất phát từ Tràng-sa qua đèo Quế-Dương;

Đạo thứ thứ tư xuất phát từ Nam-da ở phía Nam Dư-chương qua đèo Mai-lĩnh tiến vào Quảng-Đông ;

Đạo thứ năm xuất phát từ Du-Cañ trong tỉnh Giang-Tây nhằm vào Chiết-Giang và Phúc-kiến.

Trong vòng 3 năm trời nhà Tần đã chinh-phục được Đông-Việt, Mân-Việt, Nam-Việt và các bộ lạc rải rác ở phía Bắc Quảng-Tây,

Đạo quân thứ nhất do chính Đồ-Thư chỉ-huy-muốn di sâu xuống miền Nam nhưng vì không có đường vận lương, Liêu-Lộc phải cho quân lính đào kênh nối sông Tương với sông Lý (nay là kênh An-hưng) để cho quân Tần tiến vào Tây-Âu giết tú trưởng là Dịch-hu-Tống, nhưng quân Tần vấp phải sức kháng-chiến kịch-liệt của người Lạc-Việt là nhóm Lạc-Việt lân cận nhóm Tây-âu và là tổ tiên trực tiếp của chúng ta.

« Người Lạc-Việt đều vào rừng sâu ở, không chịu làm tội mọi nhà Tần, Họ đặt người kiết-tuấn là Thục-Phán lên làm tướng rồi cứ ban đêm thi ra đánh quân Tần, giết được Đồ-Thư, làm bị thương đến mấy chục vạn người » (Sách Hoài-Nam Tử Thiện Nhân gian huấn).

« Người Tần đóng binh ở đất vô dụng, tiến không được thoái không được, hơn mười năm trời, cơ khỗ vô cùng. (Sử-Ký Tư-Mã-Thiên quyển 112)

So với lực lượng quân Tần thời đó với thế lực nhà Tần đang thịnh, nhất thống Trung-Hoa, đắp Vạn Lý Trường Thành ở phía Bắc để phòng Địch, mở chiến dịch ở miền Nam để thôn tính đất Bách Việt đồng thời để củng cố nền thống trị nội bộ, tiêu diệt phản ứng phong kiến nho gia bằng cách đốt hết các sách, lực lượng kháng chiến tuy nhỏ yếu và còn tản漫 mà thành công được nhờ sức quật cường của người Việt thời bấy giờ hết sức là dũng mãnh lại thêm có một ý thức chính trị đấu tranh rất cao như chúng ta sẽ nói về sau này.

Qua cuộc kháng chiến của Thục Phán, chúng ta nhận thấy rằng:

Đây là một *dân gian chiến tranh* chống với xâm lăng để quốc Tần.

Chiến lược của kháng chiến là : Trường-kỳ và tiêu thổ.

Chiến thuật của kháng chiến là : Du kích chiến và đánh đêm. Tiêu hao lực lượng địch.

Vũ khí sử dụng là : Cung nỏ và tên bịt đồng của người Việt thời bấy giờ (hai thế kỷ trước Tây Lịch) đã nổi tiếng một thời đại,

III. Ý thức đấu tranh :

Hình thức quốc gia tổ chức với những chế độ Lạc tướng, Lạc điền, với sự xây thành đắp lũy kiên cố mà đến nay vẫn còn di tích, hình thức dân gian chiến tranh với những chiến lược và chiến thuật nói trên chứng tỏ rằng ý thức đấu tranh đây là ý thức bảo vệ nòi giống đang từ giai đoạn sống bộ lạc chuyển sang giai đoạn quốc gia dân tộc. Có thể nói rằng, ý thức dân tộc mạnh nha từ thời kỳ này.

Ý thức dân tộc đấu tranh đi liền với ý-thức văn hóa đấu tranh để bảo vệ dân tộc, vũ khí sáng tạo đi liền với tư tưởng sáng tạo.

Nô Thần với vuốt rùa còn gọi là « Linh Quang », còn gọi là Liên Nô thực ra chỉ là một thí « súng liên thanh » của thời đại bấy giờ mà nhà Thục đã sáng tạo ra và giữ bí quyết.

Loa Thành còn gọi là Kha Lư (Kê ốc) mà người Hán gọi là Côn-Lôn thành (Vòm trời) là một sự nghiệp kiến trúc vĩ-đại của dân tộc Việt đã biết từ hơn 22 thế kỷ về trước, đem ý thức về sự tiến hóa của nòi giống chuyền vào vật chất. Thành dài rộng 1000 trượng, quanh co khuất khúc 9 tầng, xây trên một địa thế rất hiểm trở là sự biểu hiện của cả một triết học về kiến trúc lấy lẽ tiến hóa của nòi giống làm nội dung tinh thần.

Sự rời kinh đô từ Phong-châu (thuộc địa hạt Bách Hắc, tỉnh Vĩnh-Yên) về Phong Khê (thuộc huyện Đông Anh tỉnh Phúc yên) chứng tỏ rằng khi Thục-Phán lên thay thế Hùng Vương không phải chỉ có mục đích cướp ngôi vua mà thôi, mà còn có ý chí mong kiến-lập lại nòi giống Việt tàn mạn trước cuộc chinh-phục của Tần-Thủy-hoàng bằng cách thiết lập một trung tâm sinh-hoạt cho các nhóm Bách-Việt và bảo-vệ trung-tâm đó bằng Loa-Thành.

Ý chí đó của Thục-Phán còn phát hiện trong sự cố gắng liên-lạc các nhóm người Việt do Thục-Phán chủ trương để thành lập một quốc-gia phương Nam chống lại đế-quốc nhà Tần.

Sự đổi quốc hiệu là Âu-Lạc của Thục-Phán tượng trưng cho ý chí thống-nhất do; Âu-Lạc là do Tây Âu và Lạc-Việt hợp-nên.

IV.— Mẫu mực quân nhân Việt nam thời Thực An-Đương-Vương.

Trong cuộc kháng chiến bền gai này, mầm mống dân tộc đã thành hình mở đầu cho những cuộc kháng-chiến và cách-mạng dân tộc sau này.

Qua những chiến lược và chiến-thuật áp dụng trong cuộc kháng-chiến, tinh thần đấu tranh của người Việt phát hiện: tinh-thần quật-cường chống trả kịch-liệt cuộc xâm lăng Hán vì lòng hy sinh của người Việt đi đôi với tinh bền chịu đựng gian nan và khó nhọc.

Trên những cơ sở ý-í-thức bảo vệ nòi giống, dân tộc và quốc gia, mà phát sinh ra ý thức quốc phòng cụ thể hóa bằng Loa Thành và sự thiết lập kinh đô mới để phòng xâm lăng, ý thức đoàn kết và thống nhất cụ thể hóa bằng sự đổi quốc hiệu là Âu-Lạc.

Người quân nhân thời đó còn biết lợi dụng những điều kiện thiên thời và địa-lợi để tăng thêm cường lực của vũ khí mới sáng tạo ra cung nỏ và tên bít đòng,

Để chống lại cuộc xâm lăng của nhà Tần và ám mưu đồng hóa người Bách Việt với nòi giống Hán bằng cách di dân sang phương Nam hàng chục vạn tài nhân và những kẻ vong mạng người Việt dời Thục đổi ngoại phải làm một cuộc dân-tộc kháng-chiến, đổi nội một cuộc cách-mạng quốc-gia, sáng-tạo vũ khí và tư-tưởng trong sự bảo-vệ và phát-huy văn-hóa dân-tộc.

Tất cả những điều đó chứng tỏ rằng ông cha chúng ta đã ý-í-thức một cách sâu sắc cuộc đấu-tranh lấy sống còn của nòi giống trên suốt mặt sinh-hoạt.

Những vấn-dề kháng-chiến cách mạng thống nhất cũng như những vấn-dề chiến-lược và chiến-thuật đích xác rằng không phải là những khám phá mới lạ đối với chúng ta ngày nay.

Ngày nay chúng ta thành hay bại trong sự giả quyết những vấn-dề đó, một phần còn phải trông vào những kinh-nghiệm của ông cha chúng ta thời đó là vì thời thế tuy có thay đổi nhưng lịch-sử vẫn là một với những vấn-dề cũ.

V.—Kinh.nghiệm.

Sự thành công trong kháng-chiến và cách-mạng của nhà Thục nằm trong sự ý-thức được một cách sâu sắc những vấn-dề của thời đại đó để có thể tự tạo lấy một ý-thức đấu-tranh vượt hẳn ý-thức đế-quốc của địch.

Và năng lực sáng tạo của dân-tộc thời đó trên vũ-khi và trên tư-tưởng là những điều-kiện của thành công.

Sự thất bại của nhà Thục trước dã-tâm của Triệu-Đà là ở chỗ dã dề mất bí-quyết vận-dụng văn-hóa đấu-tranh. Trọng-Thủy là giặc nằm trong nhà.

Kinh-nghiệm thành bại ấy cho phép chúng ta nhận định rằng sáng-tạo trong đấu-tranh là một điều cần-thiết trên nền-tảng và điều-kiện xã-hội của dân-tộc. Lập-trường dân-tộc kháng-chiến đi đôi với hình thức dân-gian chiến-tranh là thích hợp với ý-thức dân-tộc chớm nở và ý-thức quốc-gia đang trưởng thành.

Cuộc kháng Pháp của Cộng-sản Việt ngày nay dưới sự lãnh đạo của ý-thức giai-cấp đấu-tranh nhập cảng không ăn nhập gì với nền-tảng và điều-kiện xã-hội Việt nam phải chăng là một sự sai khớp giữa tinh-thần lãnh-dạo và hình-thức chiến-tranh quy-định bởi hoàn cảnh đất dai ? Sự sai khớp ấy phải chăng là một nguyễn-nhân chính trong sự thất bại của công cuộc kháng Pháp do Cộng sản Việt lãnh-dạo, dẫn đến cảnh cắt xé đất dai và chủ-quyền ngày nay ?

Đặt câu hỏi lên tức là đã trả lời rồi đó.

Cách-mạng quân thời Trung-Nử-Vương

I.— Nền tảng và điều kiện xã hội của cuộc Cách mạng Trung-Vương

Năm Canh-Ngọ (III trước Tây Lịch) Tùy Hán sai Lộ Bá Đ Đức và Dương Bộc sang đánh nhà Triệu, lấy được Nam Việt rồi đổi nước thành Giao-chỉ-bộ và chia ra làm 9 quận. Dưới cái danh hiệu Giao-chỉ nước ta thành một tỉnh của Tàu và sát nhập hẳn vào nội địa Trung-Hoa.

Ở mỗi quận, nhà Tùy-Hán đặt quan thái-thú để coi việc cai trị trong quận và quan thứ-sử để giám sát mỗi quận. Chính-sách cai trị bằng quan liêu thế-tộc này là một hình-thức thực quan chẽ-đẹp. Nhưng thực quan chỉ phải cống hiến và phục tòng mà thôi. Nền tự-trị của các Lạc-tướng và Lạc-hầu vẫn được tôn-trọng một khi đã đầu hàng Tùy-Hán. Họ vẫn giữ nguyên quyền thế và chỉ phải nộp thuế cống cho các thái-thú và thứ-sử.

Những viên thực quan này được giúp đỡ trong công việc của họ bằng một nền hành-chinh hoàn toàn có tính cách « bảo hộ »; Thủ-sử thì có các lại viên giúp việc, dưới quan thái-thú có một viên quan thừa thay mặt thái-thú khi có nhiều việc. Bên cạnh thái-thú là các Duyên-sư chia ra các Tào túc là phòng giấy; mỗi Tào có một số thư tá chuyên việc giấy tờ, bẩm báo. (Việt-sử Tân Biên).

Tuy nhiên việc cai-trị trực-tiếp nhàn-dân vẫn trong tay quý tộc Việt. Do đó mà trong suốt 119 năm đô hộ của Tùy-Hán, không thấy có một cuộc cách-mạng nào để chống lại chính-sách thực quan của Tùy-Hán.

Thực-dân chế-độ: Mỗi liên lạc chặt chẽ giữa Giao-chỉ-Bộ và nhà Hán chỉ bắt đầu từ sau cuộc nổi loạn của Vương-Mãng đánh đổ nhà Tùy-Hán.

Trong thời kỳ Vương-Mãng cướp ngôi nhà Hán, bọn Đặng-Nhượng, Tích-Quang và Đô-Mục chỉ giữ châu quận nhưng không chịu thần phục Vương-Mãng. Mãi đến năm Kỷ-sửu tức là năm Kiến-Võ thứ năm đời vua Hán-quang-Vũ, thủ sứ Giao-chỉ là Đặng-Nhượng mới cho sứ đem lễ vật về cống triều đình nhà Hán.

Quang-Vũ tiếp tục lại chính sách của nhà Tùy-Hán nhưng chặt chẽ hơn: các thủ sứ không được rời chau-trị dù có tang cha mẹ. Những luật lệ khắc nghiệt được đem thi hành để đề phòng mọi mầm mống nổi loạn; quân đội thường trực để sẵn sàng đàn áp cách mạng. Chính sách để quốc thực dân của Quang-Vũ được một số thái-thú Hán chốn loạn Vương-Mãng và vì kinh tế mà phải di dân sang ta, đem thực hiện và chuyển chế độ thực quan sang chế độ thực-dân và thực-diền. Trong bọn này phải kể:

Tich-Quang sang bèn ta từ đời Tây-Hán và Nhâm-Diên, từ đời Kiến-Võ nhà Đông-Hán, vừa theo đuổi chính-sách đồng hóa của Hán tộc, vừa mong gầy thế-lực riêng cho mình.

Tich-Quang dậy dân Việt cày cấy theo lối Hán và theo lê nghĩa Hán. Dưới sự lãnh đạo của Tich-Quang, người Hán xâm nhập vào đời sống tr. trị của dân ta, lập thành đồn-diền mà người Hán eai quản và dân ta biến thành nòng nô. Chế-dộ Lạc-diền của người dân Việt chuyển thành chế độ thực-diền, đồng thời thực quan chayenn sang thực dân.

Nhâm-Diên sang làm thái-thú tại quận Cửu-Chân dậy dân Việt làm lê cưới hỏi theo lê nghi Hán khi lấy vợ lấy chồng, lại bắt lại-thuộc trong quận lấy một phần lương bồng của mình giúp cho những người nghèo đói để cưới vợ lấy chồng. Người dân Việt cảm ơn Nhâm-Diên bằng cách sinh con ra thì lấy họ Hán.

Nước ta, dân Việt ta đổi họ từ đấy, Chính-sách thực quan ta biến thành chính-sách đồng hóa bằng văn-hóa.

Từ linh-thồ xâm lược biến sang chủng-tộc đồng-hóa là tất cả mặt mũi nhân nghĩa của bọn thái-thú Hán mà lịch-sử Việt ngày nay còn ghi ơn (!)

Bên cạnh bộ mặt nham hiểm của chính-sách thực dân và đồng hóa mà đại-diện là Tich-Quang và Nhâm-Diên còn một bộ mặt tàn ác mà đại-diện là Tô-Định.

Năm Giáp-Ngọ (34) là năm Kiến-Võ thứ 10 Hán-Quang-Vũ phái Tô-Định sang làm thái-thú quận Giao-Chỉ. Tô-Định là một tên tham tàn và hiếu sát đã khiến cho lòng dân oán giận lên cực độ. Năm Canh-Tí (40) Tô Định lại giết ông Đặng-Thi-Sách là chồng bà Trưng-Chắc. Hành-động ấy đã đầy cuộc Cách-

Mạng của hai bà Trưng vào cái thể phải bùng nổ ngay nếu không muốn bị tiêu-diệt trước khi phát động đấu-tranh.

II. — Ý-nghĩa của cuộc Cách-Mạng Trưng Vương :

Trong chính-sách thực dân và đồng-hoa của nhà Đông-Hán mà thành hình cuộc Cách-Mạng hai bà Trưng. Cho nên những hành-động của Tô-Định và việc giết Thi-Sách chỉ là giọt nước làm tràn chén nước và là nguyên-nhận trực tiếp quyết định sự bùng nổ của Cách-Mạng.

— Cuộc khởi nghĩa và cuộc kháng chiến chống Mã-ViỆn :

Đặng-thi-Sách thuộc đẳng cấp quý-tộc thời bấy giờ làm quan tại huyện Châu-Diên thuộc tỉnh Vĩnh-Tường tỉnh Vĩnh-Yên ngày nay, là một người có uy-tín nhất tại bộ Giao-Chỉ.

Vợ ông, bà Trưng-Chắc là con một Lạc-tướng ở huyện Mê-Linh, làng Hạ-Lôi tức làng Cỗ-Lai tỉnh Phúc-Yên ngày nay.

Sự kết hôn giữa hai họ Đặng-Trưng, dưới con mắt của Tô-Định là một cuộc đồng-minh chính-trị (alliance politique) mưu lật đổ nền thống-trị Hán.

Mọi công cuộc cách-mạng là do Thi-Sách chủ mưu. Việc bại lộ, Thi-sách bị Tô-dịnh bắt đem giết đi là mong diệt ngay tận mầm mống cuộc Cách-mạng. Nhưng Thi-sách trong công cuộc chuẩn-bị cách-mạng được bà mẹ của hai bà Trưng là người có tài thao lược, và nhiều mưu trí giúp đỡ. Bà Man-thiên sau này được tôn lên là Man-hoàng thái-hậu, chính là người đã đứng ra làm đại-biểu cho toàn thể bộ Giao-chỉ chống lại văn-hoa Hán.

Khi Thi-sách bị giết, thề của hai bà Trung là phải phất cờ khởi nghĩa mặc dầu rằng cuộc cách-mạng chưa chuẫn bị xong vì Tô-dịnh sửa soạn vây Mê-linh.

Hai Bà bèn phát hịch kêu gọi toàn dân khởi nghĩa, thay Thi-sách cầm quyền tướng tiến đánh thẳng vào Liên-Lâu thành là thủ phủ của nước ta khi ấy.

Khi xuất trận, hai Bà cưỡi voi mặc áo giáp vàng và che lọng vàng. Vũ-khi của cách-mạng quân là cung, tên tầm thuốc độc giáo, gươm, đao, phun lửa.

Các quận Cửu-chân, Nhật-nam, Hợp-phố cùng các tầng lớp nhân dân ở các nơi đều đứng lên hưởng ứng nhiệt liệt nên chỉ trong ít ngày 65 thành đã lọt về tay người Việt. Tô-dịnh và các quan cai-trị phải tháo chạy về quận Nam-hải.

Đuôi được quân Hán ra khỏi bờ cõi, hai bà xưng Vương, đóng đô tại Mê-linh. Nền tự-chủ Việt-nam bắt đầu từ năm 40 đến năm 43 thì chấm dứt với sự thất trận của hai Bà.

Tháng chạp năm 41, Mã-viện là thượng tướng Hán được phong làm Phục Ba tướng quân cùng với Lưu-Long và Đoàn-Chí đem quân sang đánh ta. Mã-Viện là anh vợ Hán-Quang-Võ năm đó đã 70 tuổi và là người có tài thao lược, sức còn khoẻ, đem 8000 quân chinh-quy mộ ở các quận Tràng-sa, Quế-Dương Linh-Lăng cùng với 12.000 quân của Thương-ngô lấy ở các tỉnh Quảng-Đông, mở rừng phá núi tiến sang Giao-Chỉ, qua Nam-Ninh tới sông Kỳ-Cùng thì gặp quân của bà Thánh Vẽ tức Thánh-thiên Công chúa đem quân lên đón đánh. Bà Thánh Vẽ cầm cự với Mã-Viện luôn trong 5 tháng trời, Mã-Viện bị bại liền lui quân sang vùng Bắc-Giang và gửi sớ về xin Hán-Đế tiếp viện, Hán-Đế mặt truyền phải dùng mưu hơn là dùng võ-lực. Mã-Viện liền sai Lưu-Long đem một đạo

quân từ Bảo-Lạc thuộc tỉnh Cao-Bằng đến đóng Đại-Nam vùng Thập-Lục châu (Tuyên Quang) Quân Hán di đến đâu phao tin lên rằng Mã-Viện đã vào thành Mè-Linh rồi, Thánh thiên-Công chúa được tin đồn đó liền đem quân rút lui, Mã-Viện thừa cơ hội đó liền tấn công thẳng vào Mè-Linh, Quân các nơi của Bà Trưng: Bát-Hoa đóng ở Tuyên-Quang, Đô-đu ở Nghệ-An, bà Thánh Vẽ ở Chi. Lăng kéo về đóng ở Thạch-Thất gặp quân Mã-Viện đánh nhau một trận kịch-liệt. Mã-Viện thắng trận này, quân của hai Bà đều rút cả về Mè-Linh, bị Mã-Viện vây trong 4 ngày, hai Bà phá vòng vây chạy đến sông Hát, thế cung phải tự tử.

III — Ý Nghĩa của cuộc Cách-Mạng Trung-Vương

Trong chính-sách thực dân và đồng hóa của nhà Tây-Hán mà thành hình cuộc cách-mạng của hai Bà-Trưng. Những hành động của Tô-Định và việc giết Thi-Sách chỉ là giọt nước làm trào chén nước đầy và là nguyên-nhâu trực-tiếp quyết định sự bùng nổ của Cách-Mạng, nhưng những nguyên-nhân sâu sắc nằm trong những thực hiện đồng hóa của loài thái-thú như Nhâm-Diên và Tích-Quang có thể làm lung lạc hết các thể-quyền của các Lạc-tướng thời bấy giờ, làm băng hoại mọi cơ cấu xã-hội Việt từ tinh-thần đến thực-tế tổ-chức mà tiến tới sự tiêu-diệt nần dân-tộc Việt.

Do đó mà cuộc Cách-Mạng Trung-Vương có nhiều tính-chất ý-nghĩa của :

Một quý-tộc cách-mạng do các Lạc-tướng chủ-trương, liên kết với nhau chống lại chính-sách của những loài thái-thú như Tích-Quang ;

Một dân-tộc cách-mạng chống lại chính-sách đồng hóa của loài thái-thú như Nhâm-Diên ;

Một bình dân và dân gian cách-mạng chống lại chính sách hàn-khắc và bóc lột của loài thái-thú như Tô-Định.

Trong những ý-nghĩa ấy, cuộc Cách-mạng Trung-vương là phần động lực dân-tộc chống lại nền thống-trị ngoại lai ;

Phản ứng văn-hóa dân-tộc trước chính-sách đồng hóa

— Phản ứng dân-gian trước chính-sách hà hiếp và bóc lột,

— IV Cơ sở ý thức đấu-tranh trong cuộc cách-mạng Trung-Vương:

Qua những tinh-chất ý-nghĩa của cuộc Cách-mạng Trung-Vương mà ta có thể nhận thấy những cơ-sở ý-thức đấu-tranh của thời đó.

- Ý thức quốc-gia chống lại nền thống-trị Hán ;
- Ý thức dân-tộc chống lại dã-tâm đồng-hóa của nhà Hán ;
- Ý-thức văn-hóa đấu-tranh chống lại sự xâm-nhập của văn-hóa Hán.

Trên những ý-thức cơ-sở đó, cuộc Cách-mạng Trung-Vương đã tiếp nối được với cuộc cách-mạng của Thục-An-Dương Vương và mở đầu cho những cuộc cách-mạng vận-động về sau này trong suốt thời kỳ Bắc-thuộc lần thứ ba.

Sự hiện diện của rất nhiều nữ-tướng trong cuộc chống nhau với Mã-Viện như Thánh Thiện Công-chúa, Bát Hoa công-chúa (Bát Nan) bà Man Thiện, bà Lê Chân vẫn vẫn, dưới sự lãnh đạo của hai bà Trung chứng tỏ rằng ý-thức Nam-Nữ bình-quyền trong văn-hóa Việt thời đó vẫn còn được duy-trì.

Coi hiên tượng đó là một phát hiện của chẽ độ thi tộc mẫu hệ như Cộng sản Việt lý luận theo biện chứng duy vật là chẽ bỏ ý thức quốc gia của người Việt it ra cũng có từ đời Hồng Bàng, là chẽ bỏ hơn 2000 năm để chẽ do nhà Hồng Bàng dựng lên Giá trị của chẽ độ thời đó thế nào? Suốt trong khoảng 2000 năm, sử không chép, trong dân gian không thấy truyền lại một câu truyện nội loạn nào dù dẽ cho người Cộng sản Việt suy nghĩ.

V.— Kinh nghiệm thành bại:

- 1) Cách-mạng Trung-Vương đã biết dùng voi để chiến đấu;
- 2) Biết lợi dụng được khí hậu và hình thế đất dai;
- 3) Hai Bà Trưng không đem quân đi đánh phá các thành mà là do dân chúng địa phương nồi lên cướp, hưởng ứng lời kêu gọi khởi nghĩa của hai bà;
- 4) Sự thất bại của hai bà chính là ở chẽ chưa chuẩn bị xong đã phải phát động cách mạng;
- Đường xá giao thông còn khó khăn nên chưa thực hiện được thống nhất toàn cõi;
- 6) Thủ đoạn đồng hóa của bọn thái-thú thực dân đã làm, giảm suy tinh thần dân tộc;
- 7) Quân cách mạng là quân ô hợp, làm thời tò chừc để đối phó với tinh thể. Tướng cũng không phải là tướng bách chiến. Trái lại quân Hán là quân tinh nhuệ, tướng ở trong nội loạn mà ra, có trật tự, có phương pháp chiến đấu, khi giới lại dời dào mà quân số cũng trội hơn.

8) Quân Hán dùng tạo ngôn chiến lược, phao tin đồn nhằm làm nao núng quân cách mạng. Dân không có tích cực tham gia chiến tranh, giặc di đến đâu chỉ có quân của hai Bà ra tiếp chiến.

Lý luận của Cộng-sản Việt cho rằng: « Cuộc chiến thắng oanh liệt của Hai Bà chỉ nhất thời. Nó không đủ điều kiện xã hội để nương tựa. Một xã hội không thống nhất như xã hội phong kiến đâu có gây được sức đoàn kết lâu dài, huống chi xã hội nông nghiệp lại không phải chỗ tựa vững bền cho xã hội thị tộc mẫu hệ sinh tồn... Và hai Bà chiến đấu đâu phải vì quyền lợi đẳng cấp của họ nên Mã-Viện đã thắng ».

Cuộc Cách mạng Trung Vương có phải là một cuộc dân tộc cách mạng hay không, có phải cuộc văn hóa dân tộc đấu tranh chống chính sách đồng hóa hay không, những điều trình bày ở trên đã chứng tỏ quá nhiều.

Người Cộng Sản Việt chỉ ẩn nhớ lại câu chuyện dựng cột đồng của Mã Viện. Sau khi đặc thắng, Mã Viện cho dựng một cột đồng rất lớn ở chỗ ranh giới Hoa Việt và khắc sáu chữ: « Đồng trụ chiết Giao-chỉ diệt » nghĩa là nếu cột đồng này gãy thì giông Giao chỉ cũng chẳng còn. Cột đồng đó tất không phải để dọa riêng các Lạc tướng hay để khiêu khích « bọn quý tộc hiếu chiến » nói theo giọng duy vật, nó bộc lộ tất cả cái dã tâm đồng hóa của nhà Đông Hán, nó phát hiện tất cả mối lo sợ tiêu diệt của toàn dân Việt thời bấy giờ. Mã Viện đã nắm chắc được cái động cơ tâm lý của cách mạng mà diễn tả ra bằng một hành động đầy dọa nạt ấy.

Cái hành động ấy của Mã Viện còn nói lên hết tất cả chính sách thực dân và đồng hóa của nhà Đông Hán trước và sau cuộc cách mạng Trung Vương. Bởi thế nên khi nói « các đẳng cấp quý tộc Lạc hầu và Lạc tướng sợ quyền lực của họ bị thâu đoạt, vì quan lại Tầu lập 1 ngành quan lại hạ cấp khiến cho số người thoát ly hệ thống phong kiến mỗi ngày một đông », là muôn đúng trên

lập trường giai-cấp, hạ giá cuộc cách-mạng Trung-vương, đồng thời hạ giá cuộc tranh-dấu của những người đã lãnh đạo cuộc cách-mạng đó để chứng-minh cho một lý-thuyết nhập cảng hiện-dai, mà quyết không phải vì tinh-thần khách quan đối với lịch-sử, cố tình nhầm mắt trước chính-sách đồng hóa của nòi giông Hán đối với nòi-giông Việt.

Trước sự đe-dọa tiêu-diệt dân-tộc ở một thời-dai mà ý-thức loài người về chính-thể mới đạt tới trình-độ phong-kiến, nói rằng giai-cấp quý-tộc lãnh-dạo chỉ tranh-dấu cho quyền-lợi của họ mà không biết đến quyền-lợi của dân-tộc thật không khác gì người vào rừng bị cây che lấp mắt rừng, cây là quyền lợi riêng của từng lớp người, rừng là quyền lợi chung cho toàn thể, cuộc cách-mạng dân-tộc của hai Bà là trên quyền lợi sống còn của dân-tộc trong đó tất nhiên có quyền-lợi của các đẳng cấp dù là quý-tộc hay nông-dàn.

Cuộc chống-xâm-lăng Pháp ngày nay trên tinh-thần và ý-nghĩa lãnh-dạo của người Cộng-sản Việt là phản lại ý-nghĩa và tinh-thần cuộc kháng-chiến cách-mạng Trung-vương.

Trên thương-tầng lãnh-dạo ấy, từ ý-thức đến tinh-thần đấu-tranh đều đi mượn và tách rời khỏi ý-thức và tinh-thần đấu-tranh của hạ-tầng dân-chúng.

Ý-thức giai-cấp đấu-tranh thay thế cho ý-thức dân-tộc đấu-tranh, do đó cách-mạng không phát-huy được tác-dụng và ý-nghĩa của dân-tộc văn-hóa đấu-tranh là cơ sở tinh-thần để xây dựng sự-nghiệp kiến-quốc.

VII. — Mẫu mực quân-nhân thời Cách-mạng Trung-vương

Quân-nhân cách-mạng thời Trung-vương đã ý-thức về những sở-trường của mình trong công-cuộc chống-Hán :

- đặc trường về sử dụng cung tên, phun lửa và voi;
- Lợi dụng được hình thê đất đai và khí hậu.

Tinh thần Nam Nữ bình quyền của dân-tộc còn duy trì được đề phát hiện trong cuộc đấu tranh với sự chỉ huy của nhiều nữ tướng : chống lại phong tục khinh-miệt đàn bà của người Hán.

Cái chết của hai Bà và của bà Man-thiện đề cao tinh thần bất khuất của dân-tộc với cái ý-nghĩa • thà chết vinh còn hon sống nhục ..

Quần nhân cách-mạng Trung-vương là hiện thân của :

- Ý-thức và tinh thần dân-tộc chống lại thống trị ngoại lai,
- Ý-thức văn-hóa dân-tộc chống lại đồng hóa văn-hóa,
- Tình thương nòi giống trước đe dọa tiêu-diệt giống nòi
- Tình-thần đoàn-kết biếu hiện trong hai câu ca dao khầu hiệu :

*« Nhiều điều phủ lấp giá gương,
« Người trong một nước phải thương nhau cùng. »*

Khầu hiệu đoàn-kết ấy nói lên hết tất cả tình thương của nòi giống, khác hẳn với những khầu hiệu đoàn-kết, thống nhất của người Cộng-sản Việt ngày nay với những nguyên-tắc như:

« Tôn trọng quyền-lợi các đảng phái »

« Điều-giải hợp lý quyền-lợi các giai cấp »

thù giao-cấp biến đoàn-kết và thống nhất thành tiêu-diệt và đặt đế trên cẩm thù độc-quyền thống-trị.

Trên những ý-nghĩa và tinh-thần đó, cuộc cách-mạng Trung Vương đã nối tiếp được với truyền-thống cách-mạng thời Thục-An-Dương-Vương.

Cách-Mạng Thông-Nhất Đinh-Tiên-Hoàng

II.— Nền-tảng và điều-kiện xã-hội của Cách-Mạng Đinh-Tiên-Hoàng

Sứ quan thời đại : Trong luôn mười một thế-kỷ quẫn quại dưới gót nòi Hán, người Việt-nam đã không ngừng tranh đấu những mong thoát khỏi sự hà hiếp, bóc lột cùng chánh-sách đồng hóa của nòi Hán. Mỗi lần đau khổ đến cùng cực là một lần những anh hùng cứu quốc xuất hiện. Cho nên người Hán càng tìm những phương pháp rất khoa học, dùng những thủ đoạn rất sâu độc để dành cho người Việt Giao-Chỉ cái số phận của những bộ lạc khác thuộc nòi Việt như Đông Việt, Mân Việt, vân vân. Cái dã tâm đồng hóa ấy của người Hán thâu tóm trong

Đầu châm ngon « Hưng Hoa diệt Di » đã gặp phải sức, kháng cự kịch-liệt và không ngừng của người Việt Giao-Chỉ.

Tuy nhiên cuộc Bắc-thuộc, mặc dầu mấy lần bị dứt quãng bởi những cuộc vận động giải phóng dân tộc, cũng đã khiến cho dân tộc ta chịu những ảnh hưởng đến nay vẫn không phai mờ.

Từ, sau khi hai Bà Trưng thất bại, chính-sách thực dân và đồng hóa của nhà Đông Hán và sau đó là của Đông Ngô, càng ngày càng cố ăn sâu trong dân chúng Việt-nam.

Cuộc hỗn chủng càng ngày càng phát triển đi liền với tình trạng văn-hóa Hồng-Lạc ngày một như bị corm đi mà không phát triển nổi nữa. Cơ cấu xã-hội Việt bị băng hoại trước sự xâm nhập của văn-hóa Hán do các thái-thú nhập cảng sang.

Trên phương diện văn-hóa bằng cách dậy người Việt dùng chữ Hán, người Hán đã phổ biến một cách mau lẹ những tư tưởng Trung Hoa như đạo Khổng, đạo Lão. Phong tục Hán, lễ nghi Hán đều được dân Việt theo dõi thậm chí đến thay đổi cả họ mình theo họ Hán không khác gì ngày nay, dưới thời bảo hộ của Pháp, nhập quốc tịch Pháp là một vinh dự.

Tinh thần dân tộc tất nhiên là bị sút kém đi rất nhiều và những nền tảng tinh thần Việt, trước sức tấn công của văn-hóa Hán cũng bị lung lay. Người dân Việt nam dưới quyền thống trị Hán nhiều khi bỏ cả những phong tục hay đẹp của mình mà học tập lấy những cái xấu của người nhà cũng bắt chước người Hán khinh miệt phụ nữ mà bỏ mất cái quan-niệm « nam nữ bình quyền » của dân-tộc thường biếu hiện trong lịch-sử Việt.

Chính-sách đồng hóa ăn sâu vào các tầng lớp dân chúng làm giảm tinh-thần dân-tộc là làm giảm tinh-thần đấu-tranh trong dân chúng mất tin tưởng vào khả năng của mình.

Trước tình trạng đau đớn ấy, tư tưởng của đạo Phật tràn vào nước ta và được coi như là một liều thuốc làm êm dịu những vết thương dân tộc.

Trên phương diện xã-hội-giai-cấp phân chia theo kiểu Hán một trật tự mới là trật tự xã-hội của Khổng Tử thay thế dần cho trật tự cũ.

Trên phương diện kinh-tế, sự lũng đoạn của nền hàn-h-chính Hán trong đời sống dân chúng Việt bấy giờ làm mất cái ý-nghĩa và giá-trị của chế độ Lạc-Điền cổ truyền, tạo nên một hạng nông nô phục vụ giai-cấp mới giới tất nhiên là phải có do đế-quốc đào tạo ra và phục-vụ giai-cấp ngoại lai thống trị.

Tuy nhiên trong sự giao động của hai văn-hóa Hán-Việt, không phải là người Việt thời bấy giờ không học được gì và không thu hút được những tinh hoa của một nền văn-hóa xâm nhập vào đất nước dù bằng vũ lực và qua nền thống trị.

Trong khoảng mười một thế-kỷ Bắc thuộc cắt đứt bởi những thời kỳ tự chủ ngắn ngủi từ vài chục năm đến vài ba năm hay mấy tháng, dân tộc Việt cũng đã tiến những bước khá dài trên mọi phương diện sinh hoạt văn hóa, chính trị, xã-hội, kinh tế nhờ ở sự hấp thụ những tinh hoa của văn hóa Hán và nhất là ở những cuộc đấu-tranh giành quyền tự chủ.

Tất cả những cuộc đấu tranh chống Hán ấy, vì điều kiện và hoàn cảnh, tuy không đem đến những kết quả lâu dài cho dân tộc nhưng cũng có tác dụng quý báu nhất là luôn luôn làm thức tỉnh những ý-thức dân tộc, độc lập, tinh thần quật khởi của người Việt, sửa soạn cho thời đại tự-chủ sau này bắt đầu từ Ngô Quyền trở đi.

Ngo-Quyền là người có công đầu trong sự chấm dứt cái nạn vong quốc kéo dài hơn 11 thế kỷ.

Ngo Quyền mất sớm đi và để lại đất nước trong một tình trạng rối ren của những bước đầu độc lập, ấy là tình trạng

mười hai sứ quân phản cắt đất nước khiến cho dân chúng Việt sống cực kỳ đau khổ trong loạn ly và tranh giành của các sứ quân.

Tinh thần dân tộc bị suy giảm thì phục hưng lại tinh thần dân tộc trở thành một nhu yếu của toàn dân.

Đất nước bị phản cắt thành những khu vực ảnh hưởng riêng biệt thuộc mỗi sứ quân đưa dân chúng vào cảnh loạn lạc thi thoảng nhất đất nước và nhân tâm là một nhu yếu của toàn dân muốn sống còn danh dự mà không rơi lại vào cảnh lệ thuộc nhau dưới thống trị Hán.

Đón được những ý-thức và nguyện-vọng cách mạng ấy của toàn dân mà đứng lên gánh vác lấy trách nhiệm lịch sử, ấy là Đinh-Bộ Lĩnh.

Đinh-Bộ-Lĩnh cùng với con là Đinh Liễn sang Bố Hải khâu (thuộc phủ Kiến Xương tỉnh Thái Bình ngày) nay theo sứ quân Trần Lãm tức Trần Minh Công. Sau một thời gian ở Bố Hải Khâu ông rời quân về Hoa Lư là quê của ông; ở đây ông chiêu tập hào kiệt và binh lính.

Nhà Ngô mất, Đinh-Bộ-Lĩnh bắt đầu mở chiến dịch thống nhất, bại sứ quân Phạm Phòng Át, phá được Đô Cảnh Thạc và sau ròng rã một năm trời, tiêu diệt được hết các lãnh tụ địa phương. Các hào kiệt ở các nơi đều kéo về theo ông. Chiến thắng oanh liệt, Đinh-Bộ-Lĩnh tự xưng là Vạn Thắng Vương.

Một thời đại mới đến với dân tộc Việt Nam.

II.— Cách-mạng dân-tộc phục-hưng

—Năm Mậu Thìn(968)Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt niên hiệu là Thái Bình nguyên niên, đóng đô ở Hoa Lư

Vấn đề quốc phòng: Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Việt
vấn đề quốc phòng được đặt lên với tất cả tinh chất quan trọng
của nó. Do đó mà sau khi thống nhất đất nước, thời kỳ quân
chinh còn kéo dài mãi, các công thần và đại thần đều là những
tướng tá trong thời đấu tranh thực hiện thống nhất trước. Nguyễn
Bắc được phong làm Định Quốc Công, Lê Hoàn làm Thập đạo
tướng quân, Đinh h Liên làm Nam Việt Vương.

Quân đội của một quốc gia độc lập được thành lập; binh
chế được thiết lập; quân đội chia ra làm 5 cấp: đạo, quân, lữ, tốt
ngũ. Mỗi đạo có 10 quân, mỗi quân có 10 lữ, mỗi lữ có 10 tốt, mỗi
tốt 10 ngũ mỗi ngũ, 10 người. Theo đó mỗi đạo có 10 vạn người.
Quân chia ra hạng hiện-dịch và hạng trừ-bị luân chuyển
nhau phục dịch dưới cờ, dưới quyền thống súy của Thập-dạo
tướng quân.

Vấn đề xã hội: Đất nước được chia ra làm 10 đạo.

Vấn đề văn-hóa và chánh-trị: Định-Tiên-Hoàng đặt ra hình
phạt nghiêm khắc như vạc dầu, nuốt cọp, dựng cột đòng nung
dỏ vân vân và kéo dài quân chinh thời kỳ khiến cho dân
chúng bất mãn. Trên phương diện văn hóa, đạo Phật chiếm
địa vị độc tôn: nhà vua rất trọng dụng các thiền sư và lập
ra ngạch tăng thống. Sư Khuông Việt được phong làm quốc-sư.
Nho giáo bị miệt thị.

III. — Những cơ sở ý thức của cuộc Cách Mạng

Đinh Tiên Hoàng:

Ý-thức dân-tộc phục hưng. — Đặt niên hiệu là Thái-Bình, Định
Tiên Hoàng muốn mở một thời đại mới cho dân-tộc sống
loạn lạc và nhục nhã trong mười thế-kỷ vừa qua.

Tinh-thần của kỷ-nguyên là tinh thần Vạn-Thắng : thắng chia rẽ nội bộ, thắng xâm lăng và độ hộ Hán, thắng tất cả tinh và thói xấu của thời kỳ dân-tộc bị trị.

Ý-thức độc-lập và ý-thức cách-mạng. —Nhà Đinh đề cao Phật giáo và miệt thị Nho giáo là biểu hiện một phản ứng của dân-tộc đối với một nền văn-hóa thống-trị.

Ý-thức bình dân và thống nhất: —Dân-tộc phục hưng tất nhiên phải thực-hiện bằng thống nhất toàn dân và bằng một tinh thần mới Vạn-Thắng là một khâu hiệu của phục hưng, là đạo đức cách-mạng của mỗi người Việt thời bấy giờ cũng như quốc-hiệu Đại-Cồ-Việt, là sự phát hiện của một tinh-thần độc-lập, của một sự hợp tác của cả tri-thức và bình dân.

Ý-thức quốc-phòng được cụ thể trong quân đội tò-chức.

IV. — Ý-nghĩa của cuộc Cách-Mạng Đinh-Tiên-Hoàng trong lịch-sử Việt :

Cuộc Cách-Mạng Đinh-Tiên-Hoàng là một cuộc phục hưng dân-tộc bằng :

- Củng cố những nền tảng của tự chủ.
- Cởi mở dân-tộc độc-lập căn bản cho những cuộc đấu tranh sau này của những triều-dai Lê, Lý, Trần, Lê vân vân,

V. — Kinh-nghiệm thất bại.

1 — Thiên về Phật giáo thành ra mất tinh chất thực tế của Nho giáo ;

2 — Pháp chế quá nghiêm khắc là bất chính-trị, trong

thời bình mà còn duy trì những luật pháp chỉ dùng trong thời loạn ;

3 — Phát huy được tinh thần dân-tộc và độc-lập ;

4 — Xây dựng được một tinh thần mới ;

5 — Đặt được vấn đề quốc phòng và thực hiện được binh chế quốc gia.

VII.—Mẫu mực người quân nhân thời đại Đinh-tiên-Hoàng

Giá trị người quân nhân Việt thời đó được đặc biệt đề cao, phần vì chính thể nhà Đinh trong đấu tranh mà thành, phần vì nạn xâm lăng phương Bắc lúc nào cũng ngấp nghé ngoài cửa ngõ.

Trên hình-thức quân nhân được tổ chức chặt chẽ, do đó mà tinh thần kỷ luật rất phát triển.

Sự phân chia thành hai hạng quân nhân hiện dịch và trừ bị phát triển ý thức quân dân thống nhất và tạo nên dân và quân một tinh thần trách nhiệm trước quốc gia dân tộc sống còn.

Trên tinh thần Vạn-thắng là tinh thần cách-mạng và phục hưng dân tộc, người quân nhân Việt thời đại Đinh-tiên-Hoàng là hiền thân của ý thức thống nhất, thống nhất lực lượng quốc gia, thống nhất nhân tâm nhằm củng cố nền tảng quốc gia độc lập mới thành lập.

Quân đội tổ-chức là biểu-hiện của ý-chi sống còn danh-dụ của toàn dân và là trường hunk đúc những ý-thức dân-tộc, độc lập, văn-hóa độc-lập trước đe dọa thống trị và đồng hóa của nòi Hán.

Trên ý-nghĩa và tinh-thần ấy, cuộc cách-mạng Đinh-Tiên-Hoàng đã nối tiếp được với cuộc cách-mạng Trung-Vương cũng như cuộc cách-mạng Trung-Vuong đã nối tiếp được với cuộc kháng-chiến Cách-mạng Thục-An-Dương-Vương, tất cả làm thành một truyền thống cách-mạng trong lịch-sử Việt.

Đường lối kháng chiến, cách-mạng và thống-nhất lịch-sử ấy còn tiếp diễn qua các triều đại Lý, Trần, Lê cho đến ngày nay với những vấn đề đã đặt lên cho ông cha chúng ta từ bao nhiêu thế kỷ về trước.

Mỗi cuộc kháng chiến, cách-mạng, thống nhứt là những mốc cắm trên con đường tiến hóa của dân tộc. Ngắm theo đó mà vạch con đường di trong giai đoạn hiện tại, phải chăng là ý nghĩa chung trong những dịp nhắc nhở đến lịch sử của những người lãnh đạo quốc gia như muốn đem lịch sử để chứng minh những công việc trong hiện tại của mình.

Đem cái quá khứ lịch sử để chứng minh những hoạt động chính trị hiện tại tất phải làm sáng tỏ tinh thần và ý nghĩa của những việc xưa để đem đổi chiếu với tinh thần và ý nghĩa của những việc hiện tại.

Nguyên tắc ấy đưa chúng ta đến công việc :

— So sánh ý-thức cách-mạng và phục hưng dân tộc thời Đinh-tiên-Hoàng với ý thức giai cấp đấu tranh là ý thức cách mạng của người Cộng-sản Việt ngày nay. Một đẳng là ý thức này nở tự nhiên trong đời sống một quốc dân có những nhu-yếu cách-mạng thống-nhất và phục hưng dân tộc. Một đẳng là ý thức do người Cộng-sản Việt nhập cảng và dùng tă. cả những thủ đoạn tàn bạo và khoa học để cưỡng hiếp dân chúng Việt phải theo. Một đẳng là dân tộc sáng tạo và một đẳng bắt chước mà bắt chước đi với cưỡng ép là đem dân tộc tinh thần nô lệ hóa,

— So sánh ý thức dân tộc đấu tranh thời Đinh-tiên-Hoàng với ý thức giai cấp đấu tranh lãnh đạo cuộc chống Pháp của người Cộng sản Việt ngày nay chối bỏ một sự thực toàn bộ để chỉ nắm lấy một khía cạnh của một vấn đề đấu tranh.

— So sánh sự phát huy tinh-thần dân-tộc độc-lập thời Đinh Tiên-Hoàng với sự đàn áp và tiêu diệt tinh-thần dân-tộc độc-lập của người Cộng-sản Việt ngược hẳn lại một truyền-thống lịch-sử thành lập và trưởng thành dân-tộc.

Tất cả những so sánh và nhận xét trên cho phép chúng ta nêu cao cái giá trị của một người quân nhân đứng trên lập trường dân tộc, phục vụ một lý tưởng dân tộc thích hợp với thời đại nhưng không vì thế mà rời bỏ con đường của lịch-sử.

Quân nhân Việt dưới thời nhà Lý

(1010 — 1225)

I.— Nền tảng và điều kiện xã-hội đời Lý

Tất cả những cố gắng của nhà Đinh và nhà Tiền-Lê trên phương diện xây dựng một quốc-gia Việt độc-lập và cường thịnh đều được hoàn bị dưới thời nhà Lý.

Lý-thái-Tồ thiên kinh-dô từ Hoa-Lư về Đại-La được đổi thành Thăng-Long là biểu hiệu một ý-chí độc-lập không chấp nhận một cái tên kinh đô do người Hán đặt cho, nhưng cũng không muốn cho Tống-triều thấy rõ lòng dạ mình nên bịa ra chuyện rồng xuất hiện tuy hoang đường nhưng hợp với trình độ ý-thức bấy giờ để dối nội gày thêm thanh thế và uy tín.

trong dân chúng, đối ngoại tránh mọi hành động có tính cách khêu khích với Tống triều đang muốn lấy lại đất Việt-Nam.

Sự chuyền kinh-đò về Thăng-Long còn tỏ ra rằng quốc-gia Việt-nam đã khá cường thịnh. Trên phương diện văn hóa, chính trị, kinh-tế và quốc phòng Hoa-Lư không còn là trung tâm sinh hoạt của quốc dân Việt-Nam nữa.

Nông nghiệp được chấn hưng và khuếch trương : đê Cơ-Xá được hoàn thành để đề phòng thủy tai hàng năm.

Thuế khóa được sắp thành 6 hạng : thuế ruộng, đầm ao, thuế đất trồng lúa và phù sa, thuế làm sân, thuế muối, thuế nhập quan ải, thuế tre gỗ.

Văn học được săn sóc tới một cách chu đáo để khuyến khích dân trí trong sự học tập : nhà Văn miếu được dựng lên để chấn hưng Nho giáo bị miệt thị dưới nhà Đinh. Nhà vua cho mở những khoa thi Tam giáo (Khổng giáo, Phật giáo, Lão giáo) để kén chọn nhân tài.

Binh chế cũng được hoàn bị thêm lên.

Trong tất cả những lãnh vực từ văn-hóa, chính-trị, xã-hội, kinh tế đến quân sự, mỗi đời vua nhà Lý lại là một lần được chỉnh đốn hơn lên.

Dưới triều Lý-thái-Tôn, những hình pháp hà khắc đều hoàn toàn bãi bỏ thay thế vào đó là một bộ « Hình Thư », cuốn luật đầu tiên của nước ta.

Chế-độ phong diền bị bãi bỏ để được thay thế bằng chế độ quân diền.

Nhưng đặc biệt nhất là trên phương diện quân sự và quốc phòng, trên nền tảng của tinh thần dân tộc, của ý thức

độc lập quốc gia, nhà Lý thực hiện một binh chế mẫu mực nhất của thời đại bấy giờ.

II.— Binh chế Nhà Lý

Năm Kỷ Hợi (1059) vua Lý-thánh-Tôn định các hiệu quân là:

Ngũ Long, Võ Thắng, Long Đức, Thần Điện, Bồng Thánh, Bảo Thắng, Hùng Lược và Vạn Tiệp,

Mỗi hiệu chia ra tả, hữu, tiền, hậu tức bốn bộ. Bốn bộ họp lại thành một trăm đội có linh kỵ và linh bắn đá.

1.— *Chinh sách đầu quân được thực hiện* : Năm 1128, vua Lý thần Tôn đặt lệ cho quân thay phiên nhau về làm ruộng.

Quân dịch được thi hành nhằm mục đích toàn dân quân sự hóa.

2.— *Chinh binh tức quân đội chính quy* được thành lập như sau :

a) *Chinh binh* sử dụng cung tên và kỵ mã do 9 phủ tướng thống-xuất. Những đơn vị này gồm có một trăm đội. Mỗi đội chia ra 4 bộ là tiền, hậu và tả, hữu.

b) *Đoàn cung tiền-thủ chuyên dùng cung tên*,

c) *Nhân mã đoàn túc là kỵ binh ngày nay*,

d) *Trương hải đội chuyên đánh mặt biển*,

e) *Phiên binh* là một đoàn quân cảm tử gồm những người Mán, Mường, Trung-hoa hay Chiêm-thành cùng những người

vong mạng ở các nơi. Đội quân này có thể đóng vai trò quyết định thắng bại ngay trong những chiến đấu buồm đầu, Đó là một thứ quân-dội Lê-dương của Pháp ngày nay (corps légionnaire).

Ngoài ra lại còn :

g) *Đoàn quân sơn cước* chuyên đánh trên núi và trong rừng,

h) *Quân trú chiến* tức là quân chiến đấu trong khi đóng giũ;

i) *Quân thác-chiến* dùng vào việc tấn công và chuyên đánh mũi dùi.

k) *Thủy-chiến quân*.

Tất cả những binh chủng đó đều chịu một sự huấn luyện kỹ lưỡng trong thời bình, có phép tắc và quy củ nhất trong vùng Đông-Nam-Á thời bấy giờ. Bên Trung-Hoa, quan nhà Tống làm triều chầu ở Hoạt-Châu (gần biên-giới nước ta) là Sái-Diên-Khánh có đem phương pháp rèn luyện quân đội Giao-chỉ (tên này còn gọi mãi đến đời nhà Lê trong lịch sử Trung-Hoa) chép thành sách và đưa về cho Tống-nhân-Tòn xem. Những phương pháp rèn luyện và tổ-chức quân đội của nhà Lý đều được bắt chước thi hành tại Trung-Quốc. Cuốn sách đó gọi là « Giao-Chỉ quân pháp ».

Qua những điều trên chúng ta có thể nói chắc chắn rằng ý thức chiến tranh của người Việt dưới triều Lý quả đã tiến bộ một cách vượt bậc mà đi trước thời đại. Rõ rệt rằng phương-pháp tổ-chức quân đội của nhà Lý đã đem đến cho quân đội nước Việt thời đó tất cả cái mặt mũi của tổ-chức quân sự ngày nay.

III. — Gián điệp chiến tranh

Nhà Lý không bao giờ quên rằng ở phía Bắc, Tống triều luôn luôn lợi dụng các cơ hội thuận tiện để mong thực hiện khống khôn tinh đất Việt. Do đó mà trong nước, nhà Lý gấp rút chỉnh đốn quân đội ; trong khi tăng cường hoạt động ở những vùng biên-giới Hoa-Việt để hiểu rõ tình hình và mưu mô địch.

Nhà Lý thu dụng những phần tử bất mãn hoặc có tội với nhà Tống và trốn tránh sang nước ta mục đích là lợi dụng họ và những tướng quan xã-hội và gia-dinh của họ làm tai, mắt cho mình ở bên địch trong thời bình, làm công cụ của chiến-tranh tâm-lý như reo hoang mang trong dân chúng khi chiến thời.

Tại những vùng biên giới Hoa-Việt, mà ảnh hưởng Lý-Tống đều không rõ rệt, nhà Lý mua chuộc thò dàn, khai thác những mâu thuẫn giữa dân các miền đó với Tống triều, súi dục thò dàn làm loạn để nhân cơ-hội đó bành trướng thế lực của mình và tung gián điệp vào nội địa địch. Tại những châu như châu Khâm, châu Ung, các trại như trại Vĩnh-Bình thuộc châu Tứ-minh, nhà Lý cho người sang buôn bán để vừa làm gián điệp, vừa làm nội ứng lúc chiến thời.

Lý-thường-Kiệt còn tung vào đất Tầu một đội gián-diệp, hoạt động dọc theo bờ biển là những nơi mà Lý-thường-Kiệt sẽ đỗ bộ sau này. Những giấy tờ bắt được trong người những nhân viên thuộc quyền nhà Tống đều được dùng vào công việc gián điệp bằng cách trao những giấy tờ này cho những gián điệp Việt sang hoạt động tại đất Trung-hoa.

Đó là Lý-thường-Kiệt đã thành lập được một đoàn gián điệp đội lốt thầy tu hoạt động, dùng những bằngcấp mà nhà Tống

dã cấp cho các sư. Nhà Tống không phải là không biết những hoạt động đó của nhà Lý nên đã định chế việc cấp phát đó, ra lệnh cho dân chúng triệt để đề phòng quân do thám Việt và đồng thời cũng tìm cách tung sang nội địa Việt một đội quân gián-điệp dùng tù binh bắt được làm hướng đạo.

IV.— Tuyên-truyền chiến-tranh

Hình-thức tổ-chức quân đội với các đơn vị binh chủng có tinh cách chuyên môn, lavis gián-điệp làm măt của chiến đấu trong sự nắm chắc được dân tình và binh tình địch đi liền với một tuyên-truyền chiến tranh, tất cả dã biêu lộ cái tri-thức chiến tranh của nhà Lý.

a) Triều-dinh phản-tuyên-truyền Tống triều bằng cách tung ra rất nhiều những tờ lò-bố tức như truyền đơn ngày nay kề tội Tống triều đã dung túng những phần tử Việt để dùng họ đánh lại Đại-Việt.

b) Triều-dinh Lý dành chính-nghĩa về minh bằng cách kết tội nhà Tống cố ý gài chiến tranh, dụ dỗ các tù-trưởng ở những miền giáp giới Hoa Việt.

c) Triều đình nhà Lý lợi dụng tình hình dân chúng Quảng Tây bất mãn đối với chính sách thuế khóa, trưng dụng thuyền bè, cấm việc buôn bán giữa biên dân Hoa Việt, động viên dinh tráng vân ván, kêu gọi dân chúng Trung Hoa chống lại nhà Tống và viện lê rằng «vì sự tự vệ chính đáng» của dân Đại-Việt và vì thương xót dân chúng Trung-Hoa, Đại-Việt phải mang quân đến cứu họ».

Đối với nhà Tống, hịch của Lý-thường-Kiệt thời bấy giờ có thể coi như là một tờ hịch phản đế.

Đối nội: Lý-thường-Kiệt phát hịch và làm thơ khích lệ tướng sĩ gày dân chúng tin tưởng vào chính nghĩa Đại-Việt và sức mạnh của dân tộc phản đế.

Qua nội dung của cuộc tuyên-truyền chiến này, nhà Lý đã thực hiện một cuộc dân vận và địch vận hết sức là lớn lao.

V.— Chiến-dịch phạt Tống

Phía Tống

a) Xuống chiếu mô đinh tráng ở trên đất Việt cho Nùng-trí-Cao để cho về quấy rối đất Việt,

b) Cắt 700 dặm đất ở phía Nam biển Liêu để quay toàn lực đánh Việt,

c) Thảm-Khởi sau là Lưu-Di chiếu binh luyện mã mỏ đường tiếp tế đặt các doanh trại, đắp lũy,

d) Tổ-chức huấn-luyện quân đội trong 51 động thuộc Ung-Châu, xung công các thuyền muối để tập thủy-chiến,

e) Cấm ngặt sự giao-dịch biên-giới Hoa-Việt để tin tức khỏi lọt ra ngoài,

g) Dụ dỗ các tù-trưởng (Lưu-Kỳ ở Quảng-Nguyên; Nùng-thiện-Mỹ ở châu An-Tinh thuộc Bắc-Kạn).

Phía Việt

a) Triều đình Lý đòi nhà Tống trả Nùng-thiện-Mỹ và 700 bộ thuộc trốn sang Trung-Hoa. Nhà Tống không chịu.

b) Triều-định Lý phát hịch công kích tàn phá Vương-An-Thạch, tuyên bố mang quân nước Đại-Việt sang Trung-Hoa trừ nạn quyền thần và tân pháp.

Chiến-dịch

Lý-triều lấy thế công làm thế thủ.

Đoán rằng quân Tống sang Đại-Việt tất phải qua Ung-Châu theo đường bộ qua cửa bắc Khâm và Liêm bằng đường thủy Lý-thường-Kiệt liền tập trung thủy-quân ở Đồ-Sơn (vịnh Hạ Long) theo lối sau các núi đá mà tiến sâu vào Khâm-châu.

Lục quân chia làm nhiều đường do Tôn Đản chỉ-huy từ biên giới tiến đánh Quảng - Tày, quấy rối các trại Hoành-Sơn Thái-Bình, Vĩnh-Bình, Cồ Vạn, tiền tuyến của Ung-châu.

Nhiệm-vụ của Tôn-Đản là quấy rối lục địa để Lý-thường-Kiệt đồ bộ lên Khâm-Châu mà tiến thẳng vào châu Ung.

Lý-thường-Kiệt đã thực-hiện được đúng như kế-hoạch đã định trước :

Một mặt, đem thủy quân tiến vào cửa bắc châu Khâm và châu Liêm ; lục quân ở gần Khâm-Châu kéo vào trại Như-Hồng, Như-Tich và Đế-Trạo,

Một mặt Tôn-Đản đánh chiếm các trại tiền tuyến của Ung-Châu.

Ở cả 2 mặt quân Việt tiến ào ạt như gió bão. Từ Liêm châu và Khâm-châu, quân của Lý-thường-Kiết tiến lên Ung-châu không gặp một sức kháng cự nào mãnh liệt. Và chỉ có trong bảy ngày quân Đại-Việt đã toàn thắng, di đến đâu cũng được sự đón rước linh đình nhờ ở sự tuyên-truyền trước.

Sự chiến thắng của Lý-thường-Kiết là ở những điểm sau :

- a) Biết lợi-dụng triệt-đè sờ-trường thủy-chiến của dân chúng Việt;
- b) Biết lấy thế công làm thế thủ để xuất kinh bất ý mà đánh địch;
- c) Áp-dụng chiến-lược đánh gọng kìm và đánh úp.

Cuộc phục-thù của triều Tống (theo Việt-Sử tân biên):

Trong lúc Khâm, Liêm mất, Ung châu bị hãm, Tống-thần-Tôn và Vương-An-Thạch sửa soạn cho đại quân xuống miền Nam tinh chuyen giải vây. Sắp đặt quân xong thì Tống-triều nghe tin Ung-châu thất thủ nên phải ngừng lại để thay đổi kế-hoạch mới, có tính cách đại quy mô hơn. Tống định không những thâu lại đất dai đã mất còn thôn tính Đại-Việt để đặt châu huyện như tại nội địa Trung quốc. Tống được biết vùng Quảng-Nguyên sản xuất nhiều vàng nên lại càng tham.

Sửa soạn chiến-tranh: Tống triều sửa soạn chiến-tranh rất là chu đáo và thận trọng. Triều-dình họp nhau thảo luận và thiết lập hai cơ quan để thi-hành mệnh-lệnh chiến-tranh là An-nam hành-doanh và An-nam chính-thảo-tý hoạt-dộng ráo riết trong suốt một năm, để tuyển lựa, sắp đặt tướng tá, thủy bộ, chiến cụ, thuốc thang tuyển-truyền và mưu-lược.

Quách-Quỳ được cử làm Nguyên-soái, Tuyên-huy nam-viện-sứ, Triệu-Tiết làm An-nam đạo hành-doanh mã-bộ quản đô-tổng-quản chiêu-thảo-sứ và kiêm chức Tuyên-phủ-sứ ở các lộ kinh Hồ, Quảng-Nam (Hồ-Nam, Hồ-Bắc, Quảng-Đông, Quảng-Tây).

Tống số binh đội trước chừng 10 vạn người chia ra làm 9 đạo. Ngoài ra còn một số quân tình-nguyễn.

Cuộc tấn công của nhà Tống

Tống-triều quyết dùng cả thủv, lục quân đê chiếm nước Đại-Việt.

Một mặt lục quân dưới quyền chỉ-huy của Quách-Quỳ tiến đánh trại Ngọc-Sơn giáp giới châu Vĩnh-An, châu Quảng-Nguyên, châu Môn, Tô-Mậu và huyện Quang-Lang là phòng tuyến thượng du của ta.

Phá được phòng tuyến thượng du, quân Tống tiến lên đánh Quyết-Lý, Môn, Tô-Mậu đê chiếm ải Chi-Lăng và huyện Quang-Lang là phòng tuyến thứ hai của nhà Lý.

Quân Tống lập phòng tuyến dọc sông Cầu từ huyện Hiệp-hòa qua huyện Việt-Yên đến chân núi Nham.Biền thuộc huyện Yên-Dũng, chạy tới phia Đông-Bắc, Nam-ngạn sông Thương, từ bến đò Như-Nguyệt đến chân núi Nham. Quân Tống tinh qua sông và đò bộ ở khoảng này.

Quân nhà Lý ở động Giáp xuống đóng ở Vạn-Xuân và đại quân rút về phía Nam sông Nam-Định. Đó là phòng tuyến thứ ba của nhà Lý. Sông Cầu là một cái hào tự nhiên, chặn các đường thông lộ từ Quảng-Tây tới Thăng-Long, chạy từ địa phận Cao-Bằng đến Lục-Đầu và hợp với sông Bạch-Đắng thành một con đường chiến-lược che chở miền đồng bằng nước ta chống các cuộc xâm lăng. Nam-ngạn sông Nam-Định là một phòng tuyến kiên cố dài tới gần 100 cây số dọc theo đó nhà Lý đã đắp đê cao như thành và trên thành dùng tre làm đậu dày tới mấy tầng, nối với dây núi Tam-Đảo.

Quách-Quỳ gấp sức kháng cự kịch-liệt của quân nhà Lý ở Như-Nguyệt và Kháo-Túc, tuy thắng được nhà Lý nhưng cuộc đỗ bộ đã thất bại vì chỉ có tiền quân Tống là qua được sông, Tiến gấp về Thăng-Long, trong khi hậu quân của Tống bị đánh phá ở bên sông.

Cuộc đỗ bộ không thành công, Quách-Quỳ đánh đói thủy quân tới dồn qua sông. Nhưng thủy-quân của Tống ở mặt khác, đã bị thất bại ngay ngoài biển giới trước sau 10 trận tại cửa sông Đông-Kênh. Đợi mãi không được tin thủy-quân Quách-Quỳ bên kia lũy cuộn tổng tấn công Đại-Việt. Quân Tống đóng những chiếc bè rất lớn, mỗi chiếc chở được 500 quân lính chuyên lên bộ hết cả lực lượng để dỗ xô về Thăng Long. Quân tiền phong của họ đỗ bộ đốt phá các cầu tre. Quân ta ở trên cao đánh xuống. Quân Tống bị khốn đốn rút lui không được vì các bè đã quay về đón các đạo khác sang. Địch chết rất nhiều và xin hàng cũng lắm. Cuộc đỗ bộ lần thứ hai của Tống thất bại hoàn toàn. Trong khi đó thì thủy-quân nhà Lý hoạt động rất mạnh. Hai bên giằng co nhau hơn một tháng.

Lý-thường-Kiệt sai sứ sang bản doanh Quách-Quỳ nói:
« Xin rút đại binh, sẽ có sứ sang tạ tội và tu cống ».

Trước mọi sự cung quan, Quỳ đành chấp thuận đề nghị của Lý-Thường-Kiệt và chuyển đế biếu của vua Lý về kinh. Đồng thời Quỳ cho rút quân nhưng sợ Lý biết đuổi theo nên giữ bí mật rồi một đêm các bộ binh và kỵ binh Tống bất thình lình được lệnh vội vã lên đường đạp xéo lên nhau mà đi, (*Viết Sử Tân Biên*).

Cuộc chiến tranh Lý-Tống khởi từ tháng II năm Ất-Mão(1075) kết liễu vào tháng 2 năm Đinh ty (1077) tính cả là 15 tháng.

Âm mưu thôn tính nước Đại-Việt của nhà Tống đã thất bại.

Sự thành công của nhà Lý, như chúng ta đã thấy trong cuộc phạt Tống của Lý-thường-Kiệt, là ở sự nắm chắc được

tinh-hình-dịch. Khi nhà Tống quyết-định dùng cả thủy-quân để thôn-tinh ta, Lý-thường-Kiệt đã tận dụng sở-trường thủy-quân của ta để phá thế-gọng-kim của địch. Ngoài ra ta còn nhận thấy rằng, nhà Lý dụng binh như thần-khiến cho quân-Tống không biết đánh-dõi thế-nào, luôn-luôn ở vào tình-trạng sợ-quân ta đánh-úp. Có thể nói rằng Lý-thường-Kiệt đã giúp một-phần-lớn vào sự-thắng-lợi chiến-tranh của nhà Lý.

Qua các trận đánh, chúng ta có thể kết-luận rằng, ý-thức-quốc-phòng đời Lý đã lên-tới cao-độ với sự-tổ-chức-quốc-phòng rất-khoa-hoc. Vốn-liêng chiến-tranh của nhà Lý quả-đã cho phép quân đội nhà Lý xứng-đáng là một quân đội-mẫu-mực nhất-thời bấy-giờ trong vùng Đông-Nam-Á.

VII — Mẫu-mực-quân-nhân-thời-nhà-Lý

Qua binh-chẽ của nhà Lý, qua các cuộc chiến-tranh Lý-Tống, chúng ta có thể nói rằng người-quân-nhân dưới thời Lý là hiện-thân của một ý-thức-quốc-phòng-xây-aựng-trên-căn-bản-tinh-thần-quốc-gia, dân-tộc-độc-lập

Một-kỷ-luật nghiêm-mật trong một tổ-chức-khoa-hoc-vượt-thời-đại là đặc-tính của quân đội-thời đó.

Tri-thức chiến-tranh của người-quân-nhân Việt với sự-phân-chia-quân đội thành những đơn-vị binh-chủng chuyên-môn, phân-công và hợp-tác-chặt-chẽ trong chiến đấu-di-dõi với gián-điệp-tổ-chức và tuyên-truyền chiến-tranh tỏ-ra rằng ý-thức-dấu-tranh của người-quân-nhân Việt thời đó không-xa cách-mấy với ý-thức của thời-đại hiện-tại.

Những chiến-lược và chiến-thuật áp-dụng dưới thời Lý quy-định bởi hình-thể đất đai Việt còn là những bài-học-quý-giá-chép người-quân-nhân hiện-đại.

Thủy-quán của đời Lý còn khiến cho chúng ta, trong sự bảo vệ chủ-quyền đất đai Việt ngày nay, suy nghĩ để có thể khai thác những năng lực tiềm tàng ở người Việt,

VIII.— Kinh nghiệm thất bại

Chúng ta đã trông rõ thấy những yếu-tố thành công của nhà Lý từ cuộc phạt Tống đổi thế thủ thành thế công cho đến cuộc kháng-chiến chống xâm lăng Tống đặt đê trên sự nhận định sáng suốt tình hình địch, lợi dụng triệt-đè những mâu-thuẫn nội bộ của địch giữa bọn chủ chiến và bọn chủ hòa, biến cuộc thắng lợi chiến-tranh của định thành cuộc thất bại bằng thủ đoạn ngoại giao.

Chúng ta có thể đặt chiến dịch phạt Tống trước hiệp-định sơ bộ mồng 6-3-1946 của người Cộng-sản Việt ngày nay mời địch chiếm đóng các tỉnh căn cứ Bắc-Việt, để so sánh hai chiến lược, một đẳng là lấy thế thủ làm thế công và một đẳng là chưa đánh đã bại của người Cộng-Sản Việt vì Cộng-sản Việt vẫn coi hiệp-định mồng 6-3-1946 là một chiến lược (?)

Trong cuộc kháng Pháp vừa qua, những thắng lợi quân sự đối với Pháp qua đường lối chính trị và ngoại giao của người Cộng-sản ở hội-nghị Gio-Neo, đã biến thành những thất bại đau đớn với sự rút quân, và sự chia cắt đất nước Việt.

Cái ý-nghĩa của sự khác biệt về việc làm và kết quả trước và nay phải tìm trong sự khác biệt giữa hai lập trường dân-tộc và giai-cấp, giữa hai quyền lợi, dân tộc và vô sản cộng sản.

Kháng-chiên và cách-mạng đời nhà Trần (1225-1400)

I. — Nền-tảng và điều kiện xã-hội của kháng-chiến và cách-mạng đời nhà Trần

Với sự tổ-chức xã-hội trên nền-tảng quân-diền di-doi với những công việc chỉnh-đốn quốc-gia trên suốt mặt từ văn-hóa đến quân-sự. Ý-thức chính-trị của dân-chúng Việt đã lên cao tới một độ mà sự xa-hoa của các vua về cuối đời nhà Lý không còn có thể tồn-tại được.

Nhà Trần bình-dân hơn lèn thay thế và tiếp-tục công-việc nhà Lý.

Chế-độ quân-diền vẫn được tiếp tục thi hành lại thêm lộc-diền là những ruộng cấp cho những người có công lao với quốc-gia.

Nông nghiệp được đặc biệt đề ý : các triều nhà Trần đều hạ chiếu khuyến nông. Nhà Trần tiếp tục nhà Lý hoàn thành một hệ-thống đê điều hai bên sông Nhị-Hà để đề phòng lụt và đề bảo vệ mùa màng. Chính-phủ lại còn lo đào kênh để dẫn nước vào đồng cao và tháo nước ở đồng thấp.

Thương nghiệp cũng được săn sóc tới như việc chia các phố ở Thăng-Long thành phường.

Ngư nghiệp, cũng được khuyến khích.

Trên nền-tảng thống nhất, hình thành một tổ-chức quốc-gia rất trù mật từ các đơn vị hành-chính nhỏ nhất là xã thôn đến chính-phủ trung-ương. Mỗi liên-hệ giữa binh chinh và hành-chính rất là chặt chẽ.

II . — Điều kiện văn-hóa.

Nho học mà nhà Lý đã chú trọng thì nhà Trần lại tiếp tục phát triển thêm lên, đặt ra Quốc-tử-Giám và Quốc-học viện.

Giáo-đục được phổ thông trong thôn xã, các trường tư được thành lập : Trần-ich-Tắc là một vị hoàng đệ có tiếng về văn-hóa mở trường tư dạy học. Chính-phủ khuyến khích và giúp đỡ các người nghèo đi học.

Trên nền-tảng tinh-thần dân-tộc thành tựu một sự điều-hòa tam giáo.

Sử học được thành lập : Lê-Văn-Hưu đời Trần-thái-Tôn

Ông tác giả bộ «Đại-Việt Sử Ký» là cuốn sử đầu tiên của nước ta.

Pháp luật cũng được tu chỉnh ; năm 1250, vua Trần-thái-Tôn sai khảo cứu các pháp lệ đời trước quy định thành một bộ «Quốc Triều Hình Luật».

III . — Điều kiện quân sự.

Nhà Trần thành lập các trường quân sự (école militaire) các giảng võ đường, thực hiện chính-sách «Ngự binh ư nông» với mục đích là toàn quốc-dân quân sự hóa và nâng cao tinh thần chiến đấu của mỗi người dân.

Các thân vương ai cũng được quyền mộ lính lập quán. Do đó khi quân Mông Cổ sang xâm Lăng, nước ta có hơn 20 vạn quân để chung với quân địch,

Cuốn «Binh thư yêu lược» là một pho sách quân sự quý giá của dân tộc mà hiện nay không còn, nhưng nếu ta xem kỹ các trận đánh dưới đời nhà Trần thì cũng có thể đoán được một phần nhỏ chiến-lược và chiến-thuật đã áp dụng trong những giai-đoạn kháng chiến.

IV . — Tính chất của chiến-tranh đời Trần :

Phía Mông Cổ : Quân đội Mông Cổ có một tổ-chức hết sức chặt chẽ với một kỷ luật thép mà các tướng tá vừa phải chịu trách-nhiệm thi-hành triệt-dễ mệnh - lệnh trên, vừa chịu trách - nhiệm về những động tác quân sự của mỗi cá nhân chiến sĩ trong lúc tác chiến ; tất cả đặt trên một chiến lược hoàn toàn khoa học lấy phá hoại triệt dỗi mọi mặt làm mục đích, lấy tiêu diệt năng lực chính-trị, kinh-tế, quân sự suốt mặt làm đối tượng chiến đấu.

Thêm vào đó là tổ chức lưới gián điệp của Mông-Cổ như vụ Nguyễn-bá-Linh tức Phạm-Nhan.

Tất cả những tính chất chiến-tranh ấy được cụ thể hóa trong những cuộc xâm lăng của quân Mông-Cổ.

Đó là mặt mũi của chiến tranh toàn diện ngày nay (guerre totale).

Phía Việt : Với tất cả vốn liếng tri-thức chiến-tranh cùng những kinh nghiệm chiến-dấu mà nhà Lý để lại cho, nhà Trần đã đối phó với xâm lăng Mông-cổ bằng một cuộc toàn dân, toàn diện kl áng-chiến từ văn hóa đến quân sự đấu tranh.

Trên nền tảng tinh-thần dân-tộc độc-lập nhà Trần phát huy ý-thức đấu tranh của toàn dân bằng những cuộc đấu-tranh chính-trị để tận dụng năng lực chiến đấu của mỗi người dân.

Hình thức đấu-tranh áp dụng bởi nhà Trần đã vượt hẳn hình thức chiến-tranh áp dụng bởi quân Mông-cổ.

Mông-cổ thực hiện toàn diện chiến-tranh ; nhà Trần thực hiện toàn dân kháng chiến, phát huy tinh-thần và ý-thức dân chủ, qua hội nghị Diên-Hồng, trao trả vào tay quốc dân cái quyền quyết định chiến-tranh từ trước đến nay vẫn ở trong tay các vua chúa.

V.—Những chiến dịch trong cuộc chống xâm lăng Mông-Cổ

Dưới đây nhà Trần quân Việt đã phải kháng chiến chống quân Mông-Cổ trong ba thời kỳ :

A—*Cuộc xâm lăng thứ nhất* — Đại Hãn thứ III sau Thành Cát Tư-Hãn (Gengis Khan) là Mông-Kha (Mongke) tức là Nguyên Hiển-Tôn sai em là Hốt-tất-Liệt (Khoubilai) đánh phá Nâm Tống,

Thời kỳ quyết định chiến-tranh

Phía Mông-Cồ : Một đạo quân do Ngột-Lương Hợp-Thái (Wouhanggottai) đánh lấy nước Đại-Lý (xưa là Nam Chiếu) và 3 lần sai sứ sang dụ vua Trần-thái-Tôn thành phục Mông-cồ.

Phía Việt : Vua Trần-thái-Tôn không chịu bắt giam cả 3 sứ giả và sai Trần-quốc-Tuấn đem binh lên biên giới phòng ngự. Bấy giờ là năm 1258.

Chiến-dịch : Ngột-Lương-Hợp-Thái từ Đại-Lý kéo quân sang nước Việt ở mạn sông Thao.

— *Quân Mông-Cồ thắng thế* : Trần-quốc-Tuấn ít quân không ngăn giữ nổi ; Thái-Tôn phải thân chinh đi chống giặc nhưng thế giặc rất nạnh, phải rút về mạn sông Phú-Lương (Nhị Hà).

Quân Mông-cồ đuổi theo rất kip, bức đến thắng Đông bộ-Đầu (phía Đông sông Nhị về huyện Thượng-Phúc).

Quân Mông-cồ vào thành Thăng-Long thấy 3 người sứ giả còn bị trói giam trong ngục. Khi cởi trói ra thì một người chết Ngột-Lương-Hợp-Thái liền cho quân ra cướp giết lương dân trong thành phố để báo thù.

— *Quân Việt thắng* : Vua Thái-Tôn hỏi thái sư Trần-thủ-Độ nên hòa hay nên chiến ; Thủ-độ trả lời : « Đầu tôi chưa rõ xuống đất thì xin Bệ hạ đừng lo ».

Quân Mông-Cồ đóng ở Thăng-Long 9 tháng không chịu nổi thủy thủ, Ngột-Lương-Hợp-Thái bèn sai sứ sang quân ta đe nghị giảng hòa. Thái-Tôn giận quân Mông-Cồ tàn ác, trói 2 sứ giả tha cho về, đồng thời tiến đánh quân Mông-Cồ ở Đông-bộ-Đầu. Quân Mông-Cồ thua chạy về Bắc qua trại Qui-Hoa (Hưng Hóa), bị dân chúng do chủ trại là Hà-Bồng tự động đón đánh.

Quân Mông-Cổ thất bại hoàn toàn, chỉ còn nghĩ đến bảo toàn tính mạng và rút lui cho mau không kịp làm hại nhân dân nên đã được người thời bấy giờ gọi là giặc Phật.

Ấy đây cái hung hăn và tàn ác của quân Mông Cổ, mà thế giới nghe tên đã khiếp đảm sang đến đất nước này, biến thành hiền lành như một dàn cừu, nói theo ngày nay !

B.— *Cuộc xâm lăng lần thứ hai*

1.— *Giai đoạn chuẩn bị và ngoại giao:*

Phía Mông-Cổ : Tuy thất bại trên đất Việt nhưng quân Mông-Cổ đã lấy được Vân-Nam và thống nhất Trung-Hoa. Lực lượng Mông-Cổ lại càng mạnh, họ lại sai sứ sang bắt vua Thái-Tôn phải giữ lệ tuế cống. Thái-Tôn xin cứ ba năm tiến cống một lần.

Vua Mông Cồ sai sứ sang tấn phong cho vua Thánh-Tôn thay vua Thái-Tôn lên ngôi năm 1258, đòi vua ta phải nộp cống lệ với những điều-kiện :

a) *Vua phải thân sang chầu:* mục-dịch là làm mất quốc cách và quốc-thể nước Đại-Việt, đồng thời giảm uy thế nhà vua trước dân chúng Việt thời đó;

b) *Biên số dân:* mục-dịch là để so sánh lực lượng trong cuộc chiến tranh toàn diện;

c) *Chiếu binh dịch thuế khóa:* mục đích là làm kiệt quệ kinh tế và lấy chiến tranh nuôi chiến tranh;

d) *Nộp nho sĩ, thày thuốc, thày bói, thợ thuyền mỗi hàng ba người:* mục-dịch là tiêu diệt tinh-hoa dân tộc và tinh-triết văn-hóa dân-tộc Việt;

e) *Nộp súng té, ngà voi, đồi mồi, trấn hương:* mục đích là tiêu diệt sinh-lực dân-tộc và gây oán hòn dân chúng đối với nhà Trần;

g) Nhận đặt một quan Đại-Lộ-Hoa-Xich tức là Giám Trị: mục đích là tên này sẽ đứng làm trưởng ban tình báo, tổ chức gián điệp. Phạm-Nhan tức Nguyễn-Bà-Linh là một tên minh hương gián điệp thuộc cơ quan này.

Đó là bộ mặt rất thực của chiến-tranh toàn diện ngày nay: tiêu-diệt văn-hóa, tiêu-diệt kinh tế, quân sự, chính-trị vàn vàn, với sự lũng loạn của gián điệp và tình báo.

Phía Việt: Vua Thành-Tôn bè ngoài tuy dấu diu nhưng bên trong tích cực chuẩn bị chiến tranh.

Năm 1264, vua hạ chiếu cho quân thủy bộ phải chế tạo chiến khí, chiến thuyền để thao diễn chiến trận trên bãi phù sa sông Bạ Ch-Đăng.

Những cuộc tập trận giả, bắt đầu có từ thời này ở nước ta.

Năm 1266 sứ thần Mông-Cổ sang, nhà vua xin bãi việc nộp nho sĩ và bỏ việc đặt quan Chưởng-Án (Giám-Trị).

Cuộc ngoại giao của nhà Trần chỉ là một cuộc tranh thủ thời gian

2.— Giai-đoạn quyết định chiến tranh

Phía Mông-Cổ: Vua Mông-Cổ phong cho Trần-Di-Ái làm Annam Quốc-Vương và ủy Sài-Thung đem 2000 quân phù Ái về nước. Đó là thủ đoạn gây chia rẽ trong nội bộ quốc dân Việt dùng bù nhìn và thực hiện chính sách người Việt giết người Việt.

Vua Mông Cổ sai con là Thoát-Hoan làm Trần-Nam-Vương

cùng bọn Toa-Đô Ô-Mã-Nhi đem 50 vạn quân giả tiếng mượn đường đi đánh Chiêm thành.

Phía Việt:

a) Vua Nhân-Tôn sai quân mai phục biển thùy bắt được Trần-Di-Ái đem về trị tội, Sà i Thung trốn thoát về Tàu. Đó là phương pháp để ổn định lòng dân đồng thời diệt trừ tay sai để quốc.

b) Vua Nhân-Tôn từ chối không cho mượn đường và trả lời « Từ bắn quốc sang Chiêm-Thành đường bộ, đường thủy cùng không tiện cả ».

3.— Chiến dịch :

Phía-Mông Cồ : Quân Mông Cồ chia làm hai đạo:

a) Một đạo gồm 10 vạn người do Toa-Đô thống suất, xuất phát từ Quảng-Châu, do đường biển định sang đánh Chiêm-Thành rồi quay ra Bắc.

b) Một đạo gồm 40 vạn quân do Thoát-Hoan đi đường bộ theo nẻo Nam Quan trong khi Ô-Mã-Nhi đem thủy binh đánh vào cửa sông Thái-Bình.

Phía Việt:

a) Hưng-Đạo-Vương phân binh giữ ải Lộc-Châu, ải Khả-Ly (Lạng-Sơn) còn tự mình giữ đèo, Kỳ-Cáp (gần Kỳ-Lừa);

b) Chiến thuyền đóng ở bãi Tân để tiếp ứng với quân bộ.

Mông-Cồ thắng lợi: Mấy ải Khả-Ly, Lộc-Châu, Chi Lăng đều thất thủ. Hưng Đạo Vương phải chạy ra bãi Tân nhờ có già tướng là Yết-Kiêu đóng ở đó đón chạy về Vạn-Kiếp.

Đại-hội binh mǎ ở Vạn-Kiếp : Hưng-Đạo-Vương phát cuộn « Bình-Thư Yếu-Lược » cho các tướng sĩ và phát hịch khích lệ dân chúng. Tất cả các binh sĩ đều khắc hai chữ « Sát-Thát » trên vai để tỏ lòng quyết chiến.

Quân Mông-Cổ chiếm Thăng-Long : Thoát Hoan thả quân ra cướp phá Gia-Lâm, Võ-Ninh, Đông-Ngạn, Bắc-Ninh giết những người có khắc hai chữ « Sát-Thát » trên vai, rồi kéo quân đến Đông-Bắc. Đầu phá đại quân của Hưng-Đạo-Vương và tiến thẳng vào Thăng-Long.

Quân Toa-Đô đánh ra ; Người Chiêm Thành kháng-chiến ráo riết khiến cho quân Toa-Đô không thể ở được, định kéo quân ra Bắc băng đường bộ để hội sư với Thoát-Hoan ở Thăng-Long. Ô-Mã-Nhi ở Bắc đem chiến thuyền vào tiếp ứng Toa-Đô và chia các chiến thuyền giữ các bến lớn trên sông Nhị-Hà.

Lúc bấy giờ Hưng-Đạo-Vương đã rước vua vào Thanh-Hóa và sai :

Trần-Quang-Khai chặn đường Nghệ-An, Trần-Bình-Trọng giữ Thiên-Trường.

Trần-Quang-Khai trước thế mạnh của sức tấn công Mông Cổ phải rút lui; Trần-Bình-Trọng ở Thiên-Trường bại trận bị bắt không chịu đầu hàng và nói: « Ta thà làm ma nước Nam còn hơn làm vua đất Bắc ». Thoát-Hoan dù dỗ không xong liền đem giết đi.

Chiến-tranh di chuyển :

Trận Hàm-Tử-Quan : Trần-Quang-Khai cố giữ các đường hiềm yếu ở Nghệ-An không cho mũi kim của Toa-Đô và Thoát-

Hoan thất lại, Toa-Đô đánh phải xuống chiến thuyền với Ô-Mã-Nhi để ra Bắc liên-lạc với Thoát-Hoan.

Vua Nhâm-Tôn hối quàn thắn bàn kế rồi sai Trần-Nhật-Duật đem quân chặn Toa-Đô. Gặp Toa-Đô ở bến Hàm-Tử (thuộc huyện Đông Yên, tỉnh Hưng-Yên) Trần-Nhật-Duật đã đánh Mông-Cồ một trận tan tác khiến quân của Toa-Đô phải rút về Thiên-Trường (cửa sông Nhị Hả). Bấy giờ là năm 1285. Đó là trận chuyền bại thành thắng.

Thắng lợi Việt :

Trận Chương-Dương Độ : Lợi dụng trận thắng đầu tiên khi thế còn dang hăng, vua sai Trần-Quang-Khai ở Nghệ-An ra đánh Thăng-Long; Trần-Quang-Khai, Phạm-ngũ-Lão Trần-Quốc-Toản theo đường biển và do đường Nhị-Hà kéo quân đến bến Chương-Dương-Độ vào thủy trại của giặc. Quân Mông-Cồ thua to chạy về Thăng-Long, quân Việt đuổi theo, Thoát-Hoan đem quân ra chống cự bị phục binh của Trần-Quang-Khai đánh úp quân Mông-Cồ phải bỏ Thăng-Long mà chạy.

Trận Tây-kết : Quân Toa-Đô lúc này đóng ở Thiên-Trường mà Thoát-Hoan thì chạy lên đóng ở Kinh-Bắc cách xa nhau hơn 200 dặm Toa-Đô không biết Thoát-Hoan đã bỏ Thăng-long mà chạy. Hưng-dạo-Vương đem quân vây Toa-Đô một mặt đánh thắng vào trại, một mặt bắt giết được Toa-Đô, còn Ô-Mã-Nhi quay vào Thanh-Hóa chạy xuống một chiếc thuyền nhỏ về nước. Trận này diễn ra ở Tây-kết có lẽ là tổng Đông-Kết, phủ Khôai-Châu bấy giờ).

Trận Vạn-Kiếp và là trận thành công :

Trần-hưng-Đạo dù biết quân Thoát-Hoan đóng ở Bắc-

Giang được tin Toa-Đô tử trận, Ô-Mã-Nhi chạy trốn đã nản lòng và có ý rút lui, bèn sai :

— Phạm-ngũ-Lão, Nguyễn-Khoái phục săn bên rừng sậy ở bờ sông Vạn-kiếp chờ quân Mông-cồ chạy qua đánh úp.

— Hai con là Hưng-võ-Vương Nghiễn và Hưng hiếu-Vương Úy đem ba vạn quân ra đóng từ Hải-Đường đến Quảng-yên để chặn đường quân Mông-cồ chạy về châu Tứ-minh.

— Còn chính Hưng-đạo-Vương thì xuất quân tiến thẳng Bắc-Giang tấn công vào đại quân của Thoát-hcan.

Quân Mông-cồ thua chạy đến Vạn-kiếp bị quân của Phạm-ngũ-Lão và Nguyễn-Khoái đón đánh mười phần chết năm. Tướng Mông-cồ là Lý-Hằng bị bắt chết, Thoát-hcan cùng với những tướng còn lại là A-Bát-Xich, Phàn-Tiếp, Lý-Quán cướp đường chạy.

Tới gần châu Tứ-minh thì gặp con của Hưng-đạo-Vương chặn đánh, Lý-Quán trúng tên chết. Còn tất cả chạy thoát về Tàu.

Trong trận này ta thấy quân Mông-cồ đã chạy theo đường mà Hưng-đạo-Vương vạch sẵn để đưa đầu vào chỗ chết.

Thế là trong có 3 tháng trời quân Mông-cồ hơn 50 vạn đã từng làm rung động Âu, Á, sang đánh một nước gần nhà, đã bị nước Việt nhỏ bé đánh cho tan tác.

C — Cuộc xăm lăng lần thứ ba.

1.—Thời kỳ chuẩn bị

Phía Mông-cồ : Vua Mông-cồ thua chạy về lấy làm căm tức đã toan mang quân sang phục thù ngay nhưng vì bấy

giờ đang sửa soạn đi đánh Nhật-bản nên bắt buộc phải hoãn đến năm sau và chuẩn bị.

a) Hốt-tất-Liệt hạ lệnh đóng thêm 300 chiến thuyền.

b) Hội quân các tỉnh Giang, Hoài, Hồ, Quảng, Giang-Tây sửa soạn theo đường châu Khâm, châu Liêm, đem theo Trần-Ích-Tắc về để xâm lăng ta.

Phía Việt : Vua Nhân-Tôn, sai Hưng-đạo-Vương dốc suất các vương hầu mợ thêm binh sĩ và sửa sang khi-giới để kháng-chiến.

II. — Giai đoạn quyết định chiến-tranh và chiến-dịch

Phía Mông-Cô : Năm 1287. Vua Mông-Cô phát 7 vạn quân, 500 chiến thuyền, 6000 quân Vân-Nam cùng 1 vạn 5 nghìn người lấy ở 4 châu ngoài bờ : Quỳnh, Nhai, Đạm, Vạn ở Hải Đảo thuộc tỉnh Quảng-Đông.

Đến châu Tư-minh, Trinh-Băng, Áo-Lô-Xich mỗi người đem một vạn quân đi đường bộ.

Ô-Mã-Nhi, Phàn-Tiếp đem chiến thuyền do đường biển cùng tiến.

Phía Việt : Trần-Nhật-Duật và Nguyễn-Khoái đem 3 vạn quân giữ Lạng-Sơn ;

Trần-Quốc-Toản, Lê-phụ-Trần đem 3 vạn quân giữ Nghệ-An ;

Hưng-đạo-Vương tự mình thống suất đại quân ra giữ mặt-

Quảng-Yên một mặt tiến lên phía châu Tư-minh chia đóng ba dồn : Sa, Tư, Trúc. Đại quân đóng ở núi Phú-sơn.

Quân Mông-Cồ thắng lợi :

Quân Mông-Cồ mới sang thế còn mạnh, quân ta phải rút về Vạn-Kiếp. Thoát-Hoan một mặt sai Trịnh-băng-Phi đem 2 vạn quân đánh vào Vạn-Kiếp và sai dựng trại ở núi Phả-Lại và Chi-Linh, một mặt sai Ô-mã-Nhi, A-bát-Xich họp quân mà qua sông Nhị-Hà đánh Thăng Long.

Hưng-đạo-Vương rút quân từ Vạn-Kiếp về giữ Thăng-Long

Thoát-Hoan đánh không nổi Thăng-Long cũng rút quân về Vạn-Kiếp, Chi-Linh, Phả-Lại . Hưng-lạo-Vương tiến quân cầm cự.

Nút di chuyển chiến-tranh:

Trận Vạn.Đồn: Quân Mông-Cồ đóng ở Vạn-Kiếp lâu ngày lương thực sắp cạn, Thoát-Hoan sai Ô-mã-Nhi đem thủy binh ra cửa bắc Đài-Bàng (cửa Nam-Triệu) để đón thuyền lương của Trương-văn-Hồ.

Binh thuyền của Ô-mã-Nhi đến Vạn.Đồn gặp quân ta do Trần-khánh-Dư dốc xuất, hai bên giao chiến, quân ta thua phải để Ô-mã-Nhi đi thoát.

Vua Nhân-Tôn cho vời Trần-khánh-Dư về trị tội. Khanh-Dư xin vua khoan mňay ngày để lấy công chuộc tội.

Trần-khánh-Dư thu thập tàn quân chờ thuyền lương dịch về thì đánh úp. Quả nhiên mňay hôm sau Trương-văn-Hồ, Ô-mã-Nhi dẫn lương về, bị Trần-khánh-Dư phục kích đánh cướp

hết được lương thực và khí giới. Trương-văn-Hồ phải xuống thuyền nhỏ chạy về Quỳnh-Châu.

Trận Bạch - Đăng : quân Việt toàn thắng. Quân Mông Cổ thấy thuyền lương bị phá đều lo sợ ; Thoát-Hoan cho người về nước cầu lương bị Hung-dạo-Vương sai quân lén lên Lạng-Sơn giữ đèo Kỳ-Cáp và ải Nữ-Nhi ngăn không cho quân Mông-Cổ về. Thoát-Hoan định rút lui bèn sai Phàn-Tiếp và Ô-mã-Nhi dẫn thủy binh về trước, còn mặt bờ thì cho Trình-băng-Phi và Trương-Quân dẫn binh đi án ngữ mặt sau để đợi binh rút về.

Hưng-dạo-Vương iết tin bèn sai :

- Nguyễn-Khoái lén đến thủy lưu sông Bạch-Đăng dùng mèo Ngô-Quyền khi trước, lấy cọc gỗ đeo nhọn bịt sắt, chờ nước thủy triều xuống đem đóng khắp giữa lòng sông rồi phục binh chờ.
- Phạm-ngũ-Lão và Nguyễn-ché-Nghĩa đem quân mai phục sẵn ở ải Nội-Băng (Lạng-Sơn).
- Chính Hưng-dạo-Vương xuất đại binh kéo đến Bạch-Đăng.

Thuyền chiến của Ô-mã-Nhi đến sông Bạch-Đăng thì gặp quân của Nguyễn-Khoái ra giao chiến lúc nước thủy triều đang lên ; Nguyễn-Khoái giao chiến trả bại, dù Ô-mã-Nhi qua kẽi nơi đóng cọc rồi quay thuyền đánh lại. Đồng thời Hưng-dạo-Vương kéo đại quân tới đánh. Ô-mã-Nhi thấy thế quân Việt mạnh, quay trở lại thì vừa lúc nước thủy triều xuống, chiến thuyền va cọc đắm vỡ rất nhiều. Quân Việt đại thắng bắt

sống Ô-mã-Nhi, Phản-Tiếp, Tich-Lê, Co-Ngọc, chiến thuyền bắt được hơn 400 chiếc. Bấy giờ là năm 1288.

Trận thành công : Nghe tin thủy binh bị trận Thoát-Hoan rút về Tư-Minh đến ải Nội-Bàng gặp Phạm-ngũ-Lão đón đánh, phải liều chết mà ra khỏi ải. Đến ải Nữ-Nhi và đèo Kỳ-Cấp tàn quân Mông Cồ lại bị quân Việt đón đánh, bắn chết Trương-Ngọc và A-bát-Xich.

Lần này cũng như lần trước, quân Mông Cồ thua chạy theo đường vách sǎn của Hưng-đạo-Vương để lao đầu vào chỗ chết.

VI.—Những chiến lược của nhà Trần:

Qua những trận đánh ta có thể thấy rằng những chiến-lược và chiến thuật của kháng chiến chống Mông Cồ là :

- a) Tiêu thổ kháng chiến
- b) Toàn dân kháng chiến
- c) Trường kỳ kháng chiến
- d) Tiêu hao lực lượng địch
- e) Ngắt đường liên lạc
- g) Chặn đường tiếp tế
- h) Chặn đường rút lui
- i) Phá thế gọng kìm
- k) Thủy chiến rất thạo.

Đó là những chiến lược và chiến thuật diền hình của dân tộc quy định nên bởi hoàn cảnh địa dư, kinh thè đất dai và tính chất chiến-tranh mà dân-tộc phải đương đầu.

VII.— Cơ sở ý thức tranh đấu

Ý-thức dân-tộc : tồng hợp hấp thụ được tinh hoa của tam giáo trên nền tảng dân-tộc.

Ý-thức độc-lập : trưởng thành lên trong địa hạt văn-học với sự thành lập chữ Nôm. Nguyễn-Thuyễn và Nguyễn-sĩ-Cố là đại diện của ý-thức đó trong thời nhà Trần kháng Nguyên.

Ý-thức dân-chủ : với hội nghị Diên-Hồng là biểu hiệu của ý-thức chính trị xã-hội đời Trần và cốn chứng tỏ cái ý-thức về dân quyền của thời đại xã-hội Việt-Nam thuở đó.

VIII.— Kinh nghiệm thành bại

Người Việt đã thắng được Mông Cổ vì:

Trên địa hạt văn-hóa, nhà Trần đã thu hút được tinh hoa của tam giáo (Phật, Lão, Khổng) để kiến-thiết xã-hội, phổ thông giáo-dục, xây dựng một tinh thần dân-tộc tôn trọng được cả văn lâm võ, đồng thời phát huy được những đức tính hy.sinh, bền dai, cao cả của dân-tộc.

Xã-hội tổ-chức theo chế độ quân điền bao đảm cho đời sống ấm no của dân chúng với những phương pháp khuynh nông, đào kênh, khai thác đồn điền, di dân và sự khuyến khích công nghiệp, thương nghiệp, ngư nghiệp đã khiến cho xã-hội Việt được phồn thịnh, phủ cường và bước một bước dài trên đường tiến bộ.

Cách-thức tổ-chức xã-hội đã điều hòa được sự tập trung chính quyền và binh quyền cần thiết đối với ngoại xâm và đối nội bảo đảm được tự do phát triển cá nhân.

Nhờ ở đó mà có :

— Một tinh-thần dân-tộc mạnh mẽ tới cực độ;

- Nhiều tướng tài và nhân tài văn võ song toàn.
 - Một tinh thần quyết chiến rất cao (chưa có một dân tộc nào trên thế giới chống với một xâm lăng mạnh gấp mười, dám khắc hai chữ Sát-Thát trên vai như dân tộc Việt).
- Hội nghị Diên-Hồng là một hình thức đấu tranh chính trị lấy toàn dân tham dự chiến tranh đối phó với toàn diện chiến tranh của Mông-Cổ.

Kháng chiến đời Trần còn mang một tinh cách bình dân: nhà Trần mới xuất thân trong đám dân chài lười ra, các tướng tá đều là những người trong đám bình dân như Phạm.ngũ.Lão, Yết Kiêu, Dã-Tượng, vàn vàn.

IX.— Kết-luận

Cuộc kháng chiến đời Trần có thể coi là một cuộc kháng chiến mẫu mực của dân-tộc Việt trên ý thức đấu tranh cũng như trên phương pháp đấu tranh.

Kiem duyệt bỏ

Quân nhân cách-mạng thời Lê-Lợi

(1418 — 1427)

1 — Nền tảng và điều kiện
xã hội của cuộc cách mạng Lê Lợi,
Thực dân chế độ khoa học hóa và phát xít-hóa

Chính-sách nhà Minh là một chính-sách đồng hóa nhưng cuộc đồng hóa lần này lại được khoa học hóa dưới một hình thức phát-xít tập quyền tối dã man :

1/ Nhà Minh kiểm soát dân số : phàm dân đinh người nào cũng phải có một cái thẻ mang tên tuổi và hương quán, sổ thẻ giữ ở quan nha, hễ chiếu sổ thẻ không đúng thì bắt đi lính.

2/ Nhà Minh bắt các lý-trưởng và giáp-trưởng phải tu định một quyền *Hoàng-Sách* biên chép tất cả sổ đinh dien để làm

tiêu chuẩn cho sưu thuế, mỗi năm làm lại một lần. Những người tàn tật hay cô quạnh thì biên riêng ra gọi là Kỷ-linh. Ở đầu mỗi cuốn sách lại có một bản địa đồ.

Quyền số ấy biên ra làm 4 bản một bản có bìa vàng (hoàng sách) gửi vào bộ Hộ còn ba bản bìa xanh thì để ở Bố-Chin h-Ty, ở phủ và ở huyện, mỗi nơi một bản.

Làm những công việc này lý-trưởng và giáp thủ phải đánh đập cực khổ vô cùng nếu sơ suất.

3/ *Cách ăn mặc* : Cấm con trai con gái không được cắt tóc ngắn, đàn bà con gái thì phải mặc áo ngắn quần lõi Tàu, học nói tiếng Tàu với mục-dịch là can thiệp vào phong-tục, cố ý phá những đặc tính của dân-tộc Việt.

4/ *Hoàng-Phúc* là quan lại Tàu bắt các phủ-châu-huyện phải lập văn miếu và dền thờ Bách-Thần, Xã-Tắc, Sơn-Xuyên, Phong Vân, để bốn mùa tế tự, với tác dụng là kéo lùi ý-thức dân-tộc Việt về thời kỳ da thằn thờ đồ-vật, Đó là ngu dại chính sách của nhà Minh.

5/ *Sự học hành* : Cũng theo chính sách ngu dại trên, nhà Minh bắt mở trường học ở các phủ, châu-huyện rồi chọn những thầy-âm dương, thầy-chà, đạo-sĩ, ai giỏi nghề gì cho làm quan để dạy nghề ấy.

Vua nhà Minh lại xuống chỉ truyền lấy Tú-Thư, Ngũ-Kinh, Tinh-Lý-đại-toàn, sai quan đưa sang ban cấp cho người Việt học với mục-dịch là tiêu-diệt ý-thức dân-tộc bằng giáo-đục.

6/ *Đem* về Tàu và tiêu-hủy tất các sách của người Việt, những Quốc-thư của các triều đại trước còn lại, nhằm tiêu-diệt tận gốc mọi ý-thức dân-tộc và lịch-sử ở người Việt

7/ Đặt dời sống của toàn dân chúng trong một hệ-thống kiềm soát rất chặt chẽ trên mọi phương diện như:

Tăng-Cương Ty để kiềm soát tăng giới.

Đạo-Kỳ-Ty để kiềm soát nhà tu và đạo sĩ,

Diêm-Pháp để độc-quyền muối lũng đoạn sinh-hoạt dân chúng.

Đè-cư Ty để thu trữ muối.

Quan Ty ở các miền có ruộng muối để kiềm soát sự sản xuất muối và đánh thuế.

Bố-chinh Ty khám muối và cấp giấy phép bận.

Thuế-khoa-Ty để giữ việc thu thuế.

Sở Hỗ-Bạc để trông nom thuyền bè qua lại trên sông, kiềm soát giao thông và hạn chế đi lại.

8) Di dân và tù tội sang để hiếp tróc đàn bà con gái chiếm đoạt tài sản của người Việt.

9) Làm kiệt quệ sinh lực dân chúng bằng cách bắt người Việt làm những công việc nặng nề trong các mỏ vàng bạc và đặt quan để trông nom và đốc thúc sự khai khẩn.

— Trên rừng : di săn tê, săn voi, kéo gỗ.

— Dưới bè : mò ngọc trai.

Năm 1414, Mộc-Thạnh và Trương-Phụ đem quân về nước mang theo rất nhiều đàn bà con gái Việt để làm tỳ thiếp.

Đó mới chỉ là một phần nào cái bộ mặt đen tối của

chính sách đồng hóa dân Việt ta của nhà Minh, thực hiện một thề-chẽ tập quyền dân lát rất khoa học, đặt dân Việt thời đó dưới sự thống trị của một bọn quan lại cực kỳ tham lam và tàn ác, mục đích là tiêu diệt dân tộc Việt, không hơn không kém.

II. — Cuộc khởi nghĩa Lam-Sơn

Sức thống-trị càng đè nặng bao nhiêu thì sức quật cường càng mạnh bấy nhiêu, cho nên ngày mà cuộc cách-mạng Lê-Lợi bùng lên là sức nước vỡ bờ lôi cuốn hết những hắc ám và hôi tanh của thống-trị Hán.

Năm 1418, Lê-Lợi cùng các tướng Lê-Thạch, Lê-Kiều, phất cờ đứng dậy tự xưng là Bình-Định-Vương. Cuộc khởi nghĩa lấy Lam-Sơn làm căn cứ xuất phát.

Trong thời kỳ đầu thế giặc còn mạnh, Lê-Lợi đã bao nhiêu lần gian nan lương thực không còn binh sĩ phải sống bằng rau cỏ, voi ngựa đều phải giết để ăn, nhưng dân gian dần dần hưởng ứng đồng đảo. Cách-mạng thành công sau mười năm chiến đấu.

Đóng Chí-Linh lần thứ nhất : Quan nhà Minh là Mã-Ký ở Tây-Đà nghe tin Bình-Định-Vương nổi lên ở Lam-Sơn liền đem quân đến đánh. Quân Lê-Lợi phục kích ở Lạc-Thủy (Cầm Thủy, phủ Quang-Hóa) để đợi quân Minh : Đến khi Mã Ký đem quân tới, phục binh của Lê Lợi để ra đánh nhưng vì thế yếu giữ không nổi Lê Lợi phải bỏ vợ con để giặc bắt được, mà đem quân về đóng ở Chí-Linh.

Đóng Chí-Linh lần thứ hai : Tháng tư năm Kỷ-Hợi (1419) Lê-Lợi đem quân ra đánh lấy đồn Nga-Lạc (thuộc huyện Nga-

Sơn, Thanh Hóa) giết được tướng của nhà Minh là Nguyễn Sáu nhưng quân của Lê-Lợi hãy còn ít, đánh lâu không được, phải đem quân về Chí-Linh.

Tại đây, quân nhà Minh biết là đất hui tối của Lê-Lợi liền đem binh đến vây. Tình thế của Lê-Lợi rất khốn quân. Lê-Lai phải mặc áo bào của ông ra trận để chết thay ông. Quân Minh tướng là đã giết được Lê-Lợi rồi bèn rút quân về Tây-Đô.

Dánh Tây-Đô lần thứ nhất : Năm 1420, Bình-Định-Vương đem quân ra đánh Tây-Đô. Tướng nhà Minh là Lý-Bân được tin đó đem quân đến đánh và bị p hục quân của Vương đánh bại giết được hơn một nghìn quân Minh.

Sau trận đó, Nguyễn-Trãi dâng bài « Bình-Ngô sách » và được dùng làm thám mưu.

Bình-Định-Vương phá quân Trần-Tri Năm 1421, đóng đồn ở Ba-Lâm, Bình-Định-Vương bị tướng nhà Minh là Trần-Tri đến vây đánh, lại ước với Lào sang để cùng đánh hai mặt. Vương nhận quân Minh ở xa đến còn mệt, đem quân đến cướp trại Minh và giết được hơn 1000 quân Minh. Trần-Tri giận lắm, hôm sau kéo quân đến phục thù thì bị phục kích của Vương phải rút lui. Trong khi hai bên đương đối địch thì có 3 vạn người Lào giả xưng là sảng viên binh cho Bình-Định-Vương. Vương không biết là đối, nửa đêm bị quân Lào lén tới đánh. Quân ta giữ vững được đồn trại nên quân Lào phải rút về.

Đóng Chí-Linh lần thứ ba. — Năm 1422, từ Ba-Lâm, quân của Vương tiến lên đánh Quán-Du bị quân Minh và quân Lào hai mặt cùng đánh, thua chạy về Khôi-Sách. Quân Minh và quân Lào thừa thế bồ vây cả bốn mặt. Quân ta phải cố mở một đường máu mới thoát và rút về đóng ở Chí-Linh.

Giai-doan này là giai-doan cùng cực nhất, quân ta thiếu lương thực, tướng sĩ đều mỏi mệt, Vương bắt đắc dĩ sai Lê-Trần di xin hòa. Quân nhà Minh thấy đánh không nổi cũng thuận cho hòa.

Binh-Định-Vương lấy Nghệ-An : Năm 1424, Vương hợp các tướng lại bàn kế tiến thủ và quyết định lấy Nghệ-An để lấy thế phát triển. Vương đem quân đánh dồn Đa-Căng, tướng nhà Minh là Lương-Nhữ-Hốt thua bỏ chạy.

Chiếm được dồn Đa-Căng. Vương tiến quân đánh Trà-Long, đi đến núi Bồ Liệp thuộc phủ Qui-Châu thì gặp bọn Trần-Tri, Phương-Chính đem binh đến đánh, Vương bèn tìm chỗ phục sẵn, khi quân Minh đến, quân ta đồ ra đánh chém được tướng nhà Minh là Trần-Trung, giết được sỹ tốt hơn 2.000 người, bắt được 100 con ngựa. Quân Minh bỏ chạy, Vương đem quân đến vây đánh và chiếm được Trà-Long.

Trần-Tri, Phương-Chính đem cả thủy bộ cùng tiến lên đánh Bình-Định-Vương.

Vương sai Đinh-Liệt đem 1000 quân đi đường tắt ra giữ Bồ-Gia còn Vương thì đem cả tướng sĩ đến mạn thượng du đất Khả-Lưu ở Bắc ngạn sông Lam-giang rồi tìm chỗ hiểm yếu phục binh đợi quân Minh đến.

Quân Minh tiến lên bị phục binh đồ ra đánh bốn mặt, bắt sống được tướng nhà Minh là Chu-Kiệt, giết được Hoàng-Thành. Trần-Tri phải lui quân về giữ Nghệ-An.

Tháng giêng năm Ất-Tị (1425), Vương đem binh về đánh thành Nghệ-An đi đến đâu dàn chúng dồn rước, đem trâu rươi ra tiếp tế. Các quan châu huyện ở các nơi theo nhau về hàng và tinh nguyện di đánh Nghệ-An. Quân Vương vây Nghệ-An, tướng nhà Minh là Lý-An ở Đông-Quan đem quân đ

đường hẻ vào cứu. Quân ở trong thành của Trần-Tri cũng dồn ra đánh. Vương nhử quân Minh đến cửa sông Đô Gia rồi dùng phục binh đánh tan quân giặc. Trần-Tri bỏ chạy về Đông-An, Lý-An vào giữ thành, quân ta lại bao vây.

Những trận lớn quyết định sự thành công của cách-mạng quân

Trận Đông-Đô : Nhân thấy quân lực nhà Minh dồn cả vào Nghệ-An, mà ở Đông-Đô thi không có mẩy, Bình-Định, Vương liền quyết định bỏ thành Nghệ-An và Tày-Đô kéo ra Bắc,

Một mặt Vương sai Lý-Thiện, Phạm-văn-Xảo do Thiên-Quan (Nhó-Quan) ra đánh các miền Quõe-Oai, Quảng-Đại, Gia-Hưng, Quý-Hòa, Đà-Giang, Tam-Đài và Tuyên-Quang để chặn đường viện binh của nhà Minh từ Vân-Nam sang.

Một mặt sai Lưu-Nhân và Bùi-Dị cũng do Thiên-Quan ra đón các miền từ Thiên-Trường, Bắc-Giang, Lạng-Sơn để chặn viện binh từ Quảng-Đông và Quảng-Tây sang.

Một mặt nữa sai Đinh-Lê và Lê-Xi ra đánh Đông-Đô để phô trương thanh thế

Còn Bình-Định-Vương thì tùy cơ tiếp viện và tiến thủ.

Quân của Lý Triệu lấy được Quảng-Oai và Tam-Đài liền quay về đánh Đông-Đô bại quân Minh do Trần-Tri chỉ huy ở Ninh-Kiều và Thiên-Úng (phủ Úng-Hòa ngày nay), đồng thời chặn đánh viện binh ở Vân Nam sang và không cho liên lạc với Trần-Tri.

Tướng nhà Minh là Phượng-Chính ở Nghệ-An ra tiếp viện bị Bình-Định-Vương đuổi đánh bại.

Trận này là một trận maul mực của cách mạng nồi pháo khắp nơi khiến cho quân Minh không còn biết chỗ nào hứng đỡ.

Trận Tuy-Đông. — Lý-Triệu cùng Lô-Bi đem quân đánh Mã-Kỳ đóng ở Thanh-Oai. Quân ta mai phục sẵn ở Cồ-Lâm (nay là xã Thắng-Lâm, huyện Từ Liêm) Mã-Kỳ bị dù đến ầu Tam-La (tức quán Ba-La nay) thì bị phục quân nồi dày. Quân Minh đại bại bị giết và bị bắt rất nhiều.

Lý-Triệu hẹn với Đinh-Lê và Lê-Ký đóng ở Thanh-Đàm (tức Thanh-Trì ngày nay) đánh úp tướng Minh là Vương-Thông đóng ở Ninh-Kiều phía Tày thành Đông-Đô. Trận này quân địch thua to, quân ta chém được thượng thư Trần-Hap và nội quan là Lý-Lương. Quân Minh phần nhiều nhảy xuống sông chạy và chết đuối.

Trận Tuy-Đông tuy là một trận phục kích nhưng sự thắng lợi lớn lao đã quyết định sự thành công của Bình-Định-Vương.

Trong thời kỳ vây Đông-Đô, Bình-Định-Vương đã nghĩ đến việc kinh dinh chính trị. Người chia đất Bắc-Hà làm bốn đạo đặt quan văn võ nội ngoại để cai trị.

Sau trận này Vương-Thông xin hòa và xin hẹn ngày kéo quân về nước nhưng đó chỉ là kế-hoạch của bọn thống-trị.

Năm 1426, Bình-Định-Vương đóng quân ở Bồ-Đề phía tả ngạn sông Nhị-Hà, tuy chưa lấy được thành Đông-Đô nhưng các phủ huyện châu đều quy thuận cả. Ngoài việc lựa chọn và tập luyện quân sĩ đóng thêm thuyền chiến, tạo thêm khí giới người lại lo việc kiến thiết quốc gia như :

— Mở khoa thi ở hai Bồ-Đề lấy 36 người trúng tuyển.

— Khiến các lộ phái cử các kẻ sĩ hiền lương cùng các bậc tri-thức và hào kiệt ;

— Hạ chiếu cầu nhân tài trong thiên hạ tự tiến thân ra giúp nước.

— Làm lại hộ-tịch.

Trận Chi-Lăng: Vua nhà Minh sai Tông-Binh Chinh-Lô phó tướng quân là Liêu-Thăng cùng với các tướng Lương-Minh, Mộc-Thạch, Thôi-Tụ sang cứu viện bằng đường Vân-Nam và Quang-Đông.

Bình-Định-Vương hạ lệnh cho dân các miền Lạng-Sơn, Bắc-Giang, Tam-Đối, Tuyên-Quang, Quang-Hòa tiêu thổ kháng chiến.

Quân Minh vừa sang, Bình-Định-Vương sai tiếp chiến, cầm cự vừa đánh vừa lui về ải Chi-Lăng.

Ngày 20 tháng 9 năm thứ 10 của Cách Mạng, Liêu Thăng bị phục kích giết ở Chi-Lăng, quân ta thua thế dưới giết hơn 1 vạn người.

Một trận thủy bộ vây đánh Thôi-Tụ và Hoàng-Phúc trong khi Trần-Nguyễn-Hãn chặn đường lương của địch, kết thúc cuộc đô hộ và chính sách đồng hóa của nhà Minh.

Trận Chi-Lăng là trận toàn thắng và là trận của Cách mạng thành công.

III — Pháp luật của quân dân cách mạng

Không công nhận pháp luật của nhà Minh, cách-mạng có pháp luật của cách-mạng Bình-Định-Vương đặt ra những tiêu chuẩn thường phạt cho quân dân cách-mạng.

Trước hết Vương cấm tà đạo ai dùng những phép tà ma giả dối để đánh lừa người ta đều phải tội;

Dân sự lưu tán vì loạn lạc được phép về nguyên quán làm ăn như cũ.

Gia-quyến và vợ con những người ra làm quan với giặc được phép theo lệ lấy tiền mà chuộc.

Quân lính nhà Minh đã hàng thì được đưa về Thiên-Trường Kiến-Xương, Lý Nhãm, Tân-Hưng để nuôi nấng tử tế.

Vương đặt ra ba điều răn các quan:

- 1) Không được vờ tinh.
- 2) Không được khi mạn.
- 3) Không được giam dâm.

Vương dụ rằng những quân lính ngày thường mang tội không phải xử trảm, trừ lúc nào ra trận mà trái quân lệnh thì mới theo phép mà thi-hành.

10 điều kỷ-luat cho tướng-sĩ là :

- 1 — Trong quân ồn ào không nghiêm ;
- 2 — Không có việc gì mà đặt ra truyện để làm cho mọi người sợ hãi ;
- 3 — Lúc lâm trận nghe trống đánh, thấy cờ phất mà chùng chình không tiến ;
- 4 — Thấy kéo cờ dừng quân mà không dừng ;
- 5 — Nghe tiếng chiêng lui quân mà không lui ;
- 6 — Phòng giũ không cẩn thận để mất thứ ngũ ;
- 7 — Lo việc riêng vợ con mà bỏ việc quân ;

8 — Tha binh lính về để lấy tiền và làm sô sách mập mờ;

9 — Theo bụng yêu ghét của mình mà làm lòe mắt còng
quả của người ta ;

10 — Gian dâm trộm cắp,

Hễ tướng sĩ ai phạm vào những điều ấy thì phải tội chém.

Các quân lính thì hễ nghe một tiếng súng mà không có
tiếng chiêng, thi các tướng hiệu phải đến dinh nghe lệnh, hễ
nghe hai ba tiếng súng và hai ba tiếng chiêng ấy là có việc
canh cắp, quan chấp-lịnh phải sắp hàng ngũ, còn quan thiếu-
úy thi đến dinh nghe lệnh; hễ đến lúc lâm trận mà lui hoặc là
bỏ những người sau không cứu, thi phải tội chém, nhưng giàn
hoặc đã có ai không may chết trận mà mình hết sức mang
được xác ra thì khỏi tội.

Đại khái những kỷ-luật ấy trong quân của Bình-Định-
Vương đã khiến cho quân của vương đi đến đâu cũng được dàn
gian kinh phục và ủng hộ.

IV.—Những đặc điểm của cách-mạng Lê-Lợi:

1.—*Tuyên truyền*: Sấm là một vũ-khi tuyên truyền lợi hại
để gài tin tưởng trong lòng dân chúng. Nguyễn-Trãi cho viết
bằng mồ lén các lá trong rừng những chữ « Lê-Lợi vi quân,
Nguyễn-Trãi vi thần » để kiến ăn mồ dục thắng lá cây và lá
cây rụng xuống các dòng nước đưa đi khắp nhân gian.

Bình-Định-Vương dùng hịch để khích lệ nhân tâm. Cuộc
cách-mạng mở đầu bằng một tờ hịch lên án nền thống-trị và
chính sách đồng hóa của nhà Minh, kết thúc bằng bản « Bình
Ngô Đại-Cáo » do Nguyễn-Trãi thảo ra có thể coi như là một

bản báo cáo trước quốc dân về những thành công của cách-mạng nhằm ổn định nhân tâm.

2 — *Tính chất của Cach-mạng Lê-Lợi là* : toàn dân cách-mạng đề đối với toàn diện chiêm lãnh, dân-tộc cách-mạng đề đối phó vũ lực thống-trị.

Sự phối hợp được lực lượng cách-mạng với vũ-lực dân chúng để thực hiện toàn dân cách-mạng là bí quyết thành công của cuộc cách mạng Lê-Lợi.

3 — *Chiến-lược cách-mạng* : những chiến lược điển hình của cách-mạng dân tộc là : tiêu-thồ kháng-chiến, phục kích, chặn đường tiếp tế đều được áp dụng, đi đôi với huy trương thanh thế để làm tăng lòng tin tưởng của dân chúng.

4 — Tri phẩn đấu đi đôi với lòng hy sinh, nhẫn nại, chịu gian nan khổ ai đều là những đức tính của dân quân cách-mạng Lê-Lợi.

V. — *Những cơ sở Ý-thức của cuộc Cách-mạng Lê-Lợi*

Qua những điều răn các quân ra phục vụ cách-mạng (không được vô tinh, không được khi mạn) chúng ta thấy rằng tinh thần cách-mạng Lê-Lợi là một thứ tình thương nồng giỗng bị chà-dạp cần được nâng đỡ. Tình thương còn phát hiện trong sự xử đối với giặc. Có người xui Vương giết những quân Minh bắt được đi, vì bọn này xưa hay tàn ác quá. Vương nói rằng : « Phục thù báo oán là cái thường tình của mọi người nhưng cái bản tâm người có nhân không muốn giết người bao giờ. Vả người ta đã hàng mà lại còn giết thì không hay. Nếu mình muốn thỏa cơn giận một lúc, mà chịu cái tiếng muôn đời, giết kẻ hàng, thì sao bằng đẽ cho muôn vạn con

người sống mà khỏi được cái mồi tranh-chiến về sau, lại để tiếng thơm lưu truyền thiên cổ trong sử xanh ».

Những sự-nghiệp và thành tích cách-mạng mà chúng ta sẽ bàn tới sau càng chứng tỏ rằng nền-tảng tinh-thần của cuộc cách-mạng là tình thương nòi giống thúc đẩy mọi người đứng lên giành lấy quyền sống.

— *Ý-thức lịch-sử dân-tộc* phát huy mạnh mẽ. Bình-Định-Vương trước họa đồng hóa và diệt vong kêu gọi toàn dân trở về nguồn gốc lịch sử, lấy dấy làm căn cứ và làm đà đẩy cho đấu-tranh cách-mạng.

— *Ý-thức văn-hóa dân-tộc độc-lập* được phô biến, để chống lại chính sách đồng hóa, bằng văn-hóa của nhà Minh.

— *Ý-thức dân-chủ xã-hội* phát hiện trong những thực-hiện như, thành lập giáo-dục phô thông, thiết-lập chế-độ cứu-đế xã-hội (khác với công cuộc từ thiện hay bỗ thi), quy định luật lao-động, vân vân.

— *Ý-thức trách-nhiệm* cũng được phô biến và phát hiện trong sự thực-hiện chế-độ cưỡng bách tòng quân (obligation militaire).

VII.— Sự-nghiệp và thành-tích cách-mạng Lê-Lợi.

Dưới đây là những nét chính trong những thực-hiện cách-mạng và kiến-quốc của Lê-Lợi :

— Phát-huy tinh-thần cầu học : đặt Quốc-Tử-Giám, Quốc-Học, mở khoa thi kén, chọn nhân tài, dựng bia tiễn sĩ.

— Thành-lập địa-dư : Địa-dư đồ, Địa-dư chí

— Thành-lập Sứ Dân-tộc : Đại-Việt sử-ký toàn-thư của Ngô-Sĩ-Liên và Thiên-Nam Dư-Hạ Tập của Đỗ-Nhuận.

- Thành-lập Ký-túc xá cho học sinh.
- Thành-lập Tao-Đàn.
- Phát-huy âm-nhạc : bộ « Đồng-văn » và bộ Nhã-nhạc».
- Hình luật và hộ luật được tu chỉnh lại trong bộ luật Hồng-Đức : chế-độ gia tộc được bảo vệ.
- Thực-hiện chế-độ quân điền - lấy công điền và công thô chia cho mọi người.
- Trên phương diện thương mại, thống nhất do lường.
- Thành-lập luật xã-hội, quy định tiền nhân công.
- Thành-lập cùu - tế xã-hội coi là trách-nhiệm của chính-phủ.

VII. — Kết luận

Cuộc Cách-mạng Lê-Lợi là một cuộc cách-mạng mẫu mực nhất trong lịch-sử Việt-nam cũng như cuộc kháng-chiến đời Trần là cuộc kháng-chiến mẫu mực nhất.

Trên tinh-thần tranh-dấu, trên ý-nghĩa và trên ý-thức của cách-mạng, rõ rệt rằng cuộc cách-mạng Lê-Lợi đã noi theo con đường lịch-sử vạch ra bởi các triều-đại trước, đã nối tiếp được với truyền-thống tranh-dấu của dân-tộc.

Những chiến-lược quân sự áp dụng trong cách-mạng đều là do mục-dịch dân-tộc đặt nền trong một hoàn cảnh đắt đai nhất định.

Ngày nay chúng ta có thể so sánh cuộc cách mạng Lê-Lợi với cuộc cách-mạng vô sản do người Cộng-sản Việt lãnh đạo

trên tinh thần trên ý thức và ngay cả trên những thực hiện để rút lấy những kinh nghiệm quý báu cho sự tiến bộ của dân tộc.

Một dǎng là tinh thường của nòi giống, một dǎng là căm thù gai cǎp. Nhưng nếu tinh thường của nòi giống thích hợp với một cuộc toàn dân cách mạng thì căm thù gai cǎp hoàn toàn là không thích hợp bởi lẽ trên ý-thức gai cǎp đấu tranh, nói toàn dân là phi lý nếu không chỉ là một sự lạm dụng danh từ, đã phán định các thành phần gai cǎp đã quyết định tiêu diệt gai cǎp thì rõ rệt là không có vấn đề toàn dân nữa. Toàn dân không bao giờ có thể là một gai-cǎp được, hiểu theo ý nghĩa gai cǎp của người Cộng sản Việt.

Một dǎng là ý-thức dân-tộc, một dǎng là ý-thức gai.cǎp đấu tranh của chủ-nghĩa Cộng-sản. Vì dân-tộc cho toàn dân là cứu cánh của cuộc cách-mạng Lê-Lợi, vì gai cǎp cho riêng gai cǎp, mà là một gai cǎp, chưa thành hình gai cǎp ấy là cứu cánh của mạng vô sản Cộng sản. Ở sự khác biệt đó mà phát sinh ra tất cả sự sai khớp giữa một sự thực của dân-tộc, kháng chiến với lý luận lãnh-đạo đấu-tranh rút trong một chủ-nghĩa ngoại lai. Và cũng ở sự sai khớp đó mà người Cộng sản Việt phải lừa dối dân chúng Việt, dưới danh nghĩa dân-tộc cách-mạng thực-hiện một cách-mạng phi dân-tộc và phi quốc-gia.

Một dǎng là tinh thần dân-tộc thực-hiện công bằng và nhân ái cho toàn dân, một dǎng là trên tinh-thần gai.cǎp đấu tranh thực hiện một công cuộc tiêu-diệt vĩ đại nhất chưa từng có trong lịch-sử Việt.

Những tiêu chuẩn về quyền lợi dân-tộc và quyền lợi gai cǎp đưa đến những hành động trái hẳn và ngược hẳn với ý-chí của toàn dân.

Để chứng minh cho những hành động hiện-tại của mình, người Cộng.sản Việt phải chối bỏ cả sự thực của lịch-sử, hạ

giá một lịch sử tranh đấu sắt máu xuồng ngang hàng với một âm mưu bóc lột của một giai cấp để tiến tới sự tiêu diệt cái ý thức lịch sử ở nơi quốc-dân là một trong những phương pháp để dẫn dân-tộc và nhân loại đến chỗ « đại đồng » vô ý thức.

Cũng trong cái ý nghĩa đấu-tranh giai-cấp để tiêu-diệt giai cấp ấy mà cách-mạng luật-pháp không còn nữa. Không có pháp trị mà chỉ có chính-trị lấy tiêu-diệt làm mục-dịch, điều này người Cộng-sản Việt cũng đã công nhận là đúng. Không ổn định đời sống của dân chúng, không thống nhất được nhân tâm trong một đời sống chính trị không đảm bảo, đó là những đặc điểm của cách mạng vũ sản, trái hẳn với cuộc cách mạng dân tộc của Lê-Lợi với một chế độ pháp trị rõ rệt lấy ổn định nhân tâm, lấy kiến thiết quốc gia làm mục đích.

Qua những nhận xét sơ lược trên, chúng ta đã thấy nỗi bất len một mẫu mực quân nhân cách mạng dưới sự lãnh đạo của Lê-Lợi. Đây là một dân tộc cách mạng chiến sĩ trong tình thương của nỗi giống đem máu ra rửa sạch những nhục nhã dưới thời đờ hở, theo đuổi sự thực hiện những ý thức dân tộc độc-lập, văn hóa độc lập, khác hẳn với chiến sĩ cách-mạng vũ sản cộng-sản, trong căm thù giai-cấp theo đuổi thực hiện sự thống trị của một giai cấp trên những giai cấp khác, tự cắt đứt mình ra khỏi truyền thống cách-mạng của dân-tộc lịch-sử.

Quân nhàn Việt dưới thời đại Nguyễn-quang-Trung (1788 — 1802)

I.— Nền tảng và điều kiện xã hội thành lập quân đội Quang-Trung

Sau đời Lê-thánh-Tôn ít lâu, các vua kế nghiệp khống dù súc thực hiện một chế độ xã-hội thích hợp với xu hướng của quốc dân Việt đã tiến bộ rất mau trong thời kỳ toàn thịnh của nhà Lê. Mạc-Đăng-Dung cướp ngôi vua, sau đó là cuộc phù Lê diệt Mạc của Nguyễn-Kim và Trịnh-Kiêm.

Suốt 256 năm lầm than và loạn lạc trong cuộc Trịnh Nguyễn phân tranh, lại thêm nạn quyền thần tham tàn, dân chúng Việt đã sống trong một hoàn cảnh mà dân quyền của người Việt trước lên cao bao nhiêu thì nay lại xuống thấp bấy nhiêu.

Trịnh Nguyễn phản tranh đưa đến một nhu-yếu thống nhất trong dân chúng : thống nhất nhân tâm và thống nhất đất nước.

Sau 200 năm loạn lạc trong dân chúng Việt tất nay có một nhu-yếu ổn-định tinh thế xã-hội và một nhu yếu cách-mạng khôi phục lại dân-quyền Việt,

Quang-Trung là người đã đứng lên gánh trách-nhiệm lịch-sử để làm thỏa mãn những nhu-yếu ấy của quốc-dân.

II. — Những chiến công của vua Quang-Trung

Trận Gia-Định :

Năm 1782, Nguyễn-Huệ đem mấy trăm chiến thuyền vào Cần-Giờ đánh nhau với quân của Nguyễn-Vương ở Ngã Bảy Nguyễn-Vương thua to phải bỏ thành Sai-gon chạy đến Ba-Giồng rồi lánh ra đảo Phú-Quốc. Nguyễn-Huệ rút quân về Qui-Nhơn.

Năm 1783, Nguyễn-Huệ lại đem quân vào đánh Saigon, Nguyễn-Vương lại chạy sang Phú-Quốc, Nguyễn-Huệ ra đánh Phú-Quốc, Nguyễn-Vương chạy sang đảo Cốc-Rồng. Nguyễn-Huệ lại đem thuyền vây đảo may có bão làm đắm thuyền Tây-Sơn nên Nguyễn-Vương mới thoát khỏi vòng vây chạy sang Cô-Cốt rồi trở về Phú-Quốc.

Tháng 3 năm 1784, Nguyễn-Vương sang Vọng-Các, vua Xiêm tiếp đón long-trọng rồi sai tướng là Chiêu-Tăng và Chiêu-Xương đem hơn hai vạn quân và 3 chiến thuyền sang đánh Tây-Sơn. Quân Xiêm lần lượt đánh các miền Rạch-Giá, Ba-Thác, Trà-Ôn, Măn-Thít và Să-Dec. Được tin Nguyễn-Huệ vào Gia-Định, dù quân Xiêm vào Xoài-Mút gần Trạch-Gầm ở

phia Tây Mĩ-Tho rồi đánh có một trận giết quân Xiêm chỉ còn hơn 1000 người chạy theo đường rừng trốn về nước.

Nguyễn-Huệ đã phát tan chiến lược toàn diện chiếm lĩnh của quân Xiêm.

Quang-Trung đại phá quân Thanh

Sau khi Vũ-Văn-Niệm là tướng Tây-Sơn đã hạ thành Thủug-Long thì bọn Lê-Quýnh hộ vệ Thái-hậu và Thái-tử Lê-Mân.Để chạy lên Cao-Bằng và cầu cứu nhà Thanh.

Vua nhà Thanh giao cho Tôn-Sĩ-Nghị là Tông-Đốc Lưỡng-Quảng lấy quân ở bốn tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây, Văn-Nam và Quý-Châu sang đánh Tây-Sơn.

Quân Thanh với 20 vạn người (có sách chép 29 vạn) chia làm 3 đạo thẳng tiến vào đất Việt.

Vũ-văn-Niệm và Ngô-Văn-Sở liền rút quân khỏi Thủug-Long về Tam-Điệp để thành trống cho 3 đạo quân Thanh tiến vào.

Ngày 22 tháng II âm-lịch (cuối năm 1788) Tôn-Sĩ-Nghị làm lễ phong Lê-Mân.Đế làm Annam Quốc-Vương rồi tự nắm quyền chế phát.

Cuộc hành quân của Quang-Trung :

Trước khi phát binh Bắc-Bình-Vương Nguyễn-Huệ sai lập đàn ở núi Bạch-San ngày 25 tháng II âm lịch làm lễ lên ngôi Hoàng-Đế, đặt niên hiệu là Quang-Trung (đó là một cách an lòng dân cho danh chính ngôn thuận).

Làm lẽ xong Quang-Trung tự lĩnh thủy bộ đại quân ra Bắc-Hà đến Nghệ-An, người nghỉ lại 10 ngày để lấy thêm binh, cả thảy được 10 vạn quân và hơn 100 con voi. Ngày 20 tháng chạp âm lịch quân kéo đến Tam-Điệp, gặp Vũ-Văn-Niệm và Ngô-Văn-Sở ra tạ tội.

Quang-Trung an ủi mọi người rằng : «Chúng nó sang phen này chỉ mua cái chết đó thôi. Ta ra chuyến này thân coi việc quân, đánh giữ đã định mèo rồi, đuổi quân Tàu chẳng qua 10 ngày là xong việc, nhưng chỉ nghĩ nó là nước lớn gấp 10 ta, sau khi nó thua một trận rồi tất nó lấy làm xấu hổ, lại mưu báo thù, như thế thì đánh nhau mãi không thôi, dân ta hại nhiều ta không đánh lòng được, Vậy đánh xong trận này ta phải nhờ Ngô-thời-Nhiệm dùng lời nói cho khéo để định chỉ việc chiến tranh. Đợi 10 năm nữa nước ta đủ sức phủ cường rồi ta không cần phải sợ nó nữa ».

Quang-Trung truyền cho tướng sĩ ăn Tết Nguyên-Đán trước đê đêm hôm trù-tịch thi cất quân đi, định ngày mồng 7 tháng giêng năm Kỷ-Dậu thi vào Thăng-Long mở tiệc ăn mừng.

Cái chắc chắn và quyết thắng ấy cùng cái viễn kiến trong tương lai bộc lộ trong những câu nói, đi đôi với cuộc hành binh theo đúng ngày hẹn trước khiến cho ta thấy rằng Quang-Trung là một thiên tài quân sự.

Vương chia quân làm 4 đội lớn phân phát công việc như sau:

— Đại-tư-mã Sở và Nội-Hầu Lân lĩnh tiền quân làm tiền phong;

— Hám-Hồ-Hầu dàn hậu quân làm đốc chiến.

— Đại-dò-dốc Lộc và Đô-dốc Tuyết lĩnh hữu quân và thủy quân vượt biển vào sông Lục-Đầu. Đô đốc Tuyết trong mặt

Hải-duong dè tiếp ứng mặt Đông, đại-dò đốc Lộc, thì di gấp lên miền Lạng-Giang, Phượng-Nbǎn, Yên-Thế dè chặn đường quân Thanh thua chạy;

— Đại-dò-dốc Bảo, đô-dốc Mưu lĩnh tǎ quân tượng mã đi đường núi ra đánh phia Tày.

Mưu thì xuyên ra huyện Chương-Đức (nay là Chương-Mỹ Hà-Đông) tiến quân đến làng Nhân-Mục huyện Thành-Trì đánh quân của Sầm-Nghi-Đống.

Bảo thì cầm quân tượng mã theo đường huyện Sơn-Minh (Üng-Minh Hà-Đông) đồ ra làng Đại-Áng, Thành-Trì tiếp ứng cho cánh tả.

Chính nhà vua, thì đốc xuất hùng quân do đường Sơn-Nam mà tiến quân. Đặt định xong, ngày 10 tháng chạp âm-lịch, năm đạo quân cùng tiến ra Bắc.

Tới Gián-Khầu (Ninh.Bình) quân Tày-Sơn đánh một toán quân nhà Lê.

Tới Phú-Xuyên bắt hết một đội quân Thanh do thám không một tên nào thoát. Vì thế những đồn quân Thanh đóng ở Hà-Hồi (Thường-Tin) và Ngọc-Hồi (Thanh-Trì) đều không biết gì hết.

Mồng bə Tết quân ta thình linh đánh úp và chiếm Hà-Hồi thu hết quân lương khí giới của giặc.

Mồng 5 Tết quân ta mờ sáng kéo đến Ngọc-Hồi, Quang-Trung sai dồn hết quân lương của mình vào một khu rồi dốt sạch, lấy một cái khăn vàng buộc vào cõi tỏ ý phải tử chiến, rồi thúc quân đánh đòn với hơn 100 voi đi trước. Quân Thanh xông ra đánh

thấy voi chạy tán loạn Trong thành tên đạn bắn ra như mưa để cõi thủ. Quang-Trung truyền lệnh lấy ván cứ 3 tấm phép làm một, lấy rơm cỏ nhúng nước buộc ngoài rồi sai quân kiện dũng cứ 20 người khiêng một lá, mỗi người cầm một con dao, 20 người cầm khi giới theo sau, nhà vua đi theo đốc chiến; quân ta lướt qua mưa đạn, vượt qua rào sắt, phá tan cửa lũy, tràn vào tận trong đồn, quẳng ván xuống đất, rút dao đánh giáp lá cà, quân Thanh chống không nổi xéo lên nhau mà chạy. Tướng nhà Thanh là đè đốc Hứa-Thế-Hanh, tiên phong Trương-Sĩ-Long, tả dực Thượng-Duy-Thắng đều tử trận cả.

Thùa thắng quân ta đánh luôn các đồn quân Thanh ở Văn-Điền và Yên Quyết.

Đội quân tượng mã của đại-dô đốc Bảo tự làng Đại-Áng ra đuổi quân Thanh bại trận về phía Đàm-Mục. Hàng ngàn người chết vì bị voi dày xéo.

Trong khi ấy thì cánh tả quân của đô-dốc Mưu đánh đồn quân Sầm-Nghi-Đống ở Đống-Đa. Nghi-Đống cõi thủ trong đồn hơn một ngày đêm, tên thuốc hết cả, sáng mồng năm thắt cổ tự tử.

Thắng trận Đống-Đa, quân đô-dốc Mưu kéo vào cửa ô, trong thành ngọn lửa nội ứng của đè-lĩnh Đinh (do Nguyễn-Thiệp đã trao mật thư của Quang-Trung để thuyết phục) bùng lên đốt dinh thự và kho tàng.

Tôn-Sĩ-Nghị hoảng hốt nhảy lên ngựa không kịp thắt yên đem mấy tên lính kỵ chạy qua sông Kinh-Bắc (Bắc-Ninh) quân các trại xô nhau chạy trốn qua cầu, cầu đổ, quân Thanh chết đuối rất nhiều.

Ngày hôm ấy vua Quang-Trung đốc quân đánh giặc, kéo vào Thắng-Long áo bào đen như mực vì thuốc súng.

Với một số quân bằng nửa, vua Quang-Trung đã phá tan trong năm ngày 20 vạn quân Thanh.

Nhờ ở tinh-thần quyết chiến của các tướng sĩ, nhờ ở thuật hành binh thần tốc là phép cưỡng hành quân đè xuất kỵ bất

ý đánh thắng vào chủ lực của quân địch, Quang-Trung đã toàn thắng và đã mở một kỷ-niệm mới trong khoa học quân sự ngay nay là chiến tranh chớp nhoáng.

Trước khi phá đồn quân Thanh ở Ngọc-Hồi, đồn quân của mình vào một nơi rồi tự ý dốt sạch đó là một thủ đoạn táo bạo của một tinh-thần quyết thắng mà chưa có một tướng nào dám thi-hành ; đó cũng là thủ-doạn của Alexandre le Grand hơn ba thế-kỷ trước Tày lịch.

III. — Quang-Trung kiến quốc.

Nhìn qua công cuộc kiến quốc của Quang-trung để khám phá ra cái trình độ ý-thức chính-trị, quân sự đấu-tranh của thời đại đó là một việc cần thiết.

Vua Quang-trung ở ngôi có 5 năm ; với một thời gian quá ngắn như thế, mọi công cuộc kiến-thiết chỉ là những bước mở đầu. Tuy nhiên, Quang Trung đã rõ ra là một chính-trị gia lỗi lạc.

Chế-độ : Vua Quang-Trung xây dựng lại đế-chế, phân chia vùng cho các con ra phiên trấn các miền trọng yếu. Triều đình tổ-chức rập theo khuôn khổ triều đình nhà Thanh.

Quang-trung rời kinh-dò về Nghệ-An và nhờ Nguyễn-Thiệp xây dựng hoàng thành ở núi Kỷ-Lân. Nhưng với kế-hoạch kiến-quốc 10 năm, với hoài bão lấy lại được Quảng-Đông và Quảng-tây là đất cũ của tổ tiên Việt, chúng ta cũng đoán được một phần nào người sẽ đóng đô ở đâu theo địa-lý quốc-phòng một khi Lưỡng-Quảng đã thuộc về người Việt.

Văn hóa: Vua Quang-Trung rất chú trọng đến việc đào tạo nhân tài, mở mang việc học, người cho thành lập tại các xã những

xã-học với những xã-giảng-dụ để dạy học trò, lập phủ-học và bồ-một viên huấn đạo trông nom việc học cho mỗi phủ.

Tờ chiếu Lập Học là tinh thần học thời Quang-Trung tố sự trọng nho sĩ và lưu tâm đến truyền bá chữ Nôm bằng phiên dịch kinh truyện.

Xã-hội tồ-chức: Sửa sang lại hộ tịch người dân nào cũng phải có tin bài. Lúc bấy giờ có nạn đinh thiều điền đa nên nhà vua bắt các xã-trưởng phải khai rõ số điền thực khẩn và số hoang điền cùng với số đinh thực tại và số dân phiêu bạt mới về, để triều đình căn cứ vào đấy mà bồ !huế.

Kinh tế: Vua Quang-Trung khuyến khích nhà nông mở mang thương nghiệp. Nhà vua cho người sang điều định với nhà Thanh cho người Việt mở chợ Bình-Thủy-Quan thuộc tỉnh Cao-Bằng và ở Du-Thôn ải thuộc tỉnh Lạng-Sơn mà được miễn thuế, người lại xin lập nhà hàng ở Phủ Nam-Ninh tỉnh Quảng-Tây cho người Việt sang đó mở mang thương nghiệp.

Binh chép: Cứ ba người thì chọn một người lính

Tất cả công cuộc kiến-quốc đó đặt trên một kế-hoạch 10 năm.

Lấy ngoại giao khiêu khích để yểm hộ cho đối ngoại mậu-dịch, vua Quang-Trung đã tỏ ra là một chính-trị gia đại tài.

Đặt kế-hoạch chính-trị 10 năm, vua Quang-Trung đã tỏ ra có một bộ óc sáng tạo và rất sáng suốt nhìn vào tương lai, nắm giữ vận-mệnh quốc-gia để đưa đất quốc-dân.

IV.— Căn bản ý-thức đấu-tranh:

— Ý-thức chiến-tranh khoa-học.

— Ý-thức độc-lập được phát huy: dùng toàn chữ Nôm trong các công việc hành-chính.

— Ý-thức chính-trị kế-hoạch hóa : kế-hoạch 10 năm.

— Ý-thức quân sự kế-hoạch hóa.

V.— Kết-luận

Xã-hội Việt vì hơn 200 năm loạn lạc, trên con đường tiến-bộ đã thua kém quốc-tế, không ăn khớp với cái thiên tài quân sự và chính-trị của Quang-Trung vượt hẳn thời đại. Do đó mà cái tinh-thần « trung quân » của quân thần nhà Lê đã làm cản trở rất nhiều công cuộc kiến quốc của Quang-Trung. Tuy nhiên, phần lớn là do Quang Trung mất sớm không có người kế-nghiệp một cách xứng đáng. Lại nữa là trào lưu tư tưởng Âu-Tây đã xâm nhập vào đất nước làm lung lạc những nền móng tin tưởng cũ của người Việt mà đón lấy trào lưu đó lại không phải là Quang-Trung.

Tuy nhiên cái vinh dự làm một người quân nhàn dưới thời Quang-Trung không phải là một vinh dự nhỏ với cái ý-thức-chiến-tranh của Quang-Trung đi trước thời đại.

Tờ chiếu Lập-Học của vua Quang-Trung chưa đựng cả một hoài bão của Quang-Trung muốn thành lập một nền học thuật độc lập của người Việt tạo một tinh thần độc lập làm nội dung cho những hình-thức độc-lập.

Có thể nói rằng 200 năm đau khổ của dân-tộc đã kết tinh lại một Quang-Trung để lãnh-dạo dân-tộc và thời đại.

Tất cả cái tinh thần độc lập, quyết chiến và quyết thắng của người quân nhàn dưới thời Quang Trung còn mãi mãi là những tấm gương cho người Việt soi chung.

Thứ đặt định một mẫu mực quân nhân trong hiện tại

Lần theo những bước tranh đấu của lịch sử Việt, chúng ta đã thấy rằng ở mỗi thời-đại đều xuất hiện một mẫu mực quân nhân mà đại diện là những anh hùng dân-tộc, tên tuổi và sự nghiệp còn ghi rõ trong sử-sách.

Mỗi thời đại, trên nền tảng và điều-kiện xã-hội, người quân nhân Việt đứng trước những nhiệm-vụ của thời-đại, đã hoàn thành những nhiệm-vụ đó trong tinh-thần nào và bằng những phương-pháp nào, những điều đó đã được trình-bày rõ-rệt ở trên.

Thời đại tuy khác nhau đưa đến những mẫu mực quân nhân Việt khác biệt từ ý-thức đến thực-hiện nhưng không phải là không có một sự nhất thống bên trong như chúng ta đã thấy. Các thế hệ người Việt đấu-tranh đều truyền tiếp cho nhau những kinh-nghiệm máu làm thành một truyền thống đấu-tranh trong kháng chiến và cách-mạng.

Do đó mà người quân nhân hiện đại chỉ là người trước lịch sử, tiếp tục một sứ-mạng đấu tranh của dân tộc trong một hoàn cảnh mới với những nhiệm vụ mới của thời đại.

Thích ứng với hoàn cảnh mới và với những nhiệm vụ mới là một điều cần thiết, nhưng không vì thế mà dứt bỏ được với lịch sử để uồng phi cả một nguồn năng lực đấu tranh rỗi rào.

Trên ý nghĩa ấy, chúng ta thử đặt định một mẫu mực quân nhân hiện đại phát hiện trong tư cách, thái độ và đạo đức của người quân nhân. Những phát hiện hè ngoài đó quy định nên bởi những ý thức bên trong người quân nhân. Những ý thức đó là những ý thức xã hội, dân tộc, thời đại, là những điều kiện tinh thần cần thiết trong một cuộc đấu tranh có mục đích rõ rệt, có kế hoạch.

I.—Vấn đề tư cách thái độ và đạo đức của người quân nhân

Cho đến ngày nay, trên địa hạt quân sự, người ta chỉ nặng về vấn đề kỷ luật trong quân đội, coi nhẹ tư thái và đạo đức của người quân nhân. Kỷ luật là điều kiện cần thiết trong quân sự chỉ huy yêu cầu một sự phục tòng tuyệt đối và một sự mau lẹ trong sự chấp hành mệnh lệnh. Tư thái và đạo đức quân nhân thường bị coi như không có một ảnh hưởng quyết định nào trong chiến tranh, hoặc như nếu có thì cũng không được coi là một yếu tố quan trọng.

Hình thức chiến tranh cổ điền phong kiến đã lỗi thời, nhưng quan niệm ấy còn được tồn tại mãi đến ngày nay là bởi tinh bão thủ và nặng về những tập quán không còn thích hợp với thời đại.

Trong giai đoạn hiện tại của lịch sử nhân loại, hình thức chiến tranh đã thay đổi, ý thức thời đại tiến hóa đã khiến cho quan điểm quân sự đấu tranh không chính trị nghĩa là vô ý thức hoàn toàn mất hết hiệu nghiệm chiến đấu.

1—*Thời đại này là thời đại quần chúng(ère des masses)dân*

làm chủ lấy vận mệnh của mình, chính trị là ở trong tay dân. Quản ở trong dân mà ra tất phải có ý thức chính trị. Hơn nữa cái tính chất dân làm chủ tạo nên cái nhu yếu quân sự chính trị hóa, bởi lẽ lực lượng quân sự không còn là một công cụ trong tay một cá nhân nào mà là một lực lượng có ý thức tranh đấu cho mình và vì mình, nghĩa là cho dân và vì dân.

2 — *Hình thức chiến tranh* cũng đã thay đổi từ đầu thế kỷ thứ XX. Chiến tranh hiện nay là chiến tranh toàn diện (guerre totale — Ludendorff) trên suốt mặt văn-hóa, chính-trị, tâm-tý, kinh-tế, sản-xuất, xã-hội và tình báo, trong đó vũ-lực đấu tranh chỉ là một bộ mặt của chiến-tranh toàn diện.

Trên suốt các mặt đó có sự vận động giữa các ngành hoạt động và một sự hiệp-diệu ảnh hưởng lẫn nhau.

Cho nên không phải chỉ có một lực lượng vũ trang tham dự chiến-tranh mà là toàn dân tham dự trong các lãnh-vực sinh-hoạt của một quốc dân trong chiến thời : từ năng lực sản-xuất (capacité de production) đến năng lực chiến-dấu của mỗi người dân cùng sức chịu đựng của toàn dân đều đặt trong một trạng thái sinh-hoạt phi thường.

Những tinh chất của một chiến-tranh toàn dân và toàn diện đó đặt lên những vấn-dề phải giải-quyet :

— Huy động được toàn quốc dân trong mọi lãnh-vực sinh-hoạt..

— Giữ vững và tăng cường được tinh-thần tranh-dấu của toàn dân,

— Lấy tổ-chức và kỹ-thuật cao độ để xây dựng một hệ thống, thống nhất các ngành hoạt động xã-hội với tác dụng là tăng năng lực chiến đấu của toàn dân.

Giải quyết những vấn-dề đó được, phải trông vào sức thầm-thấu của toàn dân đối với ý-thức tranh đấu nghĩa là phải có chính trị phổ biến trong quần chúng. Tất cả cái tác dụng

của chính-trị trong chiến thời là nhằm giải quyết những vấn-dề đó.

3) Thêm vào những tính chất nói trên của chiến tranh toàn dân và toàn diện, *tính chất vũ-kí khoa-học* (máy bay, súng bắn xa, bom, v.v.) đã khiến cho cái ranh giới giữa chiến trường và hậu phương gần như bị xóa bỏ và trở thành không rõ rệt, hậu phương có thể trở thành chiến trường bất cứ lúc nào và chiến trường có thể do sự biến chuyển của chiến cuộc mà trở thành những miền an toàn.

Quân và dân vì thế có những tương quan mật thiết : Sự mật thiết đó còn tăng lên bởi nhu yếu chiến-tranh khoa-học ngày nay đã đặt lên vấn đề chiến-cấp (logistique). Chiến trường đòi hỏi một sự cung cấp thường xuyên chiến-cụ và đạn dược, dầu súng vàn vàn, khác hẳn với thời trước là mỗi người quân nhân thường mang theo mình đủ đạn dược, thức ăn dùng trong một trận, nhưng ngày nay súng tối tàn ăn đạn mà sức người mang không xuể.

Bởi những lý do đó mà dân trở thành một dự trữ chiến-lực (*réserve stratégique*) quyết định vận mạng thành bại của chiến trường cũng như quân có nhiệm vụ bảo vệ những dự trữ chiến-lực đó.

Cái lẽ tương quan mật thiết ấy giữa quân và dân đi đôi với cái ý-thức của thời đại và tính chất của chiến tranh hiện đại đòi hỏi ở người quân nhân những điều kiện tinh thần tối thiểu để xứng đáng với thời đại mà hoàn thành nhiệm vụ của mình:

1) Một ý-thức tranh-dấu ;

2) Tư cách thái độ và đạo đức quân nhân.

Có ý-thức tranh-dấu mới có tinh thản tranh-dấu.

Không có ý-thức tranh-dấu, nghĩa là không có lý luận đấu tranh ấy là thất bại tự trong lòng trước khi thất bại ngoài thực tiễn.

Thời đại này là thời đại của lý luận, tổ chức kỹ thuật cao độ.

Nếu không có ý-thức tranh-dấu mà chỉ tranh-dấu theo những xung động tình cảm là làm mồi cho đối phương lung lạc một

khí đổi phương thích ứng được với thời đại dùng tất cả lý-luận, tổ-chức, kỹ-thuật và phương pháp đấu-tranh để tấn công lại.

Mà không xây dựng được tư cách, thái-độ và đạo đức của người quân, cho đúng mực, *hợp với ý-thức tiến-hoa* của xã-hội *hợp với nhiệm-vụ và sứ mạng giai-đoạn của người quân nhân*, thì không biết căn cứ vào đâu để đối xử với dân chúng ; không hòa được với dân để lấy dân làm hậu-thuẫn cho quân sự đấu tranh, không phát-huy được được năng-lực chiến đấu chung của toàn dân và còn có nghĩa là cắt đứt khỏi cái nguồn năng lực chiến đấu, khỏi kho dự trữ của toàn dân.

Yếu-dè tư cách, thái-độ và đạo-đức của người quân nhân được đặt ra không ngoài cái nhu-yếu nói trên của thời-đại.

Ý-thức tranh-dấu tức quan niệm, lý-luận, phương pháp tranh đấu quy định nên cái tư thái và đạo đức của người quân nhân.

Do đó mà tư cách, thái-độ và đạo đức quân nhân có thể *còn như một bộ mặt chính-trị của quân đội trong nền chính-trị toàn bộ của một quốc-gia*, nó phản ảnh nền chính-trị toàn bộ của một quốc-gia và quân nhân theo đó được coi là tiền phong của một chính-thế.

Cho nên một quân đội đế-quốc là phản ảnh một đế-quốc.

Một quân đội phong-kiến cũng mang tính chất của chế-độ phong-kiến.

Và một quân đội cộng-hòa và dân-chủ cũng mang tính chất dân-chủ hay cộng-hòa.

Tác phong của quân nhân trong mỗi thứ quân đội đó, chúng ta đều thấy rõ ; nó bộc lộ cái tính-thần của quân đội đó.

Trong nền chính-trị toàn bộ của một quốc-gia quân đội mang những tính chất của nó và quân sự đấu-tranh chỉ là sự ruồi dài của nền chính-trị đó.

Ở một thời đại như thời đại hiện tại mà trình độ ý-thức chính-trị của quân chúng, nhờ sự thè nghiệm các chính-sách, nbow ở đấu-tranh đã tới một mức độ cao, cái tương quan giữa chính-

trị và quân sự nói trên lại càng đòi ở người quân nhân một tối thiểu ý-thức chính-trị.

Thời đại yêu-cầu là như thế và lẽ tiến hóa buộc phải như thế.

Và chính cái tối thiểu ý-thức chính-trị ấy yêu cầu mỗi người quân nhân phải xác định cái tư cách, thái-độ và đạo-đức của người quân nhân,

Nói một cách khác là :

Tư cách thái-độ và đạo-đức của người quân nhân phải xây dựng trên cái ý-thức chính-trị đó lấy làm cơ sở và làm nội dung tinh-thần, làm phần hồn của quân đội.

Sự thành lập văn-dè tư thái và đạo-đức của người quân nhân cho phép ta kết-luận : nhu-yếu chính trị của thời-dai tiến-hoa đã đặt văn-dè lên và đòi được giải-quyết. Sự trưởng thành của một quân đội trên phương diện tinh-thần một phần lớn là tùy heo ở sự giải-quyết đó, đi đôi với sự trưởng thành trên tri-thức chiến-tranh.

II.— Một ý-thức chính-trị tối thiểu trong giai-doạn hiện tại :

Nếu chúng ta đã nhận thấy rằng tư thái và đạo đức của người quân nhân là một bộ mặt chính-trị của quân đội, phản ánh cái nhiệm-vụ và sứ-mạng thời đại của quân đội và lại được xây dựng trên một ý-thức chính-trị của giai-doạn lịch-sử hiện tai thì văn-dè thành lập cái ý-thức chính-trị đó là một văn-dè cần-thiết. Do đó mà chúng ta có thể rút được một mẫu mực quân nhân hiện tại trên phương diện tinh-thần và ý-thức đấu-tranh

Đây là công việc xay móng, xay nền !

Vậy ý-thức chính-trị ở đâu mà có ?

Hoàn cảnh xã-hội thực-tiễn, các lãnh-vực sinh-hoạt của xã-hội như kinh-tế, chính-trị, văn-hóa, quân sự, tôn giáo vân vân cùng với những trào lưu tư tưởng chính trị, văn hóa ngoài thế giới ảnh hưởng vào đất nước tạo nên trong đầu óc mọi người một ý-thức, nghĩa là những ý-niệm về những sự thực sinh-hoạt trong xã-hội.

Những ý-thức ấy cũng chỉ là những ý-thức ngon, trong dòng sống lịch-sử của một dân tộc, một quốc dân trong một giai-đoạn lịch-sử còn mang theo những ý-thức cơ sở, những ý-thức cấu thành trong quá trình thành-lập dân-tộc do các thế hệ quốc dân trước truyền lại cho và là những cơ sở, những ý-thức gốc của quốc dân đó.

Trình độ ý-thức chính-trị của mỗi người dân là tùy theo trình độ nhận thức chính-tị của từng người trong những điều-kiện sinh-hoạt vật-chất và tinh-thần riêng biệt của cá-nhân. Công việc ở đây là đi tìm một mẫu số chung (denominateur commun) giữa những khác biệt của các ý-thức chính-trị để tạo nên một ý-thức chính-trị chung, rõ rệt, khả dĩ có thể làm cơ sở trên đó xây dựng phần tinh-thần của quân đội.

Một hoàn cảnh chính-trị nào thì cũng kết-hợp nên bởi những yếu-tố chính-trị chính và phụ trong đó phát sinh ra những nhu-yếu cần được thỏa mãn những nhiệm-vụ phải thực-hiện, những vấn-dề phải được giải-quyết, quy-định nên đường lối phải hợp với hoàn cảnh xã-hội.

Và việc khám phá ra những yếu tố là việc tất nhiên cho phép nêu lên những nét chính của một ý-thức chính-trị chung.

Yếu-tố thứ nhất : yếu-tố cách-mạng

Xã-hội Việt-Nam sau non một trăm năm bị đặt dưới sự đỗ hộ của thực dân Pháp đã bị thụt lùi trên con đường tiến-

hóa. Đà tiến-hóa của quốc dân Việt bị chặn lại bởi những sự lũng đoạn của thực-dân trong đời sống vật-chất và tinh-thần của toàn dân. Nhân quyền và dân quyền của người Việt bị chà đạp.

Về đời sống tinh-thần: dân chúng không được hưởng dân bị đầu độc bởi những thứ văn-hóa không lành mạnh của ngoại lai, các luồng tư tưởng chính-trị tràn vào đất nước mà không có một sự bảo-vệ nào về tinh-thần. Do đó mà những tinh hoa văn-hóa của người thì không h p thụ được mấy mà chỉ học được những cặn bã.

Ý-thức độc-lập, ý-thức dân-tộc bị lung lay đến tận gốc rễ bởi sự giáo dục của đồ họ, văn-hóa cổ truyền của người Việt-Nam bị chìm đắm.

Về đời sống vật-chất : kinh-tế của quốc dân kiệt quệ và lạc hậu, dân chúng bị bóc lột đến xương tủy và bị đàn áp, rượu và thuốc phiện dầu độc cơ thể người dân Việt.

Tóm lại, xã-hội Việt-Nam trong non một trăm năm là một tổ-chức xã-hội lạc hậu trên những nguyên-tắc lạc hậu.

Tình-trạng xã hội đó tạo nên trong quốc dân Việt một nhu yếu cải tạo xã-hội biến thành một nguyện vọng thiết tha: cái nhu-yếu cách-mạng với cái nguyện vọng muôn cải tạo lại đời sống vật chất và tinh thần của toàn quốc dân Việt. Bừng tỉnh giắc nô lệ, trong giao thiệp với quốc-tế, một khát vọng nứa dâng lên: chạy theo kịp với sự tiến-hóa thế giới nhân loại.

N ững sự thực đó nêu một ý-thức chung cho toàn dân: ý-thức cách-mạng.

Quân đội V.N. tất nhiên cũng cảm thấy nhu yếu đó mà cũng có ý-thức cách-mạng đó. Thực-hiện một công cuộc cách-mạng

trở thành một nhiệm vụ của quân đội: *Cho nên tinh chất của quân đội là tinh chất cách-mạng.*

2) Yếu-tố thứ, hai: Yếu-tố dân-tộc

Thực hiện cuộc cách-mạng đây là trên những nền-tảng và điều kiện xã-hội Việt, trong cái khung cảnh của xã-hội Việt thúc đẩy bởi cái-ý thức cách-mạng tự trong đời sống thực-tiễn của quốc dân Việt mà phát sinh ra. Nền tảng và điều-kiện xã-hội, khung cảnh xã-hội Việt ngày nay cùng với hình thê giai-cấp là kết quả của một quá trình vận động của xã-hội lịch sử Việt, cũng như ý-thức cách mạng đây là phản ảnh cả một quá trình xã hội vận động ấy. Bởi lẽ đó cuộc cách mạng đây phải mang những tinh chất ấy, phải tiếp nối với cái quá khứ của lịch sử Việt trên văn hóa, chính-trị, kinh-tế, xã-hội, quân-sư, vân vân.

Bởi lẽ đó nên dân-tộc là yếu tố chính-trị căn bản để xây dựng một ý-thức chính-trị.

Sau non 100 uăm mất chủ quyền ý-thức dân-tộc ngày nay gấp được những điều thuận tiện để phát triển. Trước và nay, nó vốn là yếu tố duy nhất để thúc đẩy dân chúng Việt-nam đứng lên tranh đấu giải phóng dân-tộc giành lấy độc lập hoàn toàn cho quốc gia và để xây dựng một xã hội Việt mới hợp với cách thức sống và điều kiện sống của dân Việt. Những cuộc cách-mạng từ 100 năm trở lại đây đều mang tinh chất dân tộc và đều nhằm hai mục tiêu: phản đế và phản phong nghĩa là giải phóng dân tộc khỏi ách đế quốc thực dân và chống lại những hủ-lậu của một xã-hội phong kiến lạc hậu làm cản trở sự tiến hóa của dân-tộc.

Sự trưởng thành của ý-thức dân-tộc lại tùy theo ở sự khởi

phục lại văn-hóa Việt bị băng hoại và đầu độc. Cho nên trong mọi cuộc đấu tranh của dân tộc đều có vấn đề phục hưng lại nền văn-hóa Việt, nhằm phục hưng lại tinh thần dân-tộc và phát huy các ý thức quốc gia dân tộc.

Ý-thức dân-tộc độc lập còn là nội dung tinh thần của một nền độc lập thực tại.

Trong hoàn cảnh hiện tại, đất dai của dân tộc bị chia cắt, chủ quyền dân tộc bị mẻ sứt khiến cho đời sống của quốc dân vì sự chia cắt đó mà lâm vào tình trạng khủng hoảng trên cả các mặt sinh hoạt văn hóa, chính-trị kinh-tế, xã-hội quân sự vân vân, thì cái nhu yếu của dân-tộc là xóa bỏ được sự phân chia giả tạo đó.

Quân đội phải có nhiệm vụ thống nhất dân tộc, thống nhất lãnh thổ.

Quân đội phải có ý-thức dân-tộc và phát triển ý-thức đó

3) Yếu tố thứ ba: yếu tố Cộng sản

Trong những trào lưu tư tưởng văn hóa, chính trị, kinh tế thế giới xâm nhập vào đất nước từ mấy chục năm trở lại đây chỉ còn có chủ nghĩa Cộng sản là hành trướng trong quốc dân, dựa vào thế lực quân sự và thế lực chính-trị của một số người vong bần và quá mê muội vì một lý-thuyết ngoại lai.

Lợi dụng được hoàn cảnh đặc biệt của xã-hội Việt đang tranh đấu để chối bỏ mọi hình thức thống trị bọn người theo chủ nghĩa cộng-sản ẩn nấp dưới những danh nghĩa dân-tộc, quốc gia kháng chiến để phá hoại dân-tộc quốc-gia và đưa kháng chiến dân tộc vào một sự thất bại nhục nhã.

Chủ-nghĩa đó đã hiện thân lên dưới hình thức một chính

phủ, một quân đội, một tổ chức quần chúng để thống-trị một nửa đất Việt nam, đặt ách thống-trị lên 15 triệu người Việt, đe dọa sự sống còn của dân-tộc.

Trong hơn 10 năm kể từ khi nắm được chính-quyền, chủ-nghĩa Cộng-sản đã hoành hành và tiêu diệt các lực lượng quốc gia dân-tộc mong thực hiện một chế độ xã-hội, văn-hóa, chính trị ngược lại với quyền lợi dân-tộc.

Sự phá hoại của chủ-nghĩa Cộng-sản đối với dân-tộc là suốt mặt :

- Văn-hóa : chối bỏ các nền tảng tinh-thần cổ truyền của dân tộc.
- Chính-trị : đặt dân chúng Việt dưới ách đế quốc, chư hầu hóa.
- Xã-hội : rập theo chế độ xã-hội ngoại lai bất chấp đến cách thức sống của dân tộc.
- Kinh-tế : lệ thuộc, v.v.

Mục đích cuối cùng của cộng-sản là tiêu-diệt dân tộc, từ ý-thức đến hình thức, đưa dân tộc đến chỗ đồng hóa vào một dân tộc khác.

Trước sự trạng đó : *quân đội tất nhiên phải có ý-thức về mối hiểm họa của Cộng-sản đối với dân tộc trên mọi mặt*, để ý-thức được nhiệm-vụ chống Cộng hiện tại.

4) Yếu-tố thứ bốn : yếu-tố chính-trị dân chủ tự-do

Xã-hội Việt đang chuyển mình ; một chế độ xã-hội dân-chủ chân chính, tôn trọng tự do, công bằng là chế độ xã-hội lý tưởng của toàn dân.

Quân đội hiện đại phải là hiện thân của lý tưởng xã hội để phục vụ nhân dân, vì dân mà tranh đấu.

III.—Những nhiệm vụ của người quân nhân do tình-thể chính trị đề ra

Những yếu tố chính trị kể trên là những yếu tố chính chí phối tình-thể xã hội Việt trong giai đoạn lịch sử hiện tại. *quân đội* tất nhiên phải mang những tinh chất của các yếu tố chính-trị đó, phản ảnh đời sống chính-trị của xã-hội.

Những ý-thức chính trị ấy tạo nên một ý-thức chung cho toàn dân và gợi nên một ý-thức về những nhiệm vụ của giai-đoạn lịch sử hiện tại. Chúng ta có thể kể những nhiệm vụ chính như sau đây :

1) Nhiệm-vụ cách-mạng

Toàn dân nhu yếu một cuộc cách mạng xã hội. Quân đội của một quốc-gia độc-lập trong thời kỳ cách mạng là lực lượng tiền phong của cách mạng dân tộc có nhiệm vụ thực hiện những nguyện vọng cách mạng của toàn dân vừa thoát khỏi ách đô hộ của thực dân. Quân đội phải nhu yếu những nhu yếu cách mạng và cải tạo xã hội của toàn dân. Hòa với nguyện vọng cách mạng của toàn dân, quân đội mới có thể tìm thấy trong dân chúng một hậu thuẫn sâu rộng.

2) Nhiệm-vụ dân-tộc

Nhiệm vụ dân tộc đề ra trong giai đoạn hiện tại đã rõ rệt : thực hiện một nền độc lập hoàn toàn, thu hồi trọn vẹn chủ quyền về một mối, thống nhất lãnh thổ.

Để thực-hiện nhiệm-vụ đó, quân đội phải có ý-thức độc-lập của một dân-tộc độc-lập, phải tượng-trung cho tinh-thần thống-nhất của dân-tộc.

Trong sự tiếp-tục cái-sứ mang, tranh-dấu cho độc-lập và thống-nhất của dân-tộc, quân đội phải ý-thức được cái-quá trình vận động trưởng-thành của ý-thức dân-tộc và độc-lập qua các thời đại cho đến ngày nay, phải thè nghiệm bằng lý-trí và tình-cảm tất cả những cố-gắng lớn-lao của ông-cha khi trước tranh-dấu cho độc-lập dân-tộc ngõ-hầu phát-huy được ở nơi-mình những đức-tính đấu-tranh truyền-thống.

3.—Nhiệm-vụ chống Cộng.

Trong cái-nhiệm-vụ giải-phóng dân-tộc khỏi các-thể-lực chính-trị, quân-sư ngoại-bang hoặc tay-sai để-quốc, nhiệm-vụ chống Cộng đã nằm-bên-trong. Sự ý-thức được hiềm-họa Cộng-sản đối với dân-tộc là một điều cần-thiết để thực-hiện nhiệm-vụ chống Cộng. Ý-thức đó càng sâu-sắc bao-nhiêu thì tinh-thần-tranh-dấu càng quyết-liệt bấy-nhiêu.

Cộng-sản là Vô-Tô-quốc, quân đội phải là hiện-thân-của ý-niệm Tô-quốc :

Cộng-sản không đếm-xia đến dân-tộc, lịch-sử lấy-sức tranh-dấu trong căm-hờn-giai-cấp, quân đội phải phát-huy ý-thức lịch-sử dân-tộc, tìm-ở lịch-sử nguồn năng-lực tranh-dấu-bất-tận.

Cộng-sản theo đuổi một sứ-mạng quốc-tế, quân đội phải đề-cao dân-tộc thời-dai sứ-mạng;

Vân-vân...

4 — Nhiệm-vụ bảo-vệ những thực-hiện dân-quyền.

Quân đội không nên quên rằng những thực-hiện dân-chủ, tự-do, công-bằng xã-hội là kết quả của những cố gắng không ngừng của toàn dân. Quân đội có nhiệm-vụ bảo-vệ những thực hiện đó.

IV.— Tư cách, thái-dộ và đạo-đức của người quân-nhân.

Theo đuổi thực hiện một nhiệm-vụ tất nhiên sự thực-hiện đó đòi hỏi những điều-kiện cho phép người theo đuổi sự thực hiện thành công. Không có những điều kiện đó tất nhiên sẽ không thể hoàn thành được nhiệm-vụ của mình. Do đó, có thể nói rằng tư cách, thái-dộ và đạo-đức của người quân-nhân là những điều kiện tinh-thần để người quân-nhân thực hiện được những nhiệm-vụ trên.

Nói một cách khác là những nhiệm-vụ và mục đích theo đuổi, quy định cái tư cách, thái-dộ, và đạo-đức quân-nhân, quyết định một mực quân-nhân hiện đại.

A.— Nhiệm-vụ cách-mạng yêu cầu ở người quân-nhân cái tư chất cách-mạng để xứng đáng với nhiệm vụ mình.

1/ Làm cách mạng là có một tinh-thần tự-nghện, do lòng tự-nghện mà chịu hy-sinh, chịu khép-mình trong những tổ-chức và để cho kỷ-luật của tổ-chức chi-phối. Tinh-thần kỷ-luật trong một quân đội cách-mạng là thứ tinh-thần kỷ-luật tự-giác, vì nhiệm-vụ, vì mục đích lý-tưởng mà chịu hy-sinh cá-tinh-mình, khác hẳn với tinh-thần kỷ-luật của quân đội phong-kiến, đế-quốc đánh-thuê-ván-ván, lấy sự ép-buộc làm-sức mạnh.

Trong một quân đội cách-mạng, quân kỷ phải xây dựng trên tinh-thần tự-giác.

2/ Làm cách-mạng là cùng theo đuổi thực hiện một chí

hướng chung, nhằm cải tạo lại xã-hội, giữa quân nhân cách-mạng với nhau phải có cái nghĩa và cái tình đồng chí.

Trong một quân đội cách-mạng, hình-thức Huynh Đệ Chì Bình thay thế cho thứ Phụ tử chi binh của thời phong kiến.

3) Làm cách-mạng để cải tạo xã hội tất gấp nhiều gian nan, khổ ái.

Quân nhân cách mạng phải có tinh thần chịu đựng, bền dai và hy sinh.

4) Làm cách-mạng là muốn thay cũ đổi mới.

Quân nhân cách mạng phải có tinh thần tiến tiến mà không bão thủ.

5) Làm cách mạng là chống lại mọi bất công xã-hội, chống lại phong kiến bóc lột, chống mọi áp bức và thực hiện bình đẳng.

Quân nhân cách mạng phải có tinh thần dân chủ, không quan-liệu không phách lỗi, mà trái lại phải thành thực gần dân yêu dân và tìm hiểu dân.

B.— Nhiệm vụ dân tộc yêu cầu ở người quân nhân những điều kiện :

1) Nói dân tộc thống nhất phải có tinh thần đoàn kết và làm việc đoàn kết.

2) Nói dân tộc độc lập phải có tinh thần độc lập.

3) Nói dân tộc lập trường phải lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao.

4) Nói dân tộc tranh đấu phải tiếp nối được với sứ mạng lịch sử.

5) Nói phục vụ dân-tộc phải hiểu dân, vì dân, do dân mà làm.

5) Nói dân tộc tinh-thần phải ý thức được văn hóa dân tộc.

C— Nhiệm vụ chống cộng. Nhiệm vụ này đòi hỏi ở người quân nhân:

1) Một lý luận đấu tranh chống với lý thuyết cộng sản ngoại lai.

2) Một phương pháp, kỹ thuật làm việc và tổ chức vượt hẳn phương pháp và kỹ thuật cộng-sản, bằng học hỏi và trao đổi kinh nghiệm.

3) Một ý thức sâu sắc về dân tộc để chống lại ý thức cộng sản

4) Một chính sách và đường lối vận động dân chúng chống lại sự xâm nhập của chủ nghĩa cộng sản.

D — Nhiệm vụ bảo vệ những thực hiện dân quyền yêu cầu người quân nhân xác định được rõ rệt tương quan giữa quân và dân, hòa với dân và có ý thức trách nhiệm, không bừa bãi, trái lại phải biết tôn trọng phong tục của dân, lễ phép và biết giữ trật tự để cho người dân ý thức được những giá trị mà mình bảo vệ.

V — Kết luận

Tất cả những điều kiện tinh-thần ấy quy định bởi những nhiệm vụ mà người quân nhân theo đuổi thực-hiện, phát hiện ra ngoài, thành hành-động, kết hợp lại thành tư cách, thái độ và đạo đức của người quân nhân đối với bạn đồng ngũ, đối với xã-hội nói chung.

Một mẫu mực quân nhân hình thành và làm tiêu chuẩn chung để đánh giá trị của một người quân nhân trên phương

diện tinh-thần, đề thống nhất được tư thái và đạo đức của quân nhân.

Cái mẫu mực ấy phản ánh cả một chế-độ chính-trị, sự thành bại của chế-độ một phần có thể nhìn qua cái mẫu mực đó mà đoán biết.

Sự thành công trong sứ-mạng của quân-đội tất nhiên là tùy theo ở trình-dộ của một quân nhân thầm nhuần được cái ý nghĩa thành bại ấy để mà cố công tu dưỡng, kiềm thảo, xét nét từ mỗi cử chỉ, ngôn ngữ của mình đồng thời rút những kinh-nghiệm thực-tiễn trong xử thế ở mỗi hoàn cảnh riêng biệt.

Tư thái và đạo đức của quân nhân vì thế không phải là một thứ xa xỉ phàm, một lối xã-giao hoặc là những nét tö điêm cho cuộc đời quân nhân bớt thô kệch và vất vả, nó là sức mạnh tinh thần của quân đội, là keo sơn gắn bó những người quân nhân với nhau, gắn bó dân với quân, quân với chế-độ xã-hội, quân với lịch-sử.

Đặt văn-dè mẫu mực của quân nhân rời giải-quyết không phải là công việc giải trí của một người hiểu sự ưa bầy vẽ, mà là làm việc thuận với lẽ tiến-hóa của thời đại, thuận với ý dân.

Nêu lên được một mẫu mực quân nhân là làm một việc xây dựng tinh-thần quyết định vận-mệnh của dân tộc.

Cái mẫu mực ấy như đã trình bày không phải do sự tưởng tượng của một bộ óc nào mà là căn cứ vào lịch-sử với những yếu tố văn-hóa, chính-trị xã-hội, kinh-tế của dân-tộc và thời-đại.

Tất nhiên rằng cái mẫu mực ấy không phải là một lúc mà tạo nên được mà là kết quả của sự trưởng thành không ngừng trên ý-thức chính-trị và trên kinh-nghiệm.

Mục-lục

- I.— Tựa.
 - II.— Khái-niệm về văñ-dè xây-dựng tinh-thần quân đội.
 - III.— Kháng-chiến và Cách-mạng quân thời Thục-An-Dương Vương.
 - IV.— Cách-Mạng quân thời Trung-Nữ-Vương.
 - V.— Cách-mạng thống-nhất Đinh-Tiên-Hoàng.
 - VI.— Quân nhân Việt dưới thời nhà Lý.
 - VII.— Kháng-chiến và Cách-Mạng đời nhà Trần.
 - VIII.— Quân nhân Cách-Mạng thời Lê-Lợi.
 - IX.— Quân nhân Việt dưới thời đại Nguyễn-Quang-Trung.
 - X.— Thủ dặt định một mău mực quân nhân trong hiện tại.
- Kết luận.**

Những sách tham khảo

Đại-Việt sử ký của *Ngô-sĩ-Liên*
Hoàng Lê nhất thống chí của *Ngô-tất-Tổ*
Khâm định Việt sử thông giám cương mục
An nam chí lược của *Lê-Tắc*
Trần triều thế phò hành trạng
Đại nam quốc sử diễn ca của *Lê-ngô-Cái* và *Phạm-dinh-Toái*
Nguồn gốc dân tộc Việt nam của *Đào-duy-Anh*
Việt Nam văn hóa sử cương của *Đào-duy-Anh*
Lý thường Kiệt của *Hoàng-xuân-Hãn*
Trung quốc lịch sử
Việt nam sử lược của *Trần-trọng-Kim*
Lịch sử xã hội Việt nam của *Hoàng-thúc-Trâm*
Việt sử tân biên của *Phạm-văn-Sơn*
vàn vàn ...

Cours d'Histoire Annamite par *Truong-vĩnh-Ký*
Pays d'Annam, par *E Luro*
Le Royaume de Van-Lang, par *Maspéro*
L' Empire d'Annam, par *Gosselin*
Etudes d'Histoire d'Annam, par *H.Maspéro*
La dynastie des Lý antérieurs, par *H.Maspéro*
Les Annamites avant la dynastie des Hán, par *Aucourt*
Les Mongols et la Papauté
Les premières conquêtes chinoises des pays Annamites, par *Aurousseau*,
La sociologie d'une guerre, par *Paul Mus*
L' Indochine, par *H.Maspéro*
Histoire ancienne des peuples de l' Orient Classique, par *Maspéro*
Indochine Nord, par *H.Maspéro*
etc ...

Định chính

Trang	Giòng	In sai	Xin đọc là
9	7	kề tội	kề tội
21	20	những mộc cắm	những mốc cắm
26	7	Kha-lư (Ke ôc)	Kha-lũ (Kè ôc)
30	25	àng dàn áp	sàng dàn áp
34	1	Đại-Nam	Đại-Nan
36	3	tù đời	tử đời
36	17	Đường xá	đường xá
40	1-2	thù giai cấp biển đoàn kết và thống nhất thành tiêu diệt và đặt đế trên cấm - thù thù độc- quyền thống trị.	đặt đế trên cấm thù giai cấp, biển đoàn kết và thống nhất thành tiêu diệt và độc quyền thống trị.
45	7	Định-Liên	Đinh-Liên
47	19	là hiến thân	là hiện thân
52	20	Trương-hải đội	Trường-hải đội
56	21	Triều đình Lý đời	Triều đình Lý đài
65	13	Cuốn « Bình-thư yếu lược »	Cuốn « Bình-thư yếu lược »
73	22	Cuộc xâm lăng	Cuộc xâm lăng
74	15	Trình-Bằng,	Trình-bằng-Phi,
84	15	phá quân Trần-Tri	phá quân Trần-Tri
87	22	... thành Động-dô	... thành Đông-dô
98	3	Nguyễn-Huệ đã phát an trinh xã hội	Nguyễn Huệ đã phá tan trinh xã-hội
113	11	5) Nói dân-tộc	6) Nói dân tộc
120	3	4) Một ý-thức	3) Một ý-thức
120	12		

TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

Giấy phép xuất bản số
216I/XB, Nha T.T.N.P.
cấp ngày 12-12-57

Giá - ~~đồng~~